

**HÀNH HƯƠNG
ĐẤT CHÚA**
của Phan Thiết
(quyển 1)

VÀO ĐỀ

by Phan Thiết

Thực hiện lý tưởng “**Thiên Nhân tương dũ**” (nghĩa là, “trời và người tương quan với nhau”), tôi viết tiểu phẩm này để kỷ niệm 2000 năm “**Thiên Chúa Làm Người**” cho Đông và Tây gặp nhau. Tôi gõ cửa tất cả các thần phật để nhìn ra *đâu là Chúa, đâu chỉ là cục đất sét* do người ta đặt lên bàn thờ mà thờ lạy rồi bảo rằng đó là Chúa.

Tác phẩm được viết ra từ năm 2000 đến tháng chín thì xong. Tuy chỉ có 9 tháng nhưng tác phẩm đã được thai nghén từ 10 năm qua. Trong 10 năm ấy, tác giả đọc sách và suy nghĩ về các chủ đề, nay đã chín muồi nên mới dám cầm bút.

Lực bất tòng tâm, tôi bị chứng tai biến mạch máu não (stroke) nhưng trí óc sáng suốt hơn bao giờ và tưởng rằng phải bỏ cuộc giữa đường. Hoài bão tôi sẽ đi Dubai, từ Dubai đi Mecca rồi Đa-mas (nay là thủ đô nước Syria) bằng đường bộ, đi *chính con đường Mô-ha-mét đã đi bảo tiêu*, rồi gặp phái Cảnh giáo (Netorius). Từ Damascus tới Jerusalem và từ Jerusalem tới Ke-rô (Cairo, thủ đô Ai Cập) cũng bằng đường bộ, đi *chính con đường Mai-sen đã đi để giải phóng dân Do Thái trong 40 năm và thánh Giu-se đem Chúa Jesus đi trốn trong đêm*. Nếu hoài bão đó không thực hiện được thì sẽ tới Mecca và Jerusalem bằng đường hàng không vào lễ Phục sinh năm 2001 để viết tại chỗ hai chương cuối của cuốn sách (chương 6 và 7). Thực ra, tôi đã tới Jerusalem, nay tôi đi một lần nữa để hoàn tất cuốn sách. Để cuộc hành hương có kết quả, sự chuẩn bị trước là cần thiết, bạn đọc phải theo tác giả từ những kiến thức căn bản về Chúa, về lịch sử Cứu độ, hân bạn cũng không buồn lòng vì mất thì giờ.

Về văn phong, tác giả cố ý diễn đạt tiếng Việt trong sáng, thật ngắn gọn cho bạn hiểu ngay vấn đề lắt léo của thần học và triết học, vậy bạn cũng không nên khó tính để nghe các từ ngữ thô tục.

Hướng đã chọn, là dẫn đưa thể hệ mai sau nên tác giả quyết tâm san bằng mọi trở ngại hầu đạt cho được ước vọng một đời người, vì thế *sách này không để copyright, không có số thương mại ISBN, sau này ai muốn in lại thì in, hay là trích dịch tùy ý, miễn ghi rõ xuất xứ*, được vậy tác giả sẽ mỉm cười với bạn đọc nơi cõi vĩnh hằng. Mong thay!

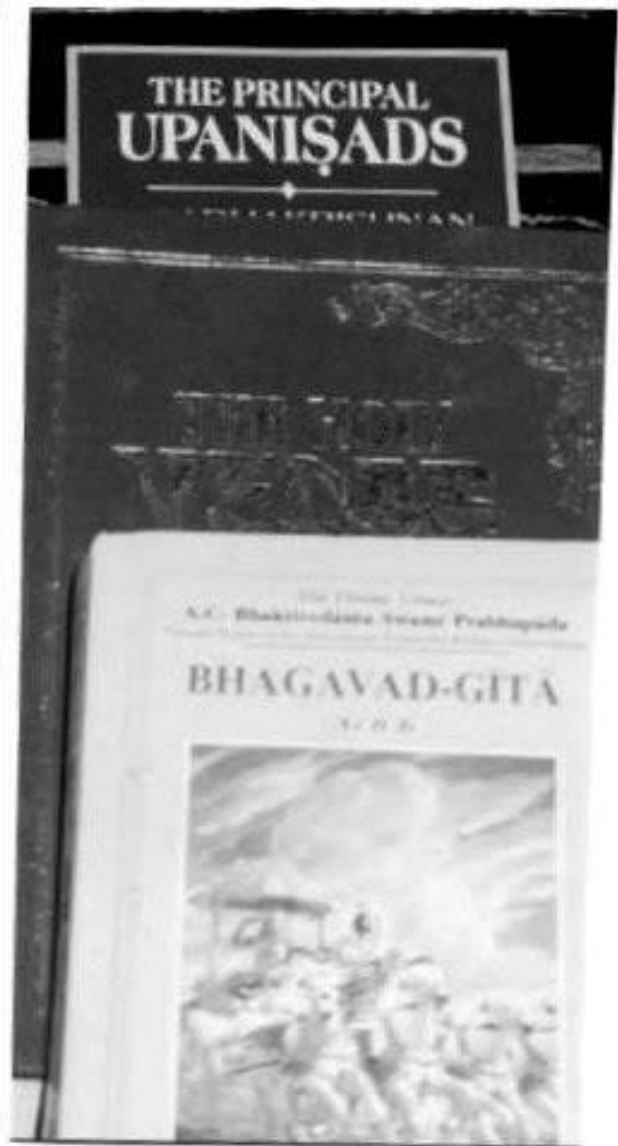
Về danh từ ngoại ngữ trong sách rất đa dạng, biết viết theo danh từ nước nào? Thôi thì theo thói quen của người Việt Nam, ví dụ **Pio** thay cho **Pie** theo tiếng Anh, tiếng Pháp. **Pius** theo tiếng La-tinh..., nhưng cũng nên mở ngoặc cho các bạn tiện tra cứu. Lại nữa, có sự khác biệt giữa người Công giáo và người Tin lành ví dụ như **Phê-rô** (Công giáo) - **Pi-e-rơ** (Tin lành), **Gio-an** (Công giáo) - **Giăng** (Tin lành)... Dân chủ thuộc về số đông, vậy xin dùng âm danh từ của người Công giáo (Việt Nam có độ 10 triệu người) còn Tin lành chỉ là thiểu số (Việt Nam có độ mấy trăm ngàn người). Tác giả không có ý kỳ thị các bạn Tin lành, hay phân chia tín ngưỡng; mong các bạn hiểu cho.

Về các chữ viết tắt dẫn chứng trong sách, ví dụ:

(Gio-an hay John 16:5-8) = Phúc Âm thánh Gio-an, đoạn 16 câu 5 đến câu 8.

(Su-ra hay Su-tra 9:5) = Kinh Cô-răng đoạn 9 câu 5.

(Vol.1 No 90) = Hadith, cuốn 1 câu 90.



Lời Hằng Sống?

Trong số kinh sách của loài người gọi là lời Chúa, chỉ có bốn sách Phúc Am Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca và Gio-an chấp nhận được và được coi là Thánh Kinh. Số còn lại do tưởng tượng phong phú của con người hư cấu nên hay là sách lịch sử. Sách của người Tàu, bộ Tứ Thư Ngũ Kinh được coi là bộ sách gần Thánh Kinh nhất vì tư tưởng cô đọng, phổ quát cho mọi người và mọi thời.

Về cách đọc danh từ cũng theo thói quen của người Việt là để nguyên âm hay phiên âm, vì chúng ta chưa có *Hàn lâm viện* chuẩn xác.

Ví dụ:

Jerusalem = thay vì Giê-ru-sa-lem

Mecca = thay vì Méc-ca

Nhưng:

Cô-răng = thay vì Coran, Quran, Qur' an,

A- la = thay vì Allah

Jehovah = Giê-hô-va

hay viết theo kiểu La-mã Gia-hô-vê

hay Gia-vê.

Chót hết, các bạn nhớ **chủ đề xuyên suốt tiểu luận này là “Chúa thật”, “Chúa giả”**. Các bạn **phải có thái độ tự chủ, không a-dua, không nghe theo đảng phái hay giáo hội nào, không phụ thuộc tăng lữ, chỉ nghe theo lương tâm mình** vì **“lương tâm là chính Chúa ngồi đáy lòng bạn”** khi đọc sách này. Tiểu phẩm này không phải tuyên truyền đạo giáo, hơn nữa nó còn phá đạo giáo, *cây nát các lối mòn để tìm ngọc quý không kiêng nể gì cả*. Tại sao ta phải nô lệ các nhà thần học, các giáo quyền? Họ như chúng ta, hơn nữa có khi còn thua kém chúng ta về nhiều mặt. Thật vô lý khi chúng ta tôn vinh họ là cha, là thầy, là lãnh đạo tinh thần mà cái tinh thần của họ là nhai lại hay không có tinh thần! *Đừng gọi ai là cha, là thầy vì chúng ta chỉ có một Cha ở trên trời*. Bạn đừng lo, Thần Chân-lý sẽ giải phóng chúng ta.

Viết ở nhiều nơi từ tháng 1 năm 2000 đến tháng 6 năm 2001

Tác giả PHAN THIẾT

Đức tin còn một chút này:

Tin có ông Trời là Thiên Chúa

Tin Thiên Chúa là Chúa Ba Ngôi

Tin Ngôi Thứ Hai là Chúa Jesus cứu chuộc



Lời Hằng Sống?

Trong số kinh sách của loài người gọi là lời Chúa, chỉ có bốn sách Phúc Am Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca và Gio-an chấp nhận được và được coi là Thánh Kinh. Số còn lại do tưởng tượng phong phú của con người hư cấu nên hay là sách lịch sử. Sách của người Tàu, bộ Tứ Thư Ngũ Kinh được coi là bộ sách gần Thánh Kinh nhất vì tư tưởng cô đọng, phổ quát cho mọi người và mọi thời.

Chương 1

ĐI TÌM CHÚA

by Phan Thiết

Người đi tìm Chúa bằng lòng nhiệt thành với cả tình cảm và lý trí hẳn đặt ra những câu hỏi:

Có Chúa không?

Chúa thế nào?

Chúa có liên hệ với con người không?

Trả lời cho những câu hỏi đó là nội dung của tiểu phẩm này.

Ngẫu nhiên của lịch sử

Năm 1533 dưới triều *Vua Lê Trang Tông* nhà Lê, giáo sĩ Tây Dương vào truyền đạo Thiên Chúa ở nước ta, thấy chế độ chính trị của Việt Nam thời đó có **Vua** và **Chúa**. *Vua chỉ có hư vị, thực quyền ở cả trong tay nhà Chúa*. Các giáo sĩ tưởng rằng Chúa là nhất, đã dùng tiếng **Chúa** để gọi vị thần tối cao của đạo Thiên Chúa. *Tiếng Chúa từ đó chỉ ông Trời, vì Trời là đáng cao cả đồng nghĩa với tiếng Chúa trong đạo Thiên Chúa*. Có vị cẩn thận hơn gọi Chúa là Chúa **Đêu**. Thực ra, tiếng ấy chỉ có nghĩa là *một vị thần*, dịch từ ngôn ngữ Tây phương **Deo** (La tinh), **Theo** (Hy Lạp), **Dieu** (Pháp), **God** (Anh)... Nếu các giáo sĩ tới thời đại này sẽ gọi Chúa là **Đấng** vì *Đấng lãnh đạo, nhà nước hư vị*.

Khi xác định được tiếng Chúa chỉ vị thần cao cả, ta dùng *phép quy nạp* để tìm Chúa trong văn hóa *Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ, Do Thái, Ả Rập*... Ta thấy gì? Điều ta thấy có hợp với lý tính chung của nhân loại về Chúa qua các tên vẫn gọi là *Ông Trời, Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Lý Thái Cực*... không?

Có quá nhiều Chúa

Có Chúa của Do Thái kêu là Chúa **Gia-hô-vê**;

Chúa của Ả-rập kêu là **A-la...** ;

Chúa của Việt Nam kêu là **Ông Trời**...

Như thế, *có một Chúa hay có nhiều Chúa* tùy theo dân tộc.

Vả chẳng, Chúa đó bất biến hay thay đổi theo mỗi thời kỳ như trong *thời Cựu Ước*, *Chúa Gia-hô-vê thì sắt máu*, tuy người đời ca ngợi lòng nhân từ, ‘merciful’ của Chúa, nhưng tay Chúa nhuộm máu cả trẻ con, đàn bà Ai Cập các dân tộc Phi-lit-si-tinh (palestin). *Thời Tân Ước Chúa Jesus được tin là một ngôi vị của Chúa Gia-hô-vê thì nhân từ*, không một lần giết hại sinh linh, dù là kẻ tội lỗi hay là kẻ thù của Jesus. **Vậy Chúa sáng tạo ra người hay người tạo ra Chúa?**

Kìa xem vùng đất *Ái-nhĩ-lan*, phía bắc đảo quốc này đang diễn ra cuộc tranh chấp của một dân tộc thờ chung một Chúa: *Phe Tin lành và phe Công giáo đều đứng dưới bóng cờ thánh giá chém giết nhau. Phải chăng có hai Chúa riêng biệt cho mỗi phe phái?*

Những nghi vấn như thế làm cho người ta thấy không cần tin vào Chúa nào, *người vô thần có lý khi chủ trương người tạo ra Chúa.*

Nhìn rõ Chúa

Bỏ ra ngoài *đạo Phật chủ trương vô thần*, *các người vô thần theo kiểu cộng sản, các người vô thần theo kiểu tư sản, ta vẫn thấy lấp ló bóng Chúa*, vì họ muốn một cái gì tốt đẹp hơn cho nhân loại. Họ tưởng rằng cái đó giải phóng loài người, đưa mỗi người tới Chân Thiện Mỹ tối cao. Phải chăng cái đó là Chúa? Voltaire chủ trương vô tôn giáo và khi ông chết, ông yêu cầu người ta đừng cắm cây thập tự lên mồ của ông. Tuy thế ông vẫn tôn thờ đáng Tối Cao mà ông chưa biết, lòng ông là một đền thờ cho Chúa Trời Đất. Cái chân thiện mỹ tối cao tối đại kia là Thiên Chúa hằng sống trong lòng Voltaire vậy. Ta có quyền tin Voltaire và những người cộng sản vô thần nữa không? Hay nói theo kiểu đông phương là **trong vô có hữu**.

Lại nữa, *thần Brahma là chúa tể của muôn loài*. Sau thần hóa sinh thành *thần Siva* dưới lót âm vật và dương vật nên người ta nắn dương vật, âm vật mà thờ. Sự thờ cúng kia không có gì là tục tĩu, ta cho nó là tục thì nó tục, chứ chẳng phải đức

hóa sinh của Thượng Đế như đức hóa sinh của con người do âm vật và dương vật giao cầu với nhau mà thành sao? Bởi đó Nho học dạy:

“Thiên địa nhân huân,

vạn vật hóa thuần,

nam nữ cấu tinh,

vạn vật hóa sinh”

(Kinh Dịch: hệ từ hạ).

Nữ thần **Kali** là hóa sinh của đấng **Brahma**. Người ta biểu diễn *ngài có hai mặt*: **Mặt sinh** là mặt ngài đang ngồi trên dương vật thần Siva để giao hợp theo tư thế: “*Người nữ ngồi trên*”, **mặt diệt** là thần nhiều tay cầm thủ cấp người với thanh kiếm đâm máu hay xâu thủ cấp kết thành tràng hạt đeo cổ. *Hình tượng ấy phải chăng là Chúa có hai mặt hay sao?* Thượng đế nhân từ hay cứu giúp con người kêu cầu Ngài, nhưng Ngài cũng rất sắt máu khi để thiên tai như mất mùa, bão táp, lụt lội, động đất... xảy ra bởi sự quan phòng của Ngài. Cho nên, dưới dạng thờ cúng tầm bậy, vô nghĩa, ta vẫn thấy thấp thoáng một hình bóng của một Thiên Chúa toàn năng uy quyền đầy lòng nhân từ.

Thú thật ta có quá nhiều Chúa để lựa chọn:

Chúa theo kiểu Do Thái là Gia-hô-vê;

Chúa theo kiểu Ả-rập là A-la;

Chúa theo kiểu Tàu là Lý Thái Cực;

Chúa theo kiểu người Việt Nam là Ông Trời...

Như thế, Chúa lệ thuộc vào mỗi dân tộc, do nền văn hoá sản sinh ra. Câu hỏi đặt ra là ***có một Chúa chung cho các dân tộc không?***

Ngay những kẻ thờ một Chúa cũng vẫn bất đồng với nhau như Chúa Gia-hô-vê của người Tin lành và Công giáo, *Chúa A-la của người Hồi trong phái Shiism và phái Sunnah...* vấn đề đặt ra là phải tước bỏ cái vỏ văn hóa và chính kiến của phe phái, cho Chúa hiện ra mà nhận diện. Ta sẽ biết đâu là Chúa thật, đâu là Chúa giả, một sản phẩm chế biến của con người tùy theo nhu cầu của nó.

Nỗi đau xé lòng

Anh phải xác định vị trí của anh, tất người ta nhận ra ý đồ của cuốn sách.

Tác giả minh xác: Tôi được sinh ra trong gia đình Công giáo thuộc đạo Thiên Chúa, cha truyền con nối, nghĩa là ‘*đạo nôi*’. Bao nhiêu năm giữ đạo từ khi lọt lòng mẹ đến nay gần kề miệng lỗ, cái chất đạo nhào trộn trong tôi, với bao lễ lạy, kinh kệ, giảng dạy... thế mà tôi vẫn chưa xác định được Chúa. Tôi bạo gan viết lên tiểu phẩm này mong chia sẻ với bạn đọc nỗi lòng của kẻ đi tìm Chúa. Tìm mà chỉ thấy lờ mờ tuy đức tin bảo phải tin thật, tin như ‘*đinh đóng cột*’. Nói thì nói thế nhưng lòng mình vẫn là lòng mình, có sao nói vậy bạn ạ.

Động đến Chúa, đến đạo, đến tín ngưỡng của người khác tức là động đến nếp sống văn hóa của một người chẳng khác gì ta lấy con ốc khỏi cái vỏ của nó sẽ gây cho nó đau đớn và tử vong.

Vậy sách này không phải là sách tuyên truyền tôn giáo, lại càng không phải là sách tu đức nhưng là cuốn sách đơm tình người, đại kết quy tụ các anh em có một mẫu số chung gọi **Chúa là cha**, bất kể tín ngưỡng thuộc hệ phái nào.

Nói tìm Chúa mà chưa thấy hay thấy lờ mờ. Chưa thấy mà giảng dạy cho ai? Thưa bạn đó là thân phận loài người chúng ta, nó giống câu chuyện gà đẻ ra trứng, trứng nở ra gà... ***Thiên Chúa vẫn là một bí mật muôn thuở của con người, làm sao chúng ta biết rõ Ngài.*** Sự bất khả tri vẫn bao trùm trời đất, khoa học không có câu trả lời, ta chỉ còn biết viện vào lòng tin. Nhưng ***tin mà không suy xét, nô lệ vào kinh sách, không phân biệt được đâu là đức tin, đâu là văn hoá có thể thay đổi được thì là mê tín dị đoan.*** Vậy với lòng thành tôi nêu ra những nghi vấn sau đây mong bạn đọc cùng suy nghĩ.

1. Thánh Kinh nên được xem xét lại.

Phần **Cựu Ước** chỉ là *lịch sử lập quốc của bộ lạc Do Thái* ở thuở loài người còn mông muội đầy những mê tín dị đoan. Ví dụ *theo sách Sáng thế thì mãi đến ngày thứ tư Thiên Chúa mới cho tạo dựng hai vầng sáng lớn nhất là mặt trời, mặt trăng. Vậy ngày thứ nhất, hai, ba lấy gì để đo ngày và đêm khi chưa có mặt trời?*

Theo sách Giô-suê câu 10:12, 13.

“Hỡi mặt trời hãy dừng lại trên thành Ghíp-ôn, hỡi mặt trăng hãy dừng lại trên thung lũng Ai-gia-lôn!”

Vì câu này nhà bác học Ga-li-lê suýt bị giáo quyền đưa lên giàn hỏa thời Trung cổ gây ra vụ án Ga-li-lê mà giờ đây giáo quyền phải xin lỗi nhân loại. Chưa kể, những bằng chứng khảo cổ, những dấu vết còn lại của loài người chưa kết luận Adam và Eva là thủy tổ của loài người. Chúa Gia-hô-vê chỉ là một ông thần của bộ lạc Do Thái có một vài ưu phẩm hợp với đức Chúa Trời như Chúa Duy Nhất, Chúa Hiện Hữu và Chúa Hằng Sống... Nhưng Chúa đó còn tàn ác, cả ghen và thủ đoạn chưa phải là Chúa phổ quát cho mọi người. Có tàn ác thì mới vấy máu bộ lạc Ai Cập và các bộ lạc Phi-lit-si-tinh. Tại sao Chúa không xem các dân đó cũng là tạo vật do Chúa tạo ra? Có cả ghen khi bộ lạc Do Thái thờ một hình tượng khác mà theo lẽ phải là hình bóng của Chúa Gia-hô-vê. Có thủ đoạn thì mới làm cho bộ lạc Ai Cập ra cứng lòng để rồi tiêu diệt... Theo tôi thì lời trong Cựu Ước là lời của người ta chứ ý Chúa có rất ít. Con người suy bụng ta ra ‘bụng’ Chúa. Các kẻ được gọi là tiên tri hay ngôn sứ, thực chất họ là những con đồng hay thủ đoạn cai trị của những kẻ cầm quyền. Điều người ta cho là sách ấy dọn đường cho đấng Cứu Thế có rất ít và rất hạn chế, sự giải thích phóng đại và hàm hồ nên xem xét cẩn thận.

Đi xa hơn những câu chuyện của Cựu Ước, ta cũng thấy nó đã từng xuất hiện trong chuyện dân gian hay huyền thoại của nền văn minh Su-mê, Ba-tư. Biết đâu, các tác giả của bộ lạc Do Thái đến sau thuồng chất liệu của các bộ lạc lân cận làm ra Kinh Thánh mà ta suy tôn làm lời Chúa.

Theo tôi, *điều ta cần tin là Chúa tạo dựng vũ trụ và con người, còn Chúa tạo dựng bằng cách nào đó là việc của Chúa chỉ có Chúa biết.* Rất có thể bằng thuyết tiến hóa của Darwin.

Phần Tân Ước chỉ nên giới hạn vào **bốn quyển Phúc Âm** của bốn thánh Tông đồ: **Mat-thêu, Mác, Lu-ca** và **Gio-an**. Còn sách *Tông đồ Công vụ*, sách *Khải*

Huyền, các thư của thánh Phê-rô, Phao-lô, Gio-an... chỉ nên coi là sách lịch sử hay giáo huấn mà thời đại nào cũng có.

Sách Tông đồ Công vụ là sách lịch sử truyền giáo của giáo hội sơ khai, hà tất ta coi là thánh thư. Chưa kể sách đó có nội dung không thích hợp với thời đại như việc giáo hội sơ khai chủ trương chủ nghĩa xã hội tiêu dùng (cv 5:1-11).

Chủ nghĩa xã hội là sự nguyên rủa của loài người thì chủ nghĩa xã hội tiêu dùng còn đáng nguyên rủa hơn. Vả chẳng càng về sau, giáo hội đâu có theo chủ nghĩa xã hội không tưởng đó. Sách “Công Vụ Tông Đồ” chép:

“Có một người tên là Kha-na-ni-a cùng với vợ là Xa-phi-ra bán một thửa đất. Ông đồng ý với vợ giữ lại một phần tiền, rồi đem phần còn lại đặt dưới chân các tông đồ. Ông Phê-rô mới nói: “Anh Kha-na-ni-a, sao anh lại để Xa-tan xâm chiếm lòng anh khiến anh lừa dối Thánh Thần, mà giữ lại một phần giá thửa đất? Khi đất còn đó thì nó chẳng là của anh sao? Bán đi rồi thì anh chẳng có quyền sử dụng tiền bán đó sao? Sao anh lại rắp tâm làm việc đó? Anh đã không lừa dối người phàm, mà lừa dối Thiên Chúa”. Nghe những lời ấy, Kha-na-ni-a ngã xuống tắt thở. Tất cả những ai nghe kể lại chuyện này đều rất sợ hãi. Các thanh niên đến liệm và đem đi chôn. Khoảng ba giờ sau vợ ông đi vào mà không hay biết chuyện đã xảy ra. Ông Phê-rô lên tiếng hỏi: “Chị nói cho tôi hay, anh chị bán thửa đất ấy được bấy nhiêu phải không?”. Chị ta đáp: “Vâng, được bấy nhiêu thôi”. Ông Phê-rô liền nói: “Sao anh chị lại đồng lòng với nhau để thử thách Thần Khí Chúa? Kìa những người đã chôn cất chồng chị còn đứng ngoài cửa, họ sắp khiêng cả chị đi đấy!”. Lập tức bà ta ngã xuống chân Ông Phê-rô và tắt thở. Khi vào các thanh niên thấy bà đã chết, liền khiêng đi chôn bên cạnh chồng. Toàn thể Hội Thánh và tất cả những ai nghe kể chuyện này đều rất sợ hãi.”

Đoạn văn làm hỏng cả sách Tông đồ Công vụ:

Bốn quyển Phúc Âm không có đoạn nào Chúa Jesus giết người, thế mà sách Tông đồ Công vụ làm việc này chỉ để tỏ uy quyền của Phê-rô. Tôi nghĩ vợ chồng Kha-na-ni-a không đáng chết, uy quyền của Phê-rô thì sắt máu và thiếu đức bác ái. Nếu chỉ là cảnh ngữ của giai đoạn càn không thể chấp nhận vì về sau giáo hội đi với tư bản, quên hẳn cái *chủ nghĩa xã hội không tưởng* ban đầu.

Sách Khải Huyền do trí tưởng tượng của Gio-an, viết theo tinh thần của Thiên Chúa giáo cũng chẳng đáng cho chúng ta liệt vào hàng sách thánh. Các tiểu thuyết gia thường cầu viện tới trí tưởng tượng. Các *kinh Phật cũng viết theo sự tưởng tượng từ cõi không tưởng...* chỉ đáng cho chúng ta mua vui một vài trống canh. Ta không vì sự bày đặt trí óc của con người mà suy tôn nó lên hàng sách Thánh.

Các thư của Phao-lô, Phê-rô, Gia-cô-bê... có khác chi *hiến chế, tông thư...* của giáo hoàng thời nào cũng có, *thư luân lưu của giám mục cai quản một địa phận*. Nếu suy tôn thư của các vị trên lên hàng thánh thư ắt phải suy tôn thư của các vị sau. Điều này, cho đến nay chưa ai làm như thế. Sự giáo huấn của một vị thánh thì không phải là thánh thư vì tất cả chúng ta đều là thánh nếu ta tin nhận Thiên Chúa là cha.

Xem như thế, **chỉ còn có bốn sách Phúc Âm làm chứng về Jesus xứng đáng là thánh thư, nếu ta tin nhận Jesus làm Cứu Chúa của mình**. Có điều cả bốn sách Phúc Âm nguyên thủy đều viết bằng chữ Hy Lạp, không có cuốn nào viết bằng tiếng Do Thái hay A-ram vốn là ngôn ngữ của Chúa Jesus. Điều này khiến ta nghi vấn Jesus là một nhân vật huyền thoại, giống như các thần Hy Lạp sau biến thể ra thần La Mã vốn là sản phẩm của trí khôn đã lui vào quá khứ. Việc này quan trọng lắm khiến ta phải tra xét đến ngọn nguồn để tìm bằng chứng Thiên Chúa Là Người nơi ông Jesus.

Khi trình bày ‘*Chúa Hằng Hữu*’ tác giả tước bỏ những gì là truyền thống, được xem là của con người. Sự tin tưởng theo cảm tính phải nhường cho lý trí gạn lọc như một phương trình đơn giản chỉ còn $A = B$. Thiển nghĩ trên đường tìm Chúa cũng phải làm như vậy để nhận ra Thiên Chúa chân thật và loại bỏ những gì của loài người, thuộc văn hóa của con người. Ví dụ *đọc Cựu Ước có câu chuyện Áp-ra-ham đem con I-xa-ác lên núi tế lễ Thiên Chúa (Sáng Thế 22:1-19)*. Nếu ta coi Thiên Chúa là thấu suốt mọi sự quá khứ, hiện tại, tương lai thì cần gì phải thử thách. Còn thử thì Thiên Chúa cũng bất khả tri như chúng ta. *Lời giải thích hợp lý là Áp-ra-ham theo thói tục của người đương thời sát tế con để cúng Chúa như các dân tộc lân cận thờ thần Mô-lôc nướng trẻ con để cúng thần*. Thiên Chúa biết lòng ông nên

ngăn tay ông giết người. Cũng đọc Cựu Ước có câu chuyện của vua Đa-vít được người đời tôn vinh là Thánh (sách Sa-mu-en quyển 1, 2). Thực ra ông ta chỉ xứng đáng danh hiệu “**hôn quân bạo chúa**”, bàn tay của Đa-vít đã lấy đi bao mạng sống của các bộ lạc lân cận. *Đám con của Đa-vít loạn dâm cưỡng hiếp nhau, tranh chấp cướp đoạt ngôi vua cha, ngủ với các tì thiếp của cha. Bản thân của Đa-vít đã cướp vợ, giết chồng và khi gần chết còn tuyển gái tơ hầu hạ.* Bù lại Đa-vít mê đạo, tiêu chuẩn mê đạo không phải là tiêu chuẩn ta cần đánh giá.

2. Kinh Cô-răng là sản phẩm của bộ lạc Qurayh.

Người Ả-rập tiền Mô-ha-mét thờ đủ thần ở điện Kabah. Mô-ha-mét thấy được hiệu năng của việc thờ độc thần trong Do Thái giáo đoàn kết quần chúng nên chọn A-la là vị thần lớn trong đám thần thờ điện Kabah để tôn vinh. Vì thế A-la có những nét hao hao như thần Gia-hô-vê, Mô-ha-mét kém học nên du nhập cả tập quán của Do Thái mà không cần tìm hiểu lý do, ví dụ *tục cấm ăn thịt heo, tục cắt bì.* Ả-rập là dân tộc bảo thủ có tiếng, cho tiếng Ả-rập là tuyệt vời vì thế *họ cấm dịch sách Cô-răng ra tiếng khác.* Mãi đến thế kỉ 19, các học giả Tây phương mới dịch sách này lần đầu tiên ra tiếng Anh. Họ đem khái niệm Thiên Chúa giáo để dịch sách này. Thế là Chúa A-la móc ngoặc với Chúa Gia-hô-vê và người Ả-rập được cơ hội đánh đồng hai loại Chúa, vì cả hai đều là “god”. Thực ra ta thừa biết *Chúa A-la xuất thân từ đám đa thần, có cốt cách của tà thần (Pagan).* Sự phối tự này giống đạo Cao Đài ở ta gọi người đứng đầu đạo là giáo tông, Tây Ninh là Tòa Thánh. Thực chất của đạo giáo chỉ là “nồi cháo heo” người ta muốn gọi là gì thì gọi hay như đạo Phật ngày nay sinh dùng chữ “thánh” để chỉ các vụ việc của đạo ấy. Sự thực chữ *holy* chỉ về Chúa thuộc về Chúa, vô thần không có Chúa thì thánh ở chỗ nào? Đó chẳng qua là “râu ông nọ cắm cằm bà kia”.

Đọc sách nhiều, tra cứu đến ngọn nguồn ta mới thấy thực giả hiện ra. Khi đã biết cái nào là giả, cái nào chỉ là văn hóa của các dân tộc, không ảnh hưởng gì đến phần rỗi của mỗi con người, ta không theo nữa hay có thái độ khoan dung, trung lập. Thái độ này không phải một sớm một chiều có được. Ví dụ đọc Tân Ước ta chỉ thấy ông Giu-se xuất hiện có một lần và được khen là người công chính, ngày nay ta thấy nhiều nhà thờ dâng kính Thánh ‘cả’ và gần như các nhà thờ Công giáo đều có bàn thờ kính vị Thánh cả này. Tiến xa hơn giáo lý còn dạy rằng Thánh cả này đồng trinh trọn đời. Sự tin tưởng này chỉ là suy đoán chủ quan trái với luật của

Chúa là âm phải có dương, dương phải có âm. Nó không có căn bản Thánh Kinh và vô lý nữa vì chuyện phòng the của mỗi người làm sao biết được? Dân ta lương cũng như giáo hầu hết a dua mà tin tưởng... Đến lúc nào đó dân trí khá lên, những điều tin tưởng vô căn cứ chỉ còn là di tích văn hóa của mỗi thời đại không thuyết phục được ai. Đạo Cao Đài muốn hòa đồng tôn giáo. Sự hòa đồng này vô căn bản cả triết học lẫn thần học chỉ biểu lộ tâm lý bình dân u mê thích truyện thần tiên. Tác giả cũng vậy, coi các tôn giáo chỉ là di tích văn hóa, vậy đâu là Thiên Chúa chân thật?



Chúa đây?

Hình trên là các dạng linga. Hàng dưới là đền thờ linga cắm vào cái yoni và là chỗ 'cực thánh' trong các chùa Ấn Độ giáo.

Linga và yoni là cái gì? Thưa nó tượng trưng cho dương vật và âm hộ của con người, nói rõ hơn là cái giống của nam và nữ đang truyền sinh cho bạn dễ hiểu. Hàng ngày, người Ấn khua chiêng trống làm lễ thờ cúng linga và yoni. Từ yoni có nước nhĩ ra và vị giáo sĩ lấy cái thìa múc nước ấy đổ vào tay khách hành hương để khách xoa lên người cầu phước.

Lý thuyết xem ra hợp với triết lý âm dương của Tàu hay Chúa sinh muôn vật của Tây phương. Nhưng nó cụ thể và tục fũ quá.

Các bạn nam nhi còn trẻ không hiểu gì về biểu tượng tôn giáo, chỉ thấy lòng bị gợi dục chắc phải đứng khom lưng hay cho tay vào túi quần! Linga cũng được thờ cúng trong nhiều chùa thờ Phật.



Nữ thần Kali góm ghiếc là hai mặt sinh diệt của Thượng Đế. Người ta thường biểu diễn mặt diệt của Ngài ở nơi công cộng là thần giết người, thủ cấp xâu thành tràng hạt. Ở nơi không công cộng, người ta biểu diễn mặt sinh cho thần ngồi trên dương vật thần Siva giao hợp theo tư thế “người nữ cười ngựa”. Người Ấn-độ thực tế và vật chất hóa một tư tưởng trừu tượng.

Chương 2

XÉT CĂN CƯỚC CỦA CHÚA

by Phan Thiết

Các Chúa qui về một Thiên Chúa

Đây là những ưu phẩm của Thiên Chúa theo lý trí loài người. So sánh những ưu phẩm này với những ưu phẩm khác của các vị thần trong các tôn giáo, ta sẽ biết Chúa nào gần Thiên Chúa nhất.

Ưu phẩm của Thiên Chúa

1. Đấng Hằng Hữu:

Thiên Chúa luôn có mãi, có quá khứ, hiện tại và tương lai. Không có khởi thủy và cánh chung. Kinh Thánh dùng hai chữ đầu và cuối của mẫu tự Hi Lạp chỉ Chúa (Chúa là Apha () và Omega ()). Nếu ta muốn tìm khởi thủy của Chúa thì chẳng khác nào câu chuyện *gà đẻ trứng, trứng nở ra gà...* Thiên Chúa vẫn là một thực tế bí mật muôn đời không có câu trả lời, dù khoa học tiến tới đâu. *Vô thần như Phật Thích Ca thì chối bỏ Chúa, ta làm ta chịu, tự mình giải thoát lấy mình.* Hữu thần như các vị thần "tâm bậy" người ta nấn dương vật và âm hộ mà thờ. Cả hai vẫn có hình bóng của Chúa.

2. Đấng Khả Tri:

Nếu Chúa còn thử thách, tức là Chúa không biết, Chúa biết thì không cần thử.

3. Đấng Chí Thiện:

Thiên Chúa đầy lòng nhân từ, Chúa đã thương ta trước khi ta thương Chúa và đồng loại.

4. Đấng Chí Mỹ:

Thiên Chúa là vẻ đẹp mơ ước của con người. Cái ta cho đẹp nhất là Thiên Chúa, đẹp đến nỗi không có gì sánh bằng Chúa.

5. Đấng chí Chân:

Thiên Chúa là sự thật, là chân lý sau cùng.

6. Đấng chí công:

Thực ra chí thiện đã gồm chí công rồi, cũng như chí thiện ở trong chí mỹ. Chúa là đấng công bình, vô tư vì nếu Chúa tư vị thì không còn là Chúa nữa! Người ta thường nói: "Chúa là Chân, Thiện, Mỹ" cũng có lý đoán cho rằng con người lấy các mơ ước lý tưởng của mình choàng cho Chúa, tự lấy hào quang của mình gán cho Chúa, như luận đề của Feuerbach: người tạo ra Chúa chứ không phải Chúa tạo ra người. Lý đoán này nảy sinh ra một lý đoán khác.

7. Đấng sáng tạo muôn loài:

Chúa sáng tạo ra muôn loài, muôn vật theo một trật tự ta gọi là trật tự tự nhiên. Nhìn xe cộ đi trên đường theo lệnh của đèn xanh, đèn đỏ, ta biết nó được điều khiển bởi bộ óc con người. Vũ trụ điều hòa như thế kia, tất có một bộ óc siêu việt, bộ óc tối cao chính là Thiên Chúa.

Tất cả những ưu phẩm trên tóm gọn trong hai ưu phẩm: Chúa duy nhất toàn năng và hằng hữu. Nếu Chúa không duy nhất thì Chúa chưa phải tuyệt đối, Chúa toàn năng đối với điều thiện, Chúa không thể làm việc ác vì trái với bản chất chí thiện của Chúa. Có nghi vấn sẽ được trình bày về Chúa theo quan niệm Hồi giáo và Ấn Độ giáo.

Chúa trong Nho giáo

1. Chúa sinh muôn loài

Nho học gọi Chúa là **Lý Thái Cực** tức *cái lý tận cùng trong lý lẽ*. Gọi như thế cũng đúng vì nó diễn tả được bản chất tuyệt đối của Chúa. Ta biết được cái lý ấy nhờ muôn vật tương sinh và cứ đi cho đến tận cùng sẽ gặp Chúa vì Chúa chính là cái lẽ sau cùng.

"Dịch hữu Thái Cực,

***thị sinh lưỡng nghi,
lưỡng nghi sinh tứ tượng,
tứ tượng sinh bát quái''***

Kinh dịch

Cái đức lớn của trời đất là sinh hóa:

"Thiên địa chi đại đức viết sinh"

Kinh dịch

Vạn vật ra đời nhờ Lý Thái Cực ví như con người phải có tổ tông:

"Vạn vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ"

Lễ ký

2. Thiên Chúa chí thiện và quan phòng

Chúa quan phòng và chí thiện luôn xem xét để cứu người cùng khổ:

***"Hoàng hỉ Thượng Đế,
lâm hạ hữu hách,
giám quan tứ phương,
cầu dân chi mạc"***

Kinh thi

3. Thiên Chúa không xa lạ với con người

Quan niệm: *"Thiên nhân tương dữ"*. Chúa và người hòa lẫn với nhau. Kẻ chết tốt lành lên trời ở với Thượng Đế; bởi thế con người phải thờ kính Thượng Đế là nguồn gốc của sự thiện.

"Thiên sinh chung dân,

hữu vật hữu tác,

dân chi bình di,

hiếu thị ý đức"

Kinh thi

Quan niệm *"Thiên nhân tương dữ"* thay thế cho quan niệm *"Thiên Chúa Làm Người"* của đạo Gia-tô. Tuy đi hai lối riêng, nhưng gặp nhau ở một điểm: *"Thiên Chúa không phải là một ông thần xa lạ, Ngài là nguồn gốc của sự thiện nối kết với con người"*.

Phê bình: Nếu ta coi Nho học cũng là sự mạc khải vén màn bí mật của trời đất thì sự mạc khải này cao nhất, khác với Thượng Đế ưa giết chóc của Chúa Gia-hô-vê trong Cựu Ước và Thượng Đế toàn năng làm cả sự lành, sự dữ của Chúa A-la trong sách Cô-răng. Lý Thái Cực không giết ai mà bản thân đầy lòng thương xót, dạy dân làm điều lành để khi chết về với Thượng Đế. Tuy rằng Lý Thái Cực là ý niệm trừu tượng không phải là sự mạc khải rõ ràng nhưng Lý Thái Cực đã tiềm ẩn tất cả vì là cái lý tuyệt đỉnh của con người.

Có một khuyết điểm là Lý Thái Cực có vẻ như vô ngã hợp với thuyết phiếm thần hơn là hữu thần: Lý Thái Cực là tất cả nhưng không là gì, chỉ là lẽ phải tuyệt đỉnh của con người. Ý niệm này được bổ khuyết bằng quan niệm đức Thượng Đế. Đức Thượng Đế phải là một ngôi vị giống con người có bản ngã riêng. Do đó Nho học rất gần với Thiên Chúa giáo.

Lý Thái Cực sinh ra thuyết âm dương. Âm dương sinh ra muôn vật. Lý đoán này không đứng vững, sự sinh dục vô sinh đã đánh đổ thuyết âm dương. Nho học dạy: *'nhất âm nhất dương chi vi đạo'* hay *'thiên địa nhân huân, vạn vật hóa thuận,*

nam nữ cầu tinh, vạn vật hóa sinh'. Con cừu Dolly và các thí nghiệm khác chứng tỏ vạn vật hóa sinh không cần tới yếu tố dương!

Chúa theo quan niệm Việt Nam

Người Việt có quan niệm Trời, Ông Trời, Chúa Trời là Chúa từ thừa xưa, trước khi đạo Gia-tô vào Việt Nam giảng dạy về Chúa Trời Đất.

Từ vua quan đến thứ dân đều lấy Trời làm đấng, coi Trời là đấng chí tôn phải thờ lạy. Điện Kính Thiên trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh ở đền Hùng có trước tục lệ tế Nam Giao là một bằng chứng về tục thờ Trời phối tự với tục thờ tổ tiên của người Việt.

1. Trời là đấng Chúa tể quan phòng mọi việc

Lậy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày

Lấy đầy bát cơm

Lấy rơm đun bếp.

Kinh thi Việt Nam

2. Trời là đấng công thẳng, thương kẻ lành phạt kẻ ác, bị oan thì kêu "*Trời ơi!*", khi thấy Trời thưởng phạt công minh thì kêu "*Trời có mắt!*". Khi được sự tốt lành, hợp với trật tự tự nhiên thì nói:

Trời sinh em yếu em mềm

Trời sinh anh mạnh anh ghè em thương

Thương anh từ thừa mười ba

Đến năm mười tám em đã có con

Ra đường em hãy còn son

Về nhà em đã có con cùng chàng

Kinh thi Việt Nam

Kho ca dao tục ngữ Việt Nam là một bộ "Thánh Kinh" của người Việt. Quan niệm vô thần của đạo Phật không được biết tới nên người ta mới thần hóa ông Phật. Giả như người ta tin tổ tiên mình đã tan biến vào lục nẻo luân hồi thì còn gì mà thờ cúng và ông Phật chẳng thể ban ơn giáng phúc cho ai, chẳng qua ông Phật ăn có, ông Phật phải dựa vào ông Trời mà tồn tại (Trời Phật thương, Trời Phật độ)... Trời Phật trở thành tín ngưỡng dân gian Việt Nam "thờ Trời kính Phật".

Phê bình: Trời là đấng Chí Tôn, có đủ ưu phẩm toàn năng toàn thiện, ban ơn giáng phúc cho muôn dân. Trời trở nên thân thiết với cá nhân, chia vui xẻ ngọt với từng người, vui buồn, sướng khổ con người chỉ biết kêu với Trời: "*Trời ơi! Trời*". Tín ngưỡng dân gian này có vẻ phiếm thần hay là thần chưa rõ: Ông Trời là tất cả hay không là gì. Quan niệm phụ hệ coi cha lớn hơn mẹ thì Trời cũng kêu là ông mà không có bà: người ta gọi ông Trời mà không gọi bà Trời.

Ý tưởng của bình dân dựa trên kinh nghiệm thông thường coi Trời là đấng Chí Tôn nhưng cũng biết hòa mình chịu lép tào vật.

Con cóc là cậu ông Trời

Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho

Kinh nghiệm dạy rằng cóc nghiền răng thì Trời đổ mưa. Mưa là việc của Trời, cóc nghiền răng ra lệnh cho Trời mưa, cóc oai hơn Trời!

Trời cũng như người có nhu cầu sinh lý, nên Trời cũng lấy vợ. Vợ Trời kêu bằng bà Thiên Hậu hay ngộ nghĩnh hơn Trời tiếp sứ của Táo quân bẩm báo việc trần gian mỗi ngày. Hai ông Táo kẹp giữa một bà cười cá chép! Xem thế tín ngưỡng

của ta chính là thờ Trời cộng thêm sự tin nhảm của dân gian vừa có tính hài hước vừa có tính bình dị khiến Trời trở nên thân thiết với mọi người.

Chúa theo quan niệm Ấn Độ

Quan niệm tín ngưỡng của Ấn Độ có vẻ vật chất. Sau vật chất ẩn dấu tinh thần biểu lộ ưu phẩm của Chúa.

1. Đấng Tạo hóa

Ta biết thần Brahma là chúa tể muôn vật sau biến hóa thành thần Siva, Vinus, Kali... có thần tính như Brahma. Siva sinh ra muôn loài và được gọi là đấng hóa sinh dưới lột dương vật và âm vật. Nhìn cái Linga cắm vào cái Yoni biểu tượng thiêng liêng nhất của Ấn Độ giáo ta thấy nó tục tĩu vì nó giống cái dương vật đang truyền sinh tức là việc giao cấu của con người. Chúa tạo ra muôn vật cũng giống vậy, ta thấy nó giống lý thuyết âm dương của Tàu. Người Tàu trừu tượng hóa bằng lý thuyết âm dương thì người Ấn Độ thực tế hơn biểu lộ bằng dương vật và âm vật giao hợp với nhau. Hai đường lối khác nhau qua hai yếu tố đực và cái.

2. Đấng vừa sinh vừa diệt

Ở Calcutta có ngày lễ hội kính thần Ka-li, người ta rước tượng thần đi khắp phố phường. Thần dưới hình tượng một người đàn bà gớm ghiếc: da đen le lưỡi liếm máu, tay cầm dao quắm đâm máu, tay cầm thủ cấp người, cổ đeo tràng hạt kết bằng thủ cấp các thanh niên. Người ta cuồng loạn lễ bái thần đang ngồi trên dương vật đàn ông (thây ma thần Siva!) theo tư thế giao hợp đàn bà cưỡi lên mình đàn ông. Thần vừa giao hợp vừa liếm máu từ các tay cầm thủ cấp người. Thần Ka-li tượng trưng nguyên lý vừa sinh vừa diệt của thần Brahma: giao hợp là sinh, tay cầm thủ cấp là diệt. Sinh người và giết người trong một thần Brahma tượng trưng bằng thần Ka-li đang làm động tác sinh diệt. Kẻ coi thần Ka-li là thần tầm bậy, dâm loạn và khát máu không hiểu triết lý Ấn Độ chỉ là biểu tượng của sự sinh diệt, hao hao triết lý âm dương của Tàu.

Nếu ta hiểu sự quan phòng của Thiên Chúa: 'Một sợi tóc trên đầu cũng được đếm', thì sự biểu lộ nguyên lý sinh diệt của nữ thần Ka-li là đúng. Có điều theo ta thì nó sỗ sàng và tục tĩu quá. Nếu Thượng Đế là đấng trọn hảo và toàn thiện thì sao

lại để thiên tai như mất mùa, bão táp, giặc giã... giết người vô can. Thử xem trận động đất năm 1735 tại thủ đô Lisbon, Bồ-đào-nha giết chết hàng vạn người vào ngày lễ Các Thánh là hành động diệt của Thượng Đế nhân từ, vậy cho nên hình tượng mộc mạc của nữ thần Ka-li là hình bóng Thượng Đế.

Người Ấn Độ cụ thể và vật chất, họ dùng biểu tượng sinh thực khí và hình ảnh gớm ghiếc của con người làm thần. Nơi khác họ biểu lộ sự khôn ngoan và thánh thiện như các thánh thư của Thiên Chúa giáo. Ví dụ:

Lậy Chúa, xin ban sự khôn ngoan cho con

Sự khôn ngoan của cha cho con

Xin dẫn con đi đường chính trực

Để con sống trong ánh sáng của Ngài

Rig Veda 7:32-26

Đấng Vô biên là nguồn hoan lạc

Không có niềm vui nào trong hạn chế

Chỉ có đấng Vô biên là hoan lạc

Hãy tìm biết đấng Vô biên

Chandogya Upanishad 7:23

Chúa theo quan niệm của Do Thái

Ta dùng kinh Talmud và kinh Cựu Ước để tìm hiểu về đức Chúa của Do Thái.

a) Các ưu phẩm của Chúa:

Các nhà thần học đã liệt kê các ưu phẩm của Chúa dựa trên triết học Aritotle vì xem Chúa của Do Thái như đức Chúa Trời phổ quát cho toàn nhân loại ở mọi nơi và mọi thời thuộc hành tinh của chúng ta. Thực ra Gia-hô-vê là đức Chúa Trời nếu ta loại ra xú phẩm và tính chất Do Thái của loại đức Chúa này:

1. Chúa Toàn Năng

Đức Chúa có uy quyền tuyệt đối, bởi không Ngài đã sáng tạo ra vũ trụ, cho nó vào một trật tự tự nhiên. Luật của Chúa là trật tự tự nhiên: sự tuần hoàn của các tinh tú trên trời muôn vật dưới đất được xếp đặt theo một quy củ nhất định... theo luật nhân quả, hấp lực lẫn nhau hoặc theo luật cứu cánh lấy chân, thiện, mỹ làm đối tượng, ví dụ thấy khói là ta biết có lửa, thấy người đi bằng hai chân chứ không phải lộn đầu xuống đất, ta thích ăn ngon, mặc đẹp...

2. Chúa Toàn Thiện

Thấy việc tốt ta ca ngợi. Chúa là sự tốt lành nhất trong cái ước mơ của con người vì thế Chúa đầy lòng nhân từ và thương xót, thương ta trước khi ta thương Chúa: Thiên Chúa là tình yêu. Tình yêu ấy như một lò lửa còn ta chỉ là đóm lửa chia thành tình cha mẹ cho con cái, tình thương người với đồng loại hay tình trai gái, vợ chồng... Tất cả chỉ là phóng ảnh của tình Chúa, không có Chúa thì không có tình yêu. Tình yêu đến một cách tự nhiên vì không biết có Chúa hay chối Chúa: Người theo đạo Phật vô thần, người cộng sản chối Chúa, họ vẫn có tình yêu theo cách của họ chỉ vì Chúa đã đặt tình yêu thành bản năng của con người.

3. Chúa Toàn Mỹ

Ta hướng về cái đẹp tự nhiên như hoa hướng dương hướng về ánh mặt trời. Cái đẹp nhất là Chúa bởi vì Ngài là thời nam châm, còn chúng ta là những viên sắt. Nam châm hút sắt thế nào, thì cái đẹp nhất là Chúa hút ta như thế. Hằng ngày ta vô thức lựa chọn các món đồ, ta chọn cái xấu cho hợp với túi tiền của ta, nhưng trong thâm tâm ta vẫn muốn cái tốt nhất.

4. Chúa Hằng Sống

Chúa sống động luôn mãi và không phải Chúa chết như những vật bằng gỗ đá nằm tro ra đó. Thực ra gỗ đá cũng sống động vì nó được cấu tạo bằng các nguyên tử. Các nguyên tử luôn luôn sống động nhưng nó không có sự sống của một sinh

vật, Chúa Hằng Sống có sự sống của một sinh vật thông ban sự sống đó cho ta và các sinh vật. Hệ luận của Chúa Hằng Sống dẫn đến kết luận: Chúa Hiện Hữu vì đối với Chúa không có quá khứ, hiện tại, tương lai như con người vì Ngài là đấng Hiện Hữu có luôn mãi.

5. Chúa Duy Nhất

Điệp khúc này thường xuyên lặp lại trong kinh Talmud và kinh Cựu Ước. Kinh Cô-răng sao ý tưởng của các sách trên nên cũng lặp lại hoài. Thử nghĩ xem nếu Chúa không là đấng Duy Nhất thì đâu còn là đấng tuyệt đối, duy ngã độc tôn!

b) Các xú phẩm của Thượng Đế

Điều này khó nói ra vì Chúa là đấng tốt lành thì đâu có gì xấu xa. Tuy nhiên đọc Cựu Ước ta tinh tế nhận ra:

1. Chúa là thần riêng của dân tộc Do Thái

Rất dễ hiểu, các bộ lạc của mỗi dân tộc đều có một vị thần bản mệnh hay thờ 'Tô-tem' vật tổ. Các bộ lạc lân cận của Do Thái thờ chúa tể do họ nghĩ ra là thần Mô-lốc, thần Ba-an. Bộ lạc Do Thái không đi ra ngoài lề ấy: Chúa Gia-hô-vê chỉ là Chúa của bộ lạc Do Thái.

2. Chúa khát máu

Vì dân tộc Do Thái, Chúa đã nhuốm máu dân tộc Ai Cập, các dân tộc Phi-lit-si-tinh, đôi khi có cả máu của trẻ thơ và phụ nữ của các dân tộc này. Cứ mỗi lần cướp đất thắng trận là chiếm chiến lợi phẩm, giết hết đàn ông còn đàn bà thì cướp về làm tỳ thiếp hay nô lệ cho kẻ chiến thắng. Nếu là Chúa của phổ quát thì sao không coi dân tộc Ai Cập, các dân tộc Phi-lit-si-tinh cũng là những tạo vật do Chúa dựng nên? Tường thuật của kinh Cựu Ước khiến ta có cảm tưởng rằng dân riêng do người ta đặt ra, lấy bụng ta mà đo bụng Chúa!

3. Chúa mang tâm lý con người

Hờn, thương, yêu, ghét... Vốn là trạng thái tâm lý của con người thì Chúa cũng có tâm lý đó. Điều này nói rõ trong Kinh Cựu Ước: "Ta là đức Chúa cả ghen!" mỗi khi dân tộc Do Thái thờ một vị thần khác (Sách đệ nhị luật 4:24 - 4:35-39).

4. Đức Chúa bất khả tri

Có bất khả tri mới hối tiếc việc đã làm. Có thử mới không biết việc tương lai. Đức Chúa còn hối tiếc, còn thử thì chứng tỏ Ngài không biết gì về tương lai (Sách Sáng Thế 22:1-19, Sách Sa-mu-en II 24).

5. Đức Chúa thủ đoạn

Việc lành việc dữ đều do đức Chúa đạo diễn, con người chẳng qua là trò chơi của đức Chúa, trong nhiều đoạn của sách Cựu Ước, chính đức Chúa đạo diễn sự dữ. Ví dụ để đánh phạt Ai Cập đức Chúa làm cho vua quan bộ lạc ấy ra cứng lòng sao không làm họ mềm lòng để khỏi phải đánh phạt? (Sách Xuất hành 7:3).

Các ưu phẩm và xú phẩm của Chúa tương tiên vào nhau khiến ta nghĩ đức Chúa chỉ là vị thần của dân tộc Do Thái có tên là Gia-hô-vê.

Chúa theo quan niệm của Ả-rập

Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo là ba tôn giáo thờ độc thần. Tuy cùng thờ một Chúa, tín đồ của ba tôn giáo đã có thời khi ít khi nhiều là kẻ tử thù của nhau. Kìa xem, nước Indonesia số kẻ bị thiệt mạng vì tôn giáo đã lên đến số ngàn. Riêng thủ phủ Molucus, thị trấn Ambon nổ ra cuộc chiến giữa người theo Thiên Chúa giáo và người Hồi giáo rất khốc liệt, nhiều người đã phải bỏ đảo đi lánh nạn. Chúa Gia-hô-vê của người Do Thái cũng là Thiên Chúa của người Thiên Chúa giáo gọi là Thượng đế. Người Hồi giáo cũng gọi Chúa A-la của họ là Thượng đế. Ta làm một bảng so sánh hai loại Chúa ta sẽ thấy sự khác biệt. A-la chỉ là Thượng đế của Ả-rập, do văn hóa Ả-rập sản sinh. Các ưu phẩm của Chúa trong Thiên Chúa giáo trùng hợp với các ưu phẩm của Chúa trong Hồi giáo do hai nguyên nhân:

- **Một là** khi lập đạo Mô-ha-mét đã 'học lỏm' Chúa Gia-hô-vê của người Do Thái.
- **Hai là** sự ngẫu nhiên của lịch sử: Các triết gia Hồi giáo như Al-kindì, Al-farabì, Avicenna. Và nhất là Averroes sinh năm 1169 ở nước Tây Ban Nha là những triết

gia đại tài có ảnh hưởng đến Thiên Chúa giáo qua thánh Thomas Aquinas (1225-1279) được coi là thiên thần của giáo hội Công giáo về phương diện tư tưởng. Thực ra ông đã học lỏm của người Hồi giáo về phương diện thần học. Nên biết thêm người Hồi đã nghiên cứu sâu rộng về nền văn minh cổ Hy Lạp, coi triết gia Aritotle là bậc thầy của văn minh tư tưởng. Thánh Thomas Aquinas là đệ tử của thánh Albert (1200-1280). Thánh Albert là nhà bác học thần phục tư tưởng Hy Lạp qua người Hồi lúc bấy giờ đang cai trị nước Tây Ban Nha. Qua thánh Albert, thánh Thomas Aquinas đã tiếp thu tư tưởng Aritotle qua người Hồi. Vì thế có sự giống nhau về tư tưởng đối với các ưu phẩm của Chúa. Thánh Thomas Aquinas soạn bộ Summa Theologica: Tổng Yếu Thần Học làm kim chỉ nam cho giới thần học Thiên Chúa giáo chịu ảnh hưởng của Aritotle trong đó có công lao của người Hồi!

Đại thể Thiên Chúa giáo và Hồi giáo giống nhau về các ưu phẩm của Chúa. Tuy nhiên Chúa Gia-hô-vê và Chúa A-la vẫn khác nhau nếu ta chịu khó làm một cuộc so sánh:

1) Chúa Gia-hô-vê là mọi ý niệm tuyệt đối tự nhiên của con người. Chúa thị hiện ra cột lửa, cột mây, cột ánh sáng... nhưng Chúa vẫn là tư tưởng trừu tượng của con người nghĩ về Chúa như là Chân Thiện Mỹ tuyệt đối. Trái lại Chúa A-la có lịch sử là thần thoại Ả-rập. (coi tiếp chương 5)

2) Chúa khả tri và Chúa bất khả tri

Theo Thánh Kinh, ta có thể biết được một phần nào về Chúa, tuy Chúa vẫn là một thực thể bí mật. Nhất là bộ Tân Ước tư tưởng Thiên Chúa Làm Người thể hiện nơi ông Giê-su (John 17:3).

Theo sách Cô-răng, con người không thể biết được Chúa vì Chúa là một thực thể siêu việt, Chúa thật trừu tượng và xa lạ với con người. Người ta không thể với tới Chúa được. Vậy ta chỉ còn biết tin "mù quáng" về Chúa thôi.

3) Chúa hữu ngã và Chúa vô ngã

Theo Thánh Kinh, Chúa là một ngôi vị có ý chí, có tình cảm... như ta. Ngôi Hai Thiên Chúa nhập thể xuống thế làm người như ta, ở cùng ta.

Theo sách Cô-răng, chủ trương trái hẳn: Chúa không thể là một người. Bảo Chúa làm người là hạ giá Chúa xuống thành... người!

4) Chúa tinh thần và siêu tinh thần

Theo Thánh Kinh, Chúa là một tinh thần (God is a Spirit) nhất là ông Jesus (Hòa Đả Góc) đã làm người vì thế Chúa là một tinh thần và là một ngôi vị.

Theo sách Cô-răng, Chúa là người hay là tinh thần là phi báng! Thiên Chúa là một thực thể duy nhất không thể là tinh thần hay vật chất. Chúa quá siêu việt!

5) Chúa Ba Ngôi và Chúa duy nhất

Theo Kinh Thánh Tân Ước làm căn bản cho các nhà thần học và giáo quyền dạy rằng Thiên Chúa có Ba Ngôi và là Chúa duy nhất đã nói rõ ở Công đồng Nicea năm 325 sau Tây lịch. Giáo hội Thiên Chúa dù là Công giáo, Tin Lành hay Chính thống đều tuyên xưng đức tin qua kinh Tin Kính của công đồng này.

Theo sách Cô-răng và kinh Talmud của Do Thái, Chúa là một thực thể duy nhất không có Ba Ngôi. "Godhead" do người ta bày đặt ra!

6) Chúa giới hạn và Chúa không giới hạn

Theo Kinh Thánh, Chúa không thể nói dối, Chúa không thể làm điều ác, Chúa là đáng trọn lành.

Theo sách Cô-răng, Thiên Chúa muốn làm gì thì làm vì Chúa là đáng toàn năng. Có lẽ vì thế mà người Hồi nhân danh A-la để giết người, cướp của, khủng bố, bắt cóc... Ở những nơi có người Hồi giáo, miễn họ viết tên A-la vào sự việc.

7) Chúa là tình yêu và Chúa không là tình yêu.

Theo Kinh Thánh, Thiên Chúa là tình yêu. Điều này rõ nhất ở bộ Tân Ước, vì nội dung của bộ Tân Ước chỉ có yêu thương (John 3:16, 35).

Theo sách Cô-răng, Thiên Chúa không yêu thương như ta hằng quan niệm tình yêu. Bảo chúa yêu người tức là lộng ngôn, hạ giá Chúa xuống với người.

8) Chúa làm người và không làm người.

Theo kinh Tân Ước, Thiên Chúa nhập thể và nhập thể qua hình hài ông Jesus để cứu chuộc thế gian. Thiên Chúa đã đến trong lịch sử nhân loại.

Theo sách Cô-răng, Thiên Chúa không phải là một ngôi vị. Chúa nói với loài người qua các vị tiên tri hay thiên thần, chứ Chúa không làm người.

9) Chúa là và Chúa không là.

Theo Kinh Thánh, Chúa là và Chúa không là có hai vẻ rõ ràng (Chúa là sự thiện và không là sự xấu). Theo sách Cô-răng, Thiên Chúa toàn năng chỉ có một vẻ mà không có vẻ kia.

10) Chúa ân sủng và Chúa hành động

Theo Kinh Thánh, Chúa cứu giúp con người qua đấng Cứu Thế và các vị tiên tri làm trung gian giữa Chúa và người. Hành vi cứu giúp là một ơn huệ (ân sủng) của Chúa.

Theo sách Cô-răng, ý niệm ơn sủng không được biết đến trong Hồi giáo. Thiên Chúa hành động vì hành động. Không có đấng Cứu Thế hay trung gian nào cả ngoại trừ các vị tiên tri mà Mô-ha-mét là đấng tiên tri lớn nhất và sau cùng! Nhưng cũng hành động vì hành động chứ không phải ơn sủng.

Tôi là người nghiên cứu thần học theo lối tài tử, các bạn là những người được học hành đến nơi đến chốn xin bỏ khuyết các thiếu sót.

Đến đây bạn đã hiểu con đường đi tìm chúa có nhiều khó khăn, lỡ gặp tiên tri giả thì uổng công. Bạn cần phân biệt đâu là chúa thật, đâu là văn hoá của mỗi dân tộc choàng đại cho chúa, rồi thỉnh lên bàn thờ mà thờ. Giả như bạn gọi cái dương vật và cái âm hộ qua biểu tượng cái Linga và cái Yoni là chúa của bạn. Người xem vì tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng yên lặng nhưng cười thầm trong bụng vì nó quá tục tĩu, tuy nó biểu lộ được nguyên lý âm dương hóa sinh vạn vật.

Theo tôi, nếu gọi là Thánh Kinh thì Tứ Thư Ngũ Kinh của người Tàu xứng đáng nhất vì chúa của họ trừu tượng phổ quát cho mọi người ở mọi nơi và mọi thời. Chúa Gia-hô-vê chỉ là thần của bộ lạc Do Thái tiến lên thành dân tộc. Chúa A-la là thần của Ả-rập. Cả hai loại chúa ấy có một vài ưu phẩm nhưng chưa đủ hay tương tiêu vào các xú phẩm. Sự "mặc khải" do người Tàu chưa trọn vẹn vì chúa có vẻ phiếm thần nhưng không phải là tà thần (Pagan) như các loại tín ngưỡng khác. Chúa của người Tàu cộng thêm các ưu phẩm của chúa Gia-hô-vê cho có ngôi vị. Tôi đã nói về các loại chúa, sự chọn lựa là quyền của bạn.

Hàng trên, hình bên trái là hình tượng của Chúa Jesus phỏng theo thần thoại La-mã từ thế kỷ thứ 4, phát hiện tại Hilton St. Mary, Dorset (British Museum). Hình bên phải là hình Chúa Jesus theo cảm quan của nghệ nhân mà ta thường thấy. Hàng dưới là tấm khăn liệm thành Turin do các Thập tự quân đem về từ đất thánh Jerusalem. Phóng xạ các-bon cho biết khăn này có từ thế kỷ 14! Vậy không ai thấy Chúa Jesus để tạc tượng họa hình. Những hình ảnh Chúa Jesus là tôn thờ giả mạo và là công trình của nghệ nhân.

Chương 3

JESUS, THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI

HAY

"THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ"

by Phan Thiết

Đây là bản tuyên xưng đức tin về ông Jesus của mọi tín đồ Thiên Chúa giáo, dù là hệ phái Công giáo La Mã, Tin Lành hay Chính Thống.

Tôi tin một Chúa

Chúa Jesus con một Thiên Chúa

Có từ trước vô cùng

Ngài bởi Chúa Cha mà ra

Thiên Chúa bởi Thiên Chúa

Ánh sáng bởi ánh sáng

Chúa thật bởi Chúa thật

Được sinh ra mà không phải tạo thành

Đồng bản tính với Chúa Cha

Ngài đã từ trời xuống thế

Sinh bởi bà Ma-ri-a đồng trinh

Chịu chết thời Phi-la-tô

Ngày thứ ba Ngài sống lại

Lên trời, ngự bên hữu Chúa Cha

Ngài sẽ trở lại để phán xét kẻ sống và kẻ chết

Nước Ngài sẽ không cùng...

Bản tuyên xưng của Công đồng Nicea năm 325 sau Tây lịch làm căn bản đức tin của Thiên Chúa giáo. Kẻ không tin bản văn ấy thì không phải Thiên Chúa giáo, ví dụ người Do Thái vẫn đang trông đợi đấng Cứu Thế, người Hồi chỉ coi ông Jesus là một tiên tri nhỏ hơn Mô-ha-mét. Các phái Thiên Chúa giáo như phái Nestorius coi ông Jesus chỉ có một bản tính, phái Jehovah's Witnesses coi ông Jesus chỉ có nhân tính hơn người một chút, ngang hàng với các thiên thần là cùng. Họ mang tịch Thiên Chúa giáo nhưng không phải là Thiên Chúa giáo, không rời đạo, không lạc giáo mà là ra khỏi Thiên Chúa giáo vì không coi ông Jesus là Chúa có thần tính.

Hệ quả của đức tin Thiên Chúa Làm Người

Đức tin chứ không phải niềm tin, tuy hai danh từ là một. Đức tin do ơn huệ của Chúa ban như tin ông Jesus là Chúa. Niềm tin đến tự nhiên như tin 2 với 2 là 4.

1) Thiên Chúa chỉ là "sản phẩm" của trí tuệ, loài người mới nhận ra Thiên Chúa do lý tính của mình, loài vật không có khả năng này. Thiên Chúa mặc khải do Đông hay Tây cũng chỉ là Chúa tinh thần, trừu tượng. Vì Chúa chưa hiện ra nên Ngài chỉ là "cột mây, cột lửa" nguyên lý âm dương sinh muôn vật, con người vĩnh viễn không thấy Chúa mà chỉ thấy biểu tượng của Ngài. Do đó, Chúa dễ dàng trở thành phiếm thần, cái gì cũng là Chúa, miễn nó tượng trưng cho một ưu phẩm của Ngài.

2) Con người là hình ảnh của Thiên Chúa như sách Sáng Thế ký đã ghi. Nhưng ta không thể biết Chúa vì Ngài không hiện ra mà chỉ là một tinh thần trừu tượng. Thiên Chúa trở nên xa lạ với con người như sách Cô-răng đã ghi: "God is unknowable, he is so transcendent, so exalted, that no man ever personally knows him. Chúa bất khả tri, ngài quá siêu việt, quá cao sang, không người nào tự bản thân biết được ngài". Ta chỉ biết "quý thần kính nhi viễn chi" như sách Nho đã dạy.

3) Như thế ta cần một lối thoát. Lối thoát này thiên hạ ngóng trông kể từ khi có lịch sử loài người cho "Thiên nhân tương dữ" như sách Nho đã dạy. Cách ấy Thiên Chúa phải làm người, kéo trời xuống đất. Một là đề nâng người lên như Chúa, ta gọi bằng từ chuyên môn là cứu chuộc. Cụ thể hơn người ta gọi là "tội tổ tông" để chỉ thân phận hèn kém, phải chết của kiếp người. Ta không thể bay như chim, lội như cá (ngoại trừ ta dùng khí cụ nhân tạo là tàu bay, tàu ngầm), đó là thân phận của ta, dù ta có thể kéo dài tuổi thọ nhưng ta vẫn phải chết. Thiên Chúa đến trả lại cho ta khả năng siêu nhiên, nhưng chưa trả lại cho ta khả năng tự nhiên, nghĩa là ta không bay được như chim, lội như cá mà ta phải chết. Cái chết biến cải ta, đủ cho ta hội nhập với Chúa nên nó không bi thảm mà hi vọng. Hai là mạc khải những điều trí khôn con người không thể biết được nay có điều kiện để suy đoán: màu nhiệm con người là anh em gọi Chúa là Cha, màu nhiệm Chúa Ba Ngôi thông qua màu nhiệm tin ông Jesus là Chúa-Làm-Người... Một chuỗi sự kiện phải tin (mù quáng) bằng đức tin giống như các định đề trong hình học không thể chứng minh được, nhưng phải tin để có môn hình học.

Jesus, ông là ai?

Trả lời câu hỏi này không dễ. Một là những kẻ lưu manh lợi dụng lòng tin chất phác của quần chúng, tự xưng mình là Chúa, là Phật không phải là không có: Rasputin ở nước Nga, Hồng Tú Toàn ở Trung Quốc tự xưng là đấng Cứu Thế, em của ông Jesus. Hai là đệ tử xưng tụng rồi quần chúng a dua gọi là phật gia, đức bồ tát... như quần chúng vẫn gọi Võ Tắc Thiên, Từ Hy Thái Hậu... Ông Jesus có nằm trong trường hợp đó không?

Mở Tân Ước, ta thấy ông Jesus chưa bao giờ gọi mình là thần. Danh xưng thông dụng gọi là Con Người "*Son of Man*" con Thiên Chúa "*Son of God*". Chúa lảng tránh như một bí mật để con người suy luận qua những việc làm, ví dụ: "*Ông Gio-an lúc ấy đang ngồi tù, nghe biết những việc đức Kitô làm, liền sai môn đệ đến hỏi Người rằng: "Thưa thầy, thầy có phải là đấng phải đến không, hay chúng tôi còn phải đợi ai khác?". Đức Jesus trả lời: "Các anh cứ về thuật lại cho ông Gio-an những điều mắt thấy tai nghe: người mù xem thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe tin mừng và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi" (Mat-thêu 11:2-6 và xem thêm Mat-thêu 26:63-65, Luca 22:66-71).* Từ kỷ nguyên I, tín đồ Thiên Chúa giáo đã tin ông Jesus

là thần, là Chúa (vua của các vua, chúa của các chúa) cũng như tin vào tín điều Thiên Chúa Ba Ngôi mà Công đồng Nicea đã tuyên xưng vào năm 325 sau Tây lịch. Những danh từ này không có trong Thánh Kinh.

Các học lý về ông Jesus

Bao nhiêu học lý về ông Jesus? Người ta tranh cãi nhau, đổ máu nhau, tù đầy nhau chỉ vì cái danh Jesus: "Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo" (Mat-thêu 10 :34), và lưỡi gươm đó đã có tác dụng sau ngày ông Jesus chịu chết cho đến ngày tận thế, tận cùng của nhân loại.

Chữ học lý (doctrine) chỉ các phái, các giáo phái (lạc đạo, bè rối) nghĩ gì về ông Jesus :

a. Thuyết chủ trương ông Jesus ra rìa

1. Thần bí thuyết (Gnosticisim)

Thuyết này do Basilides (khoảng năm 125 Tây lịch) chủ trương Thiên Chúa tốt lành. Từ nơi Thiên Chúa phát sinh những hữu thể 'éon' có một 'eon' muốn làm loạn, muốn ngang với Thiên Chúa và đã tạo ra vũ trụ xấu xa. Sự tồn tại nào cũng xấu, cần phải giải thoát về với Chúa. Thuyết này mang âm hưởng của các môn phái giải thoát Ấn Độ + thuyết của Ba Tư Zoroaster + tà thuật + Cựu Ước kinh, do đó không có sự cứu chuộc nào.

Phê bình: Học lý này tiềm ẩn sự phủ nhận việc quan phòng của Chúa với vũ trụ. Chương trình của Chúa đối với con người chỉ là ngẫu nhiên, máy móc, không do ý muốn của Chúa. Con người phải tự giải thoát để hội nhập với Chúa không cần ơn cứu độ của Chúa. Thuyết này Cựu Ước kinh đã hợp lý hoá thuyết giải thoát của Ấn Độ. Sự phôi tự tuyệt hảo!

2. Thuyết Manicheism của Mani (216-276)

Ông là người Ba Tư chủ trương thiện ác nhị nguyên "phôi tự" các giáo thuyết của người Aryan ở Ấn Độ như Ấn Độ giáo, Kỳ Na giáo, Phật giáo: Trong vũ trụ luôn có hai "nguyên tố" thiện ác đấu tranh với nhau. Cái ác, cái thiện không do con người. Ác, thiện chỉ là những vật thể ngoài tác động của con người, không cần sự

cứu chuộc nào, vai trò của đấng Cứu Thế không cần thiết, ta được làm mọi sự vì thiện ác ở ngoài ta.

Phê bình: Lý thuyết của Mani tương đương với lý thuyết về 'nghệp' của Ấn Độ. Sự phối tự 'hắt cẳng' đấng Cứu Thế.

b. Học thuyết chây lười cứ tin vào Jesus

Hay là thuyết "phó dâng trong tay Chúa" do Marcion (khoảng năm 160 Tây lịch) chủ trương. Ông viết cuốn 'Antithese' để lý giải thuyết của mình: Thiên Chúa của Cựu Ước thì công thẳng và dữ tợn. Thiên Chúa của Tân Ước thì lòng lành và yêu thương. Giữa hai loại chúa đó tất sinh ra loại chúa thứ ba vừa công thẳng vừa lòng lành. Vậy hãy yêu mến hết lòng loại chúa thứ ba, biểu hiện hữu hình là ông Jesus, phó dâng tất cả trong tay Ngài, không cần làm lành tránh dữ, dữ mấy cũng được cứu chuộc. Thuyết này chống lại hai thuyết trên.

c. Học lý ông Jesus chỉ là người, đại biểu của thuyết này nhiều lắm.

1. Do Thái giáo

Ông Jesus chỉ là người. Tệ hơn, ông là tội phạm, tội phạm thượng và làm mất trật tự trong dân. Các thượng tế và luật sĩ đã kết tội ông, mượn tay người La Mã giết ông.

2. Phái Arius: Ông Jesus là người

Arius (250-336 Tây lịch) mang tịch Thiên Chúa giáo chủ trương ông Jesus không phải là thần, không có thiên tính. Thiên Chúa là đấng trừu tượng, duy nhất, tự hữu, không thể thông bản thể cho ai. Ngoài Chúa ra, tất cả là tạo vật, kể cả ông Jesus. Ông Jesus chỉ là một tạo vật hoàn hảo. Một tạo vật thì có thời gian tính, không có từ trước vô cùng như Thiên Chúa.

3. Phái Hồi giáo

Ông Jesus là người ta, là tiên tri nhỏ hơn Mô-ha-mét, dọn đường cho Mô-ha-mét. Người theo đạo Hồi coi Nabi Isa (tiên tri Jesus) ngang hàng với Adam,

Abraham, Mai-sen... Họ cũng đọc Thánh Kinh nhưng coi "kinh" Cô-răng là kinh sau cùng, vĩ đại hơn Cựu Ước và Tân Ước.

4. Phái Jehovah's Witnesses là sản phẩm của Hoa Kỳ thế kỷ thứ 19

Phái có tham vọng dung hòa Thiên Chúa giáo với khoa học và xã hội tạo ra lối sống thích nghi như kiểu Mỹ hay cảnh 'địa đàng' trên mặt đất. Theo lý thuyết thì ông Jesus là người và không có tin điều Ba Ngôi. Ông Jesus là loại thụ tạo hơn người một tí, là thiên thần chẳng hạn chứ không thể là Chúa.

Về phương diện lịch sử, Jehovah's Witnesses lập dị dạy rằng ông Jesus bị đóng đinh trên cột chứ không phải là trên cây thập tự.

Phái Jehovah's Witnesses theo thống kê năm 1989 có 3,787.000 tín đồ và 60.192 điểm hội họp. Phái đang phát triển nhờ kinh sách phát không và thỏa mãn theo lối sống Mỹ.

Phê bình chung các giáo phái Jesus chỉ là người: các phái có chung một mẫu số là hạ bệ Jesus xuống làm người không có thần tính. Nếu Jesus chỉ là người thì thờ cúng làm chi cho uổng, thà đặt ta lên bàn thờ, ta thờ ta còn tốt hơn!

d. Học lý ông Jesus nhất tính: Monophysitism

Đại biểu của phái này là Netorius (381? - 451?) ta gọi là Cảnh giáo. Thuyết lý như thế này: nếu ta pha dầu vào nước, ta sẽ có một chất lỏng đốt không được mà uống cũng không được. Bản tính của ông Jesus cũng thế, ông có hai bản tính người và tính Chúa luôn luôn trộn với nhau gọi là Monophysitism.

Phê bình: Tính người và tính Chúa hòa trộn với nhau, ta không thể tưởng tượng nổi nó như thế nào. Ông Chúa cứu độ nếu có chắc không phải là ơn Cứu độ trong phái Công giáo, Tin lành, Chính thống chủ trương theo Công đồng Nicea. Hình ảnh so sánh trộn dầu với nước thành chất lỏng vô dụng thì ơn Chúa cũng là vô dụng. Tuy thế, phái Cảnh giáo phát triển rất mạnh từ thế kỷ thứ III. Ngày nay, chỉ còn vài nhóm lẻ tẻ ở cận Đông.

e. Học lý chính mạch:

Ông Jesus có hai bản tính riêng rẽ. Bản kinh Tin Kính là tóm gọn đức tin thế giới Thiên Chúa giáo dù theo hệ Công giáo La Mã, Tin lành, hay Chính thống đều tuyên xưng đức tin và đọc kinh ấy vào ngày chủ nhật.

Công thức này không thêm bớt một chữ kể từ ngày khai mạc Công đồng Nicea vào năm 325 và Công đồng Constantinople bổ túc năm 381. Chính học lý Arius phủ nhận thần tính của ông Jesus nên mới có Công đồng này. Từ ngày Jesus về trời, qua lời giảng dạy của các sứ đồ, giáo hội của ông Jesus được thành lập. Giáo hội ấy tin vào thần tính của ông và gọi ông là Chúa (từ đoạn này xin gọi Jesus là Chúa) đến nỗi có trăm nghìn người đổ máu vì danh Chúa dưới thời các hoàng đế La Mã trước Constantin. Đức tin ấy truyền qua các địa phương mang bản sắc dân tộc "phối tự" với các tín ngưỡng có sẵn làm sai lạc đi nhiều. Do đó, ta mới có Phúc Âm bảo rằng của thánh Barnabas... có bao nhiêu vị tông đồ thì có bấy nhiêu Phúc Âm! Có lẽ không phải do các vị này viết, mà do các thế hệ về sau căn cứ vào lời dạy của chư vị viết ra và dĩ nhiên có xuyên tạc theo cảm quan của người đời.

Phúc Âm thánh Phi-líp-phê mô tả Chúa Jesus có tình ý với bà Magdalene và thường hôn môi bà này, Phúc Âm thánh Thomas kể lại có cả sứ đồ nữ, Phúc Âm thánh Barnabas thì đề ra "quái thai" đạo Hồi vào thế kỷ thứ năm chủ trương Chúa Jesus hoài thai không tự nhiên bởi người nữ đồng trinh nhưng chỉ là tiên tri nhỏ hơn Mô-ha-mét hoài thai do nam nữ cấu hợp! Không mấy ai thấy các Phúc Âm này chỉ thấy sách nói như thế.

Theo Kinh Thánh Tân Ước còn lại đầy đủ từ giữa thế kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thứ II kỷ nguyên của 4 thánh Tông đồ là Matthew, Mark, Luke, John có nhiều chỗ hàm hồ. Lại nữa cả 4 Phúc Âm ấy không có đoạn nào Chúa Jesus xưng mình là thần, là chúa, ngoại trừ câu 1 của thánh Gio-an ngầm hiểu ám chỉ Chúa Jesus: Ngôi Lời (The Word, Le Verbe) là Chúa là Thần nhưng chứng minh Ngôi Lời là Chúa Jesus lại là chuyện khác! cũng như từ Ba Ngôi (Triad, Trinity) không tìm thấy trong Thánh Kinh.

Trong bối cảnh phái Arius gây chia rẽ giáo hội, Công đồng Nicea long trọng xác định lại đức tin Thiên Chúa giáo lúc đó đã bành trướng khắp đế quốc La Mã. Công đồng Nicea họp ngày 25.5.325 với 318 giám mục của thế giới (Âu châu, Cận

đông, Bắc Phi) cho ra bản kinh Tin Kính, làm căn bản cho thế giới Thiên Chúa giáo từ khai nguyên của đạo đến tận thế.

Vậy kinh Tin Kính là gì?

Trả lời:

1- Tin vào Thiên chúa có Ba Ngôi

2- Tin Ngôi thứ Hai là Chúa Jesus cứu chuộc

Sự giải thích như sau: Trong Thánh Kinh không có từ Ba Ngôi nhưng sự việc mô tả trong Thánh Kinh cần có Ba Ngôi. Do đó có nhiều phái phủ nhận từ này chẳng hạn như đạo Do Thái, phái Jehovah's Witnesses bảo rằng Ngôi Hai và Ngôi Ba chỉ là năng lực của Ngôi Thứ Nhất. Họ như không thể quan niệm được một Chúa có Ba Ngôi. Như vậy là có tới ba Chúa! Đạo Hồi thì ấu trĩ và vật chất bảo rằng Chúa Cha ngủ với bà Ma-ri-a đẻ ra Chúa Con! Như thế Chúa không còn tuyệt đối duy nhất.

Công đồng Nicea dạy rằng Chúa là duy nhất, là một nhưng Chúa có Ba Ngôi. Ba Ngôi một Chúa. Đây là một mâu nhiệm không phải dễ hiểu, hiểu theo thẳng sẽ rơi vào đa thần như các thần của Ai Cập gồm ba vị là Horus, Osiris, Isis (Thiên niên kỷ II trước Tây lịch), thần Babylon là Ishtar, Sin, Shamash (Thiên niên kỷ II trước Tây lịch), thần của Palmyra là Moon God, Chúa của Bầu Trời, Sun God (Thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch), thần của Ấn Độ là Brahma, Siva, Visnu... Mâu nhiệm Ba Ngôi không thể dùng trí khôn mà hiểu, chỉ có đức tin tin vào Chúa chân thật và vì thế đức tin là ơn huệ Chúa ban.

Sự cứu chuộc của Chúa Jesus cho mọi người ở mọi nơi và mọi thời. Hiệu lực hồi tố đến tổ tông nhân loại. Hiệu quả của ơn cứu chuộc tha hết mọi tội từ "tội làm người" (tội tổ tông) đến tội cá nhân phạm phải, lúc còn sinh thời. Việc lành ta làm do hậu quả của đức tin chứ tự nó không thể cứu được ta. Đức tin vào Chúa Ba Ngôi và Ngôi Hai cứu chuộc đã giải thoát ta, chứ không phải ta làm lành lánh dữ. Những việc lành ta làm là dấu chỉ ta tin nhiều vào Chúa, càng làm việc thiện càng tin vào Chúa. Đức tin của Thiên Chúa giáo chỉ có thế, những gì "rậm đám" của người ta thêm vào sau do tham vọng của giáo quyền, công trình của các nhà thần học và chủ nghĩa huyền bí của phương Đông. Những cái thêm vào sau mang nhiều tính cách văn hóa hơn đức tin và người ta căn cứ vào lời Thánh Kinh để bày đặt ra nhiều thứ:

"Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ, anh em không đủ sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em đến sự vẹn toàn" (Gio-an 15:12-13).

Phúc Âm của Chúa Jesus (Bốn sách Tân Ước) là tình yêu, lòng thương xót. Cái gì không phải tình yêu thì không phải là Phúc Âm, tinh thần Phúc Âm mà chỉ là văn hóa do sự cuồng nhiệt với đạo mang tính chất phe đảng hay giáo hội.

Khoa lịch sử và khảo cổ về Chúa Jesus

Chúa Jesus có phải là nhân vật huyền thoại do trí óc con người bày đặt ra rồi gọi là Chúa theo cái cách người ta gọi Thích-ca là Phật, Mô-ha-mét là Tiên tri?

Đến đây ta phải cầu viện đến lịch sử, khảo cổ để tìm các bằng chứng về Jesus.

Nếu ta coi Bốn sách Phúc Âm của bốn thánh sử Mat-thêu, Mac-cô, Lu-ca, Gio-an là bằng chứng lịch sử viết về Chúa Jesus, ta có quyền nghi ngờ. Trước nhất, nguyên bản của sách ấy viết từ cuối thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ hai bằng tiếng Hy Lạp, không có cuốn nào viết bằng tiếng A-ram, tiếng Do Thái cổ, tiếng Ả-rập vốn là ngôn ngữ của Chúa Jesus. Lại nữa nước Hy Lạp nằm ngoài lãnh thổ Do Thái và vùng đất Palestin. Ta biết rằng nước Hy Lạp là cái nôi của nhân loại, sản sinh ra các thần Hy Lạp thống trị thế giới, sau biến thể ra thần La Mã vẫn giữ nguyên vị trí mãi đến khi đạo Thiên Chúa thay thế. Vậy phải chăng Chúa Jesus cũng là sản phẩm do trí khôn con người như Jupiter (Zeus), Appollo, Mars (Ares)...., người ta bày đặt để lên bàn thờ gọi là Chúa. Ta không biết mấy về các Phúc Âm của các Tông đồ khác như Phúc Âm thánh Thomas, Phúc Âm thánh Phi-líp-phê, Phúc Âm thánh Barnabas... nhưng chắc là các ông giảng đạo, nhưng do môn đệ hay người sau viết nhân danh các ông. Sự việc này nếu có rất bổ ích cho chúng ta để nghiên cứu về Chúa Jesus, tuy rằng các Phúc Âm đã bị biến dạng vì "phối tự" với các tín ngưỡng địa phương.

a. Các sử gia đã viết gì?

1. Josephus Flavius (năm 37 hay 38 đến khoảng năm 101 Tây lịch) là sử gia Do Thái, sống sau Chúa Jesus 5 năm. Nếu ta coi Tây lịch tính sai, Chúa Jesus ra đời năm thứ 4 hay thứ 5 của thế kỷ thứ I thì Josephus Flavius ra đời ngày Chúa Jesus

chết. Flavius đã hai lần đề cập tới Chúa Jesus. Một lần viết về "Gia-cô-bê em ông Jesus" bị ném đá chết tại Jerusalem vào năm 62. Một lần viết về lịch sử Do Thái bảo rằng ông Jesus đã làm nhiều điều kỳ lạ khiến người ta theo ông nhiều vô cùng và gọi họ là Ki-tô hữu.

2. Cornilius Tacitus (năm 55?- sau năm 117) sử gia La Mã, sống sau Chúa Jesus thuật chuyện Néron đốt thành La Mã. Tacitus không viết gì về Chúa Jesus, nhưng qua các Ki-tô hữu ta suy luận có nhân vật là Jesus, ông Jesus không phải là nhân vật hư cấu.

b. Khoa khảo cổ nói gì về Chúa Jesus? Có mấy việc sau:

1. Tìm thấy thánh giá của Jesus:

Do nữ hoàng Helena, vợ vua La-mã (248? - 328?) vì lòng mộ đạo, bà đã đi hành hương Jerusalem. Ở đây bà đã khai quật đồi Golgotha và tìm ra thánh giá của Chúa Jesus. Nhờ chữ INRI gắn trên đầu thánh giá, bà bảo rằng đó là Thánh giá của Chúa Jesus khi bị hành hình, quan tổng trấn Phi-la-tô gắn bảng "Đây là vua dân DO THÁI" chế giễu Chúa Jesus. Nhờ thế bà phân biệt được.

Ta nghi ngờ vì lẽ sau: cây gỗ trên dưới 300 năm không được bảo quản liệu có tồn tại được không?

Kinh nghiệm do tác giả xem thấy cảnh khai quật mộ Bá Đa Lộc vào đầu thập niên 1980 tại lăng Cha Cả Sài Gòn (đường Phan Đăng Lưu ngày nay, lối vào phi cảng Tân Sơn Nhất). Bá Đa Lộc được chôn cất bằng quan tài đặc biệt vì có công giúp vua Gia Long. Đó là một cây gỗ khoét ruột dùng làm áo quan. Quan tài này còn, nhưng những quan tài đồng chôn cất cùng thời hay sau thời nay không còn gì cả, các tấm ván đã nát ra hết. Bá Đa Lộc mất năm 1799 tính đến năm 1980 mới được gần 200 năm, so với thời gian tìm thấy Thánh giá của Jesus là 300 năm kể từ khi Chúa bị hành hình theo Thánh Kinh.

2. Khăn liệm thành Turin

Tấm khăn này còn in dấu một người bị đóng đinh có hình tượng hao hao như hình vẽ Chúa Jesus do Thập tự quân từ thời họ chiếm Jerusalem thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 13 công nguyên đem về. Người ta bảo rằng đó là khăn liệm Chúa Jesus lúc chết.

Ta nghi ngờ khăn này vì phóng xạ carbon xác định tuổi tác từ thế kỷ 14. Biết đâu đó chỉ là tác phẩm của Leonard de Vinci!

3. The Dead Sea Scrolls

Cách đây nửa thế kỷ, vào thập niên 1950, người ta phát hiện ra nhiều mảnh viết trên da, các văn bản liên quan đến tín ngưỡng người Do Thái trong đó văn bản ghi chép lời của tiên tri I-sai-a. Các văn bản này có đồng thời hoặc trước hay sau 100 năm với Chúa Jesus. Người ta tưởng như bắt được vàng để khảo cứu về Chúa Jesus. Sau khi ráp nối các bản văn, người ta không thấy gì về đức tin của đạo Thiên Chúa. Bàn về vấn đề này, học giả Josephs A. Fitzmyer chuyên khảo về Dead Sea Scrolls đã trả lời:

Hỏi: Dead Sea Scrolls có chứa đựng những gì liên quan đến đức tin Thiên Chúa Giáo?

Trả lời: Xin chép nguyên bằng tiếng Anh: *"So far there been nothing of this sort. Nothing that has been bought to light in QS contraddicts anything that Christian hold dear. Nothing militates against the uniqueness of Jesus If that is a concern of the Christian- or better put, of a mature Chrirtian with a non-fundamentalist background. That the teacher of righteousness of the Qumran community may have taught something similar to what Jesus taught is not really troubling to any mature Christian".*

Page 169:101 Responses to 101 questions on the Dead Sea crolls by Joseph A. Fitzmyer.

Nghĩa là không có gì để suy đoán ra Chúa Jesus và đức tin Thiên Chúa giáo. Những điều giảng dạy trong Scrolls có thể trùng hợp với lời dạy của Chúa Jesus không làm người Thiên Chúa giáo bối rối.

Khảo cổ đi vào ngõ cụt, lịch sử cho ta biết lỡ mờ có nhân vật là Jesus được vinh danh là Chúa Trời Đất... Chỉ còn Thánh Kinh là rõ ràng, bằng các việc làm để suy ra ông Jesus là Chúa, để một lối thoát tự do của con người: tin hay không tin Jesus là Chúa là đức tin vậy.

Ý niệm Thiên Chúa làm người vô cùng quan trọng, nếu không có công thức ấy, Chúa chỉ còn là Chúa trong tưởng tượng trên mây trên gió, sản phẩm của lý trí

thấy cần phải có Chúa một cách mơ hồ hoặc Chúa biến dạng thành phẩm thần nằm cả dương vật, âm hộ làm chúa!

Nay Thiên Chúa đã làm người, Chúa bằng xương bằng thịt, đồng cam cộng khổ với kiếp người. Chúa trở nên gần gũi với ta để ta gần với đồng loại qua Chúa. Thấy ai khốn khổ là Chúa đấy: nếu ta thờ Chúa ta không được bỏ đồng loại khốn khổ. Ý nghĩa tuyệt đẹp của đức yêu người. Chúa làm Người là cái gạch nối Người-Chúa-Người. Đó là tất cả nội dung Phúc Âm của Chúa Jesus.

Tra xét lịch sử loài người từ Phật Thích Ca đến Tiên tri Mô-ha-mét tự xưng hay được người đời tôn phong làm bậc giáo chủ, ta thấy các ông ấy không có ý tưởng này.

Chỉ trừ có Chúa Jesus được sách Tân Ước của thánh Mat-thêu viết: *"Này đây, trinh nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta gọi tên con trẻ là Em-ma-nu-en nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta"* (Mat-thêu 1:23). Sách Tân Ước lập lại lời Tiên tri I-sai-a sống cách Chúa Jesus khoảng 700 năm gần đồng thời với Khổng Tử và Phật Thích Ca, I-sai-a được cho là sống tại Jerusalem dưới triều vua Hezekiah. Thời này nước Do Thái đã chia làm hai, nửa trên là Israel, nửa dưới là nước Judea và chinh chiến liên miên với các dân tộc lân bang để "Chiếm đất giành.. chiến lợi phẩm". Tiên tri I-sai-a (hơn Trạng Trình của Việt Nam) đã tiên đoán nước Do Thái bị diệt, thành Jerusalem bị tàn phá. Quả nhiên, vài trăm năm sau vua Babylon là Nabu-cô-đô-nô-xo đem quân sang chinh phạt cả Israel lẫn Judea, số lớn dân Do Thái bị bắt về Babylon làm nô lệ. Quan trọng hơn là lời tiên báo về đấng Cứu Thế, Ngài sẽ cứu nước Israel. Sau này Thánh Mat-thêu dùng lời của tiên tri I-sai-a ứng vào Chúa Jesus, không giải cứu nước Israel mà giải cứu toàn thể loài người.

Ông I-sai-a bèn nói: *"Nghe đây, hỡi nhà Đa-vít! Các ngươi làm phiền thiên hạ chưa đủ sao mà còn muốn làm phiền Thiên Chúa nữa?"*.

"Vì vậy chính Chúa Thượng sẽ ban cho các ngươi một dấu"

"Này đây người thiếu nữ mang thai, sinh hạ một con trai và đặt tên là Em-ma-nu-en" (I-sai-a 7:13-15 bản dịch Kinh Thánh trọn bộ - Tòa Tổng Giám mục thành phố Hồ Chí Minh thực hiện 1998)

Dịch láo cả từ '**thiếu nữ**' chỉ con gái còn trinh hay đã mất trinh nghĩa là đã rõ việc trai gái hay chưa. Phải dịch đúng từ "almâh" trong tiếng Do Thái là "trinh nữ"

chỉ con gái chưa từng biết trai gái là gì, chưa bị 'bóc tem'. Bản dịch có giáo quyền Việt Nam tham dự và nhóm 'các giờ kinh' thực hiện là sai, phải viết như bản tiếng Anh do 'The Gideons':

Then he said: *"hear now, O house of David! Is it a small thing for you to weary men, but will you weary my God also?"*

"Therefore the Lord himself will give you a sign: behold, the Virgin shall conceive and bear a Son, and shall call his name Immanuel."

Holy Bible by The Gideons P.688

Chữ virgin được chỉ định có mạo từ "The" ở phía trước vì vậy không phải bất cứ người con gái đồng trinh nào. Chữ "Son" có mạo từ "A" nhấn mạnh tới yếu tố duy nhất thay vì "One" thì "A", nhưng chữ "Son" viết hoa để chỉ đấng Cứu thế. Bản dịch tiếng Việt không nói đầy đủ ý nghĩa.

"Xảy một ly đi một dặm". Khác nhau ghê lắm giữa từ thiếu nữ và từ "the VIRGIN". Từ "the VIRGIN" diễn tả đầy đủ việc bà Ma-ri-a mang thai Jesus, khởi đầu ơn cứu độ. Có như vậy mới là đức tin công giáo và chính thống dựa trên Thánh Kinh khởi đi từ các Tông đồ,

Độc giả tha lỗi cho tôi dài lời ở đoạn này, vì đối với đồng bào Công giáo hay Tin lành có mặt trên đất nước ta, nó quan trọng vô cùng. Mỗi khi nghe chuông đổ là đọc kinh 'Sai Thiên Thần' hay cầu nguyện để nhắc nhở màu nhiệm ơn cứu độ hay việc khởi đầu ơn cứu chuộc.

Những người làm nên lịch sử?

Hình bên trái là giáo hoàng Alexandro VI, người tập trung thói hư, tật xấu, phạm nhiều tội làm cơ cho người Tin Lành phỉ báng. Hình bên phải (trên) là linh mục Martin Luther, người phản đối giáo triều Roma lập ra phái Tin Lành. Bên dưới là giáo hoàng Leo X, người mê nghệ thuật bày ra ơn xá để lấy tiền xây giáo đường, nguyên nhân trực tiếp sản sinh ra phái Tin Lành. Martin Luther xứng đáng là 'Tiền sĩ giáo hội' hơn cả Thomas Aquinas vì Thomas Aquinas lấy học lý của Hội giáo còn học lý của Martin Luther do Luther tự nghĩ ra. Ngày nay, giáo hội Công giáo La-mã

đang thích nghi học lý của Martin Luther, chẳng hạn vấn đề Ôn Xá phải nhường cho các Đảng Linh hồn. Luther đứng về đức tin, nhưng nếu lập giáo hội thì trật lất. Giáo hội Tin Lành chỉ nên là một dòng tu của giáo hội Thiên Chúa.

Giáo hoàng Pio IX

(1846 - 1878)

Giáo hoàng Pio XII

(1939 - 1958)

Toà 'Inquisition' ta gọi là toà truy tã nhắm vào bè Albigense, lập năm 1184. Trên là hình cụ của toà án này ở nước Tây-ban-nha do tu sĩ Tomas de Torquemada thầy dòng Đa Minh điều khiển. Góc trái là tranh khắc gỗ nói về án nặng nhất của toà Inquisition là tử hình và thiêu sống. Toà Inquisition sau mở rộng giết người bừa bãi: một trong những tội của toà Inquisition là đọc và tàng trữ Thánh Kinh, phản đối giáo hoàng... Linh mục Jérôme Savonarole (1452 - 1498), Bề trên dòng Đa Minh phản đối thói hư, tật xấu của giáo hoàng Alexandro VI bị toà Inquisition kết án xử绞 và hoả thiêu. Toà Inquisition là vết nhơ của giáo hội Thiên Chúa.

Cùng một gốc: cùng một đức tin, một Phép Rửa

Công đồng Nicea

Chúa Jesus Giáo hội Công giáo

+ 325 Các giáo hội cải cách, ly khai

Thế kỷ 5 Năm 1054 Thế kỷ 16

Chương 4 **THIÊN CHÚA GIÁO SAU CHÚA JESUS**

by Phan Thiết

Từ khi Chúa Jesus thăng thiên, giáo hội Thiên Chúa đã nhập thế. Với Thánh Phao-lô, mọi vấn đề được đặt lại lấy cái tinh thần vì Chúa vì đồng loại là chính. Tinh thần ấy là tinh thần bác ái theo Phúc Âm của Chúa Jesus. Mọi người lấy lòng thành mà cư xử với nhau ngoài ra là hình thức bên ngoài không quan trọng. Cắt bì (tục Do Thái mọi nam nhân đều phải cắt nướm da bao đầu dương vật) hay không cắt bì như nhau. Ăn gì cũng được, không có đồ ăn ô uế, cái ô uế là lòng người kia. Vợ chồng phải chung thủy với nhau. Ai được gọi theo đáng bậc, ai muốn lấy vợ lấy chồng cũng tốt. Ai ở độc thân phục vụ anh em đồng loại càng tốt hơn.

Cái tinh thần nhân danh Chúa vì con người đã bén rễ trong giáo hội sản sinh ra các thể hệ đạo đồ làm đẹp cho xã hội, cải hóa dân man di và tung vãi tin mừng đi muôn phương theo lời dạy của Chúa Jesus.

Lúc đầu dân Thiên chúa đơn giản: không có giáo đường, chỗ nào cũng là nơi nhóm, không thờ ảnh tượng. Mọi người kể cả giáo sĩ không cấm lập gia đình... Sau dần tổ chức kênh cang, giáo quyền bám vào chính quyền để hưởng các bổng lộc hay biến thành chính quyền như nước Tòa Thánh cũng áp dụng các luật thế tục. Cung cách giáo quyền như một đế quốc ảnh hưởng tới các vua chúa Công giáo nhận lễ đăng quang từ các giáo hoàng, phân chia lãnh thổ truyền giáo, và lập các tòa án (Tòa Inquisition) thiêu sống kẻ dị giáo.

Các vấn đề đã lui vào dĩ vãng, chúng ta tìm hiểu các nguyên nhân tại sao giáo hội Thiên Chúa vỡ thành từng mảnh tức là các cuộc li giáo tập thể làm ra giáo hội Chính thống và giáo hội Tin lành. Các giáo hội đó vẫn mang ‘tịch’ Thiên Chúa giáo không ảnh hưởng gì đến ‘phần rỗi’, như một số người lầm tưởng vì lẽ đức tin căn bản theo công đồng Nicea năm 325 vẫn tồn tại trong các giáo hội: một đức tin, một phép rửa chỉ có khác biệt văn hoá.

Ly giáo đông phương

Các nguyên nhân tạo thành Chính Thống Giáo

1. Nguyên nhân chính trị

Hoàng đế La Mã (Constantinus cha) trở lại đạo Thiên Chúa. Đạo Thiên Chúa trở thành quốc giáo của La Mã, lẫn lộn cả đạo với đời theo cái cách của thần giáo trước Constantinus. Năm 333 hoàng đế đem đế quốc chia cho 3 con là Constantinus con, Constantius và Constans cùng hai người cháu là Dalacus và Hannibal. Năm 337, Constantinus cha chết, các con và cháu nhận phần của mình: Constans lấy nước Ý đóng đô ở La Mã, Constantinus con lấy Đông phương đóng đô tại Constantinople nay thuộc Thổ-nhĩ-kỳ. Theo truyền thống của La Mã, hoàng đế kiêm luôn giáo chủ; nay đế quốc có năm vua, tất nhiên ảnh hưởng của La Mã kém quan trọng, ngôi giáo chủ cũng chia cho các địa phương.

2. Nguyên nhân tôn giáo:

Đông phương chịu ảnh hưởng của Ba tư và Ấn Độ, các giám mục nghiêng về học thuyết của Arius, tin Chúa Jesus chỉ là người đặc biệt, như các thiên thần, hậu duệ là phái Nhất Tính Nestorius sau này. Mãi đến khi hoàng đế phía Đông là Theophilus mất, thái hậu Theodora nhiếp chính cho con là Michael III (842-867) thì Công đồng Constantinople họp ngày 11.3 năm 843 nhìn nhận Công đồng Nicea II năm 787, giáo hội Thiên Chúa giáo mới thống nhất vị thế của Chúa Jesus: Chúa Jesus là Thiên Chúa có hai bản tính Người và Chúa riêng rẽ.

Ngoài ra, các giám mục Đông phương chịu ảnh hưởng nặng nề của Do Thái giáo theo Cựu Ước kinh trong nhiều thế kỷ, giáo hội Đông phương không thờ ảnh tượng, mãi đến Công đồng Constantinople 11.3.843 hợp nhất với La Mã, công trạng này nhờ hai vị nữ hoàng Ireneia (780-802), Theodora (842-867) nhiếp chính cai trị cùng với hoàng đế La Mã còn nhỏ tuổi.

Các giáo chủ Đông phương còn đả kích giáo hội Tây phương theo nghi lễ Latinh là truyền phép Thánh Thể dùng bánh không men, các thánh lễ do các linh mục Tây phương làm không thành.

Những nguyên nhân tôn giáo trên xét ra chỉ là mặt trái của phong tục và văn hóa trừu tượng coi Chúa là loài thụ tạo, sau đã được công đồng Constantinople cải chính theo công đồng Nicea. Ảnh tượng là công trình của các nghệ nhân giàu óc tưởng tượng vì có ai nhìn thấy Chúa đâu mà họa hình tạc tượng. Thờ hay không thờ ảnh tượng không ảnh hưởng gì đến đức tin. Bánh không men và

bánh có men đều như nhau. Giả sử Chúa Jesus là người Việt Nam ta sẽ có cái bánh đa!

3. Nguyên nhân văn hoá xã hội:

Nhiều lắm, các giám mục Đông phương diễn tả đức tin theo phong tục tập quán của mình chẳng hạn hàng tư tế có vợ theo Cựu Ước. Thờ phượng theo thần giáo La Mã, Ba Tư, Ấn Độ lệ thuộc vào bình hương, đèn nến, chuông trống... nhìn các ông ‘cha’ Chính thống lắc chuông, xông hương loạn xạ ta thấy ngửa mắt hay thờ phượng theo lối ‘Copitic’ nhảy múa điên loạn ta thấy bất kính. Nhưng giáo dân theo nghi lễ Chính thống, nghi lễ ‘Copitic’ được an ủi. Thôi thì ta thử chịu đựng lâu dần sẽ quen. Ví dụ nhảy múa theo nghi lễ ‘Coptic’ tác giả chưa có kinh nghiệm, nhưng nhảy múa theo đạo Krishna tác giả đã từng làm và thấy nó cũng hay hay vô hại: cái căn bản là đức tin. Văn hoá xã hội có thể thay đổi dễ dàng khi ta nhận ra cái lạc hậu của mình.

4. Nguyên nhân quyền bính

Thực ra có thể qui vào nguyên nhân chính trị. Các giáo chủ Đông phương thấy mình ngang hàng với La Mã về phương diện thiêng liêng thì tội gì lép vế La Mã. Ví dụ giáo chủ Michael Cerularius căm thù đế quốc La Mã. Ngoài mặt làm bộ hoà giải, nhưng trong bụng quyết phân ly thà làm đầu gà còn hơn dứt lợn! Nếu biết rằng con người bình đẳng trước Chúa thì người ta đâu có nghĩ tới quyền bính.

5. Nguyên nhân tính khí

Giáo hội Đông phương và giáo hội Tây phương có nhiều khác biệt, kể đi hoà giải phải có nhiều tế nhị nhìn ra cái nào là căn bản, cái nào là tùy thể. Đằng này kể đi hoà giải lại là kẻ phân ly vì sĩ diện và vì tùy thể. Giả sử kẻ đi hoà giải là ai khác không phải là hồng y Humbert người Đức “lý sự” thì đã không có giáo hội Chính thống từ năm 1054!

Công giáo và Chính thống giáo cùng một đức tin theo Công đồng Nicea chỉ vì sĩ diện và tùy thể mà chia ly đã 10 thế kỷ!

Ly giáo Tây phương

Cuộc ly giáo xảy ra ở Tây phương do linh mục Luther dòng thánh Augustin lãnh đạo. Ông bị vạ tuyệt thông dưới triều giáo hoàng Leo X ngày 3-1-1521. Đây là những lý do ly giáo.

1. Nguyên nhân chính trị

Giáo hội Thiên Chúa là một đế quốc tinh thần.

Ngay từ thừa đế quốc La Mã, đã không có vấn đề phân biệt đạo và đời, Hoàng đế cũng như giáo hoàng đều là giáo chủ chỉ định các giám mục. Dưới triều giáo hoàng Innocent III (1198 - 1216), giáo hoàng có lãnh thổ riêng gọi là nước Tòa thánh gồm cả nước Ý, đảo Corse và đảo Sicile đồng thời các vua chúa Âu Châu vẫn đặt mình dưới quyền lãnh đạo tinh thần của giáo hoàng. Dưới sự thống trị tinh thần bằng khẩu hiệu ‘bảo vệ đức tin’, giáo hoàng đã can thiệp vào sự phế lập các vua chúa, đặt ra các sắc thuế cống nộp cho nhà thờ, chiếm dụng đất đai, giáo hội trở nên giàu có. Tòa án ‘Inquisition’ được thiết lập khắp nơi đưa nhiều người ‘dị giáo’ lên giàn hỏa, đốt chết những tàn tích “phiếm thần, ma quỷ...”, giáo hoàng là vua của các vua.

Giáo hội đã nhúng tay vào thế quyền rất xa, ai cũng thấy cần một cuộc cải cách..

2. Sự sa đọa của Giáo hội

Giáo hội Thiên Chúa đã nhân danh Chúa để vui dập con người. Có những giáo hoàng sa đọa kéo theo hàng giáo phẩm cao cấp cũng sa đọa. Các chức vụ của Tòa thánh do phe đảng hay mua bằng tiền. Có lúc đã có hai, ba vị giáo hoàng đồng thời đóng đô tại Avignon nước Pháp và La Mã nước Ý kinh chống nhau. Giáo hoàng Calixte III (1455 - 1458) vì phe đảng nên đã chọn ba người cháu còn nhỏ tuổi làm hồng y. Giáo hoàng Sixte IV (1471 - 1484) chọn hai người cháu sống sa đọa, thế tục làm hồng y. Cao điểm của gương mù là giáo hoàng Alexandre VI (1492 - 1503), ông này có vợ và bốn con, ông lo cho gia đình ông hơn là lo cho giáo hội. Trong giáo hội có người lên tiếng chống Alexandre thì bị lên giàn hỏa như linh mục Savonarola. Giáo hoàng Leo X (1513 - 1521) làm hồng y từ năm 13 tuổi, mê thích nghệ thuật hơn giảng đạo. Chính đời của ông giáo phái Tin lành ra đời do linh mục Luther khởi xướng.

3. Nhân bản chủ nghĩa ra đời

Ba thế kỷ sau, Âu Châu mới coi thế kỷ 18 là thế kỷ Ánh Sáng. Thực ra, nó đã bắt đầu từ trước, từ những ngày đạo Tin lành còn phôi thai. Thời Trung cổ tối tăm, giáo hội Thiên Chúa nhân danh Chúa để đàn áp con người, đạo Tin lành coi như một sự phản kháng vì thế họ tự gọi là ‘Protestant’. Luận đề ngày ấy xoay quanh con người, nếu không có con người thì cũng chẳng có Chúa, Chúa đã chẳng nhập thể “Thiên Chúa Làm Người” đó sao? Vai trò con người trở nên cao trọng. Khoa thần học cổ điển căn cứ vào cuốn ‘Tổng Yếu Thần Học’ (Summa Theologica) của thánh Thomas Aquinas biên soạn, đã bị Luther đốt ở quảng trường thành phố Cologne nước Đức. Đó là khoa thần học chết, học về Chúa là một hữu thể tự tại ngoài con người. Bây giờ tất cả vì con người, lấy chủ nghĩa nhân đạo làm tiêu chuẩn. Không có đức bác ái thì không có con người, những vị thần xa lạ thì không liên quan đến con người. Âu Châu đã bước theo thế kỷ Ánh Sáng bằng sự chuẩn bị trước của đạo Tin Lành.

4. Lý do tài chánh

Giáo hội Thiên Chúa trở nên giàu có với nhiều tài sản, đất đai khắp Âu Châu. Sắc thuế 10% hoa mầu đóng cho nhà thờ là lý do tài chính khiến nhiều ông hoàng Âu Châu muốn ăn cướp của nhà thờ, không phải đóng thuế cho nhà thờ nên đã nhiệt liệt theo phe Tin Lành. Sắc thuế 10% tuy vẫn còn đóng ‘giáo hội’ (phe Tin Lành) nhưng là nhiệm ý, tự nguyện, không còn cưỡng bức như trước. Có 10% thuế đó mới đủ nuôi các gia đình mục sư và những người hầu việc Chúa không phải làm gì và làm việc từ thiện.

5. Lý do tôn giáo

Lúc đầu, linh mục Luther thảo luận 95 chủ đề liên quan đến đạo giáo; giáo hoàng cho là chuyện nhỏ nội bộ không đáng quan tâm. Thực ra 95 đề tài ấy tuy không liên quan tới đức tin căn bản là kinh Tin Kính theo Công đồng Nicea mà Luther thừa nhận, nhưng nó làm lung lay gốc rễ giáo hội. Chín mươi lăm đề tài có thể quy vào hai đề tài chính:

a) Đức tin công chính hóa

Giáo hội Công giáo dạy không rõ ràng: Việc lành phúc đức ta làm thì sinh ích cho “phần rỗi” của ta. Giáo hội Tin Lành nêu ra lý đoán công phúc ta làm là

nhưng không trước mặt Chúa, ta không thể cứu được ta mà là Chúa cứu ta. Chúa Jesus đã chết một lần cho toàn thể nhân loại. Hậu quả cái chết của Chúa là giải thoát mọi tội của ta kể cả tội tổ tông lẫn tội ta phạm khi còn tại thế. Việc lành phúc đức ta làm chẳng qua là hiệu quả của đức tin: Tin Chúa càng mạnh càng làm nhiều việc lành. Việc cụ thể ta làm là dấu chỉ của đức tin.

Rất tiếc luận đề này đã không được các nhà thần học Công giáo đào sâu làm cho rõ ràng nên chính nghĩa nằm ở phe Tin lành.

b) Từ luận đề đức tin công chính hóa sự thiện để ra vấn đề ơn xá.

Nên biết lúc đó Giáo hoàng Leo X rất ham mê nghệ thuật. Để kiếm tiền xây dựng các đại giáo đường, ông bày ra vấn đề ơn xá. Người ta có thể đem tiền của ra mua ơn xá để có phần rồi đời sau. Vấn đề ở chỗ con người thay Chúa có khả năng làm được những đâu? Giáo hội Thiên Chúa dạy ơn xá như cái giếng mức nước ban phát cho mọi người, ơn xá cũng thế, kẻ đại diện “mức” ân xá to, nhỏ mà phân chia cho thế gian. Thế gian có thể trao đổi tiền bạc để mua ân xá. Học lý dễ bị hiểu lầm nếu người ta quên yếu tố lòng ăn năn của kẻ lãnh ơn xá. Phe Tin Lành phản đối: nếu tin vào hiệu quả của ơn xá thì ơn cứu chuộc của Chúa Jesus để chỗ nào? Một lần nữa chính nghĩa nằm ở phe Tin Lành.

c) Hệ luận con người bình đẳng trước Chúa.

Chúa đã ban quyền cho Phê-rô: *“Điều gì ngươi cầm buộc dưới thế gian thì trên trời cũng bị cầm buộc”* (Mat-thêu 16:19). Nói thế, không phải là để Phê-rô vượt Chúa Jesus làm thầy thiên hạ, chúng ta đừng gọi ai là cha, là thầy vì chúng ta chỉ có một cha ở trên trời (Mat-thêu 23:8-9), Phê-rô cũng phải chết vì đã làm con người đều mắc tội tổ tông và phải hư nát cho nên con người bình đẳng trước Chúa. Kể cả bà Ma-ri-a, mẹ Chúa Jesus. Ban cho bà những đặc tính siêu nhiên là trái luật tự nhiên của Chúa và trái với Thánh Kinh; vì Thánh Kinh không nói bà khỏi mắc tội tổ tông; linh hồn và xác về trời. Thánh Kinh còn bảo bà không ăn ở với chồng cho đến khi sinh Chúa Jesus (Mat-thêu 1:25). Thánh Kinh cũng như lịch sử có đề cập tới em của Chúa Jesus. Dùng quyền của Phê-rô để ban những tín điều về bà Ma-ri-a thì không ích gì cho phần rỗi các linh hồn mà lại làm chia rẽ thế giới dân

Chúa (Luận cứ thần học hậu Luther, vì các tín điều về Đức Mẹ sau khi Luther đã chết).

6. Lý do tính khí

Hàng giáo phẩm Đức thiên về lý trí trong khi cả giáo hội chịu ảnh hưởng của thuyết thần bí Đông phương. Các phép bí tích không giải thích được. Vì vậy Luther chỉ giữ lại các bí tích có nói trong Thánh Kinh. Đó là phép rửa tội khi nhận đạo. Phép Thánh Thể chỉ coi là hình bóng để kỷ niệm Chúa thay vì Chúa hiện diện.

Phê bình: Linh mục Luther không thay đổi đức tin theo công đồng Nicea. Học lý của ông về ơn Cứu độ của Chúa nghe được. Nhưng ông đã tự mâu thuẫn dạy rằng lấy Thánh Kinh làm gốc, hãy để Chúa Thánh Thần hướng dẫn mỗi cá nhân đến sự trọn lành. Vậy thì đâu cần đến tổ chức giáo hội. Thực tế Tin lành đã tổ chức thành một giáo hội ly khai với các vị mục sư làm chức năng của giáo sĩ. Công đó do nhà thần học Philipp Schwaeszerd Melanchton (1497-1560) đề đệ được Luther ủy thác lập nội quy cho giáo hội. Cũng vì lấy Thánh Kinh làm gốc cộng với sự tự do giáo phái Tin lành sinh sôi nảy nở tới nay đã có trên 300 phái xuất thân từ Tin lành và còn nhiều nữa cho đến ngày tận thế, nào ai biết được? Cuộc cách mạng tôn giáo của Luther lúc đầu có tính cách tôn giáo sau chuyển dần sang mục đích chính trị và tài chánh.

Ly giáo của vua Henry Đệ Bát

Suy nghĩ về cuộc ly giáo của người Anh vào năm 1533, ta không tìm thấy lý do liên quan đến đức tin, Hoàng đế Anh được gọi là ‘kẻ bảo vệ đức tin’ (defensor fidel) được quyền thay giáo hoàng chọn các giám mục. Lý do cuộc ly giáo phải tìm ở phong tục và luân lý.

Thật vậy, vua Henry VIII cưới chị dâu góa chồng là bà Catalina. Bà sinh cho vua Henry một bé gái và không còn khả năng sinh đẻ, Henry lo cho ngai vàng vì thế nhà vua muốn cưới thêm nàng Anne Boleyn. Điều này trái với luật của giáo hội Thiên Chúa là nhất phu nhất phụ. Giả như Henry cứ âm thầm lấy nàng Boleyn, mọi việc cũng xong. Đằng này ông bày đặt đi kiện tới giáo hoàng La Mã để chính thức lấy bà Boleyn và loại bà Catalina. Chiếu theo giáo luật thì hôn phối giữa vua Henry và bà Boleyn không thành. Thế là vua Henry VIII ly khai với La Mã để từ đây nhà

vua nắm cả thế quyền lẫn thần quyền. Giả như giáo quyền uyển chuyển một chút, vịn vào Cựu Ước tổ phụ Abraham có hai vợ và nàng hầu, vua Đa-vít có tam cung lục viện với hàng trăm vợ, vua Salomon có hàng ngàn vợ thì vua Henry có lấy thêm một nàng nữa để có con nối dõi cũng là điều nên làm. Thực vậy sau này Henry VIII có tới năm bà vợ.

Cuộc ly khai của Anh giáo không phải vì xung đột đức tin mà vì phong tục tập quán mang màu sắc luân lý nhiều hơn. Nhưng khác biệt trong nghi lễ, do sau này người Anh du nhập của phái Tin Lành. Họ chỉ có sách kinh nguyện “Prayer Book” thống nhất trong toàn đế quốc tách lìa với việc phụng sự Thánh Thể (Eucharist service) do các linh mục Anh giáo cử hành (mấy năm gần đây họ phong chức cho cả phụ nữ) mà không có thánh lễ Misa như giáo hội Công giáo.

Giăng đi, giạt lại mấy lần, nhưng tòa thánh La Mã phạm phải đại sai lầm là kết đồng minh với người Pháp để đẩy lui người Tây Ban Nha ra khỏi nước Tòa Thánh. Người Pháp đã chiếm mũi Calais của người Anh năm 1558. Người Anh ghét người Pháp ghét luôn cả Tòa Thánh La Mã.

Nhân bài học chính trị này, xin lạm bàn một chút về thái độ chính trị của Tòa Thánh La Mã. Những bộ óc luôn luôn dè dặt và tự cho là ‘khôn ngoan’ đôi khi phạm phải sai lầm như ở thời đại chúng ta. Các thông điệp của giáo hoàng luôn lên án chủ nghĩa Cộng sản: thông điệp Quanta Cura ngày 8-12-1864 của giáo hoàng Pio IX, thông điệp của Rerum Novarum ngày 16-5-1891 của giáo hoàng Leo XIII, thông điệp Quadragesimo Anno ngày 15-5-1931 cùng với sắc lệnh 1950 của bộ Đức Tin để ra thư luân lưu của hàng Giám mục Việt Nam năm 1951: *“Vì tinh thần trách nhiệm quan trọng trước Thiên Chúa, vì mối tình tha thiết yêu quý anh em, chúng tôi thấy mình có nhiệm vụ quan hệ phải loan báo cho anh em biết đề phòng nạn Cộng sản vô thần duy vật, một nguy cơ trầm trọng nhất của thời đại này. Chủ nghĩa Cộng sản bác bỏ Thiên Chúa hằng sống, bác bỏ tất cả các quyền lợi của nhân vị và gia đình. Chủ nghĩa Cộng sản xung khắc tuyệt đối với Công giáo đến nỗi đức Thánh Cha đã tuyên bố rằng “Không bao giờ vừa có thể theo Cộng sản vừa theo Công giáo được và người Công giáo nào gia nhập đảng Cộng sản thì lập tức bị khai trừ khỏi giáo hội. Chẳng những không được gia nhập đảng Cộng sản mà không thể cộng tác dưới bất kỳ hình thức nào có thể nắm chính quyền”.*

Nội dung thư chung trên là thiếu khôn ngoan. Trước nhất, nó trái với tinh thần Phúc Âm là cứu rỗi mọi người, ai càng xa ơn cứu độ càng phải cứu rỗi (Lu-ca

19:10, Gio-an 10:11). Hai là giải thích thế nào đây, gần như giáo hội Việt Nam ngày nay quay ngoắt 180 độ từ bỏ chính trị, cộng tác với chính quyền Cộng sản để phát triển và lo cho công ích cộng thiện. Từ thái độ chống đối, chống đối bằng cuộc di cư từ Bắc vào Nam, chống đối bằng cộng tác với các chính quyền chống Cộng ở Nam... Nay thì họ đang cộng tác với Cộng sản để đổi lại những quyền lợi còn hơn là không có gì. Vậy chúng ta biết nghe ai? Thái độ khôn ngoan là không nghe ai cả, kể cả giáo hội nữa!

Trên giáo hội hoàn vũ, sự ly khai của giáo hội quốc doanh Trung Hoa là có thực. Bốn triệu tín hữu Trung Hoa tách lìa khỏi giáo hội vì tòa Khâm sứ đặt ở Đài Loan! Tại sao không bỏ tòa Khâm sứ ở Đài Loan đi để cả nước Trung Hoa không có tòa Khâm sứ. Tiếc thay những bộ óc được coi là khôn ngoan và dè dặt!

Sự ly giáo có nhiều nguyên nhân. Các nguyên nhân xem ra không quan hệ đến đức tin căn bản. Cả ba phái Công giáo La Mã, Tin Lành, Chính Thống Đông phương đều tin như nhau. Đức tin ấy bắt đầu từ Công đồng Nicea năm 325. Ta không bảo phái nào là “lạc đạo, rời đạo”. Các phái đều là Thiên Chúa giáo khởi nguyên từ các Tông đồ của Chúa Jesus. Điều làm cho các phái chia rẽ là nguyên nhân lịch sử, chính trị, xã hội xếp chung vào nguồn gốc văn hóa. Chia rẽ vì văn hóa là thứ yếu, người ta không thể mất phần rồi vì văn hóa, Công giáo, Tin lành, Chính thống là một giáo hội Thiên Chúa có nhiều dị biệt về văn hóa. Chính vì vậy ta không nô lệ các nhà thần học hay giáo quyền. Lấy một ví dụ là phép Thánh Thể Chính thống dùng bánh có men, Công giáo dùng bánh không men và dạy rằng bánh rượu biến thể trở nên mình máu Chúa. Tin lành chỉ là bánh thường hay lương thể đồng tồn bẻ ra, dọn bữa để kỷ niệm Chúa Jesus: Bánh là bánh không hơn không kém và Chúa Jesus chết một lần đã đủ rồi. Trái lại Công giáo dạy mỗi lần bẻ bánh là Chúa Jesus lại chết thật siêu nhiên trong các thánh lễ Misa và bánh rượu biến thể hoàn toàn. Tất cả đều là công trình của các nhà thần học. Chúng ta có nên nô lệ họ không? Họ cũng là người như ta, ý kiến của họ có thể sai có thể đúng, nhưng đức tin vào Chúa Ba Ngôi và Ngôi Thứ Hai cứu chuộc là không đổi. Vậy ta nên giữ cái căn bản làm mẫu số chung, cái văn hóa là tùy thể và không nên vì cái tùy thể mà chia rẽ. Giả sử Chúa Jesus nhập thể và nhập thể là người Việt Nam, chúng ta sẽ có cái bánh đa và như thế bánh không men và bánh có men không còn là vấn đề gây ly giáo.

Sự thật, chủ nghĩa thần bí của Đông phương đã lèn vào trong giáo hội hậu Chúa Jesus lúc nào không ai biết qua các vị tu sĩ khổ tu rồi các nhà thần học “bào

chế” sau. Các điều phải tin trong Giáo hội như rừng rậm so với các điều phải tin theo Công đồng Nicea năm 325 rất đơn giản. Ví dụ Bảy Phép Bí Tích trong giáo hội Công giáo. Đã là bí thì không ai giải thích được hãy “cắm đầu” tin theo người ban Bí Tích! Như thế tin vào Bí Tích hay tin vào Chúa cứu chuộc? Dĩ nhiên là tin vào Chúa cứu chuộc qua Bí Tích! Nhưng người ta cũng có thể hiểu giáo hội dùng Bí Tích như một công cụ kiểm soát con người, áp chế con người từ lúc sinh ra đến khi lìa đời. Phép giải tội chẳng hạn, đã là ơn Chúa ban cho những ai thành tâm thiện chí thì không phải xưng tội và nghe thú tội, cái việc người thú lẫn người nghe đều không thích. Đi thú tội mà không có lòng thành thì việc xưng tội cũng không thành. Cái làm nên phép Giải tội là lòng thống hối của tội nhân. Trong trường hợp ấy phép Giải tội tập thể đã đủ! Kìa xem người Thiên Chúa giáo thế kỷ đầu tiên có bảy phép Bí Tích đâu mà vẫn có kẻ đổ máu để bảo vệ đức tin của đạo.

Khoa nhân loại học siêu nhiên cho ra đời các tín điều liên quan đến con người không có căn bản Thánh Kinh, duy tâm và duy ý chí của các vị giáo hoàng gây chia rẽ thế giới Thiên Chúa giáo. Tín điều “Đức Mẹ Vô-Nhiễm-Nguyên-Tội” công bố năm 1854 do giáo hoàng Pío IX và tín điều “Đức Mẹ Hồn Xác Về Trời” công bố năm 1950 do giáo hoàng Pío XII không liên quan đến đức tin của Thiên Chúa giáo. Trước nhất nó không căn bản Thánh Kinh mà chỉ căn cứ vào Thánh Truyền. Thánh Truyền thì “tam sao thất bản”, đã mười mấy thế kỷ sai lạc đi nhiều. Hai là từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ 19, không có loại tín điều đó, phần rỗi của các linh hồn chẳng sao. Giáo hoàng Pío IX cầm quyền lâu nhất (1846-1878), ông đi tu từ nhỏ, làm chú giúp lễ rồi “sống lâu lên lão làng”. Ông học hành có là bao nên đi ngược bánh xe lịch sử. Ông tự coi mình là tù nhân giam mình trong điện Vatican, vì phản đối việc thống nhất nước Ý làm cho lãnh địa của giáo hoàng mất hết. Theo ông thì không có tự do gì cả, ngay tự do lương tâm, tín ngưỡng. Ông và giáo hoàng Pío XII cho ra đời hai tín điều về Đức Mẹ và tín điều Giáo Hoàng Vô Ngộ (Infability). Tín điều sau do Công đồng Vatican I công bố xét ra không cần thiết vì khi ban hành luật pháp giáo hoàng phải hỏi ý kiến Công đồng, vả chăng những tín điều đã ban ra chỉ là nếp sống truyền thống của giáo hội nên đề nhiệm ý thay vì xác định thành niềm tin như tín điều của Công đồng Nicea năm 325. Giáo hoàng Pío IX được phong làm chân phước nhưng cũng là vị giáo hoàng bị ghét bỏ, không hiểu tiêu sử các thánh viết về ông phải viết ra sao? Đã đành, ông có lòng nhiệt thành với đạo nhưng lòng nhiệt thành cộng với sự ngu dốt là phá hoại. Ông cô lập thế giới Thiên Chúa giáo như thế là phá hoại. Sự thiệt hại này giáo hoàng Leo XIII và Công đồng Vatican II đã sửa lại. Tín điều ban ra chỉ để ban ra không có tác dụng thực tế, thà đừng ban để anh em được đoàn kết.

Ngày nay, giáo hội cần nhìn kỹ khuyết điểm và cần phải cải sửa vì xã hội chuyển biến không ngừng.

Sự kiện giáo hoàng xin lỗi nhân loại về vụ án Galileo là việc đáng khen và đúng lắm. Nhưng còn nhiều cái chờ bàn tay thẩm quyền của Tòa Thánh phải can đảm xét lại nếp sống văn hóa.

Chúa phán Ngài xuống thế gian không phải để sửa đổi luật pháp nhưng là làm cho trọn. Thế mà ta thấy gì? Giáo Hội căn cứ vào luật của giáo hoàng Gregory VII bắt hàng giáo sĩ sống độc thân là đi trái với luật tự nhiên của Chúa: âm phải có dương, dương phải có âm. Đã đành sống độc thân để lo cho giáo hội, lo cho dân Chúa là điều đáng khen và sản sinh ra lắm vị thánh. Nhưng trở thành luật là điều thiếu khôn ngoan. Con số giáo sĩ giảm sút ở các nước phát triển, cụ thể là ở Hà Lan, các tu viện phải đóng cửa vì không còn người đi tu. Tự đào mồ chôn mình là điều dại dột!

Chúa phán đừng gọi ai bằng cha, bằng thầy vì chúng ta chỉ có một Cha ở trên trời. Vậy mà ta có các cha, các đức cha, đức thánh cha, đức viện phụ, các thánh giáo phụ... Đó chẳng qua là di sản của chế độ phong kiến.

Chúa phán hãy thờ ta bằng tâm linh. Vậy mà ngày nay ta thấy các nhà thờ linh kinh ảnh tượng.

Chúa phán ngoài đức Jesus không ai có thể làm trung gian giữa Chúa và Người. Ngày nay người ta thần hóa đức Mẹ và các thánh rồi cầu nguyện với chư vị. Hội thánh cùng thông công, bốn phận của các thánh là cầu bầu, còn chính ta không phải cầu nguyện với họ. Cầu nguyện với các thánh là làm xỉ nhục các thánh, giống như kẻ xin ta việc gì ngoài khả năng của ta tức là nhạo báng ta. Cái óc đa thần còn in sâu vào tâm trí ta, ta hãy cầu nguyện với Chúa và chỉ một Chúa Ba Ngôi thôi.

Tôi viết lên điều trên vì thương yêu các linh hồn. Hãy mở vòng tay đại kết ôm người Công giáo, người Tin lành, người Chính thống, người Anh giáo vào lòng. Tất cả đều là người Thiên Thúa giáo như nhau vì cùng một đức tin theo Công đồng Nicea năm 325, cùng một phép rửa, chỉ khác biệt về văn hóa là cái tùy thế không quan trọng.

Không ai biết được phần rỗi của ai, nhưng lấy đức bác ái làm tiêu chuẩn, lấy đời sống thường làm chỉ nam thì Luther lên thiên đàng còn Alexandrô VI đáng ngờ.

Trong các chủng viện người ta dạy cho các chủng sinh các lý thuyết về Chúa, dạy phải vâng lời tuyệt đối như trồng cây lộn ngược cũng phải trồng để chứng tỏ đức vâng lời. Học hành như thế, các linh mục các mục sư chỉ là các thầy cúng không hơn không kém.

Còn những ‘lạc giáo’ nào khác? Có rất nhiều từ Do Thái giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo đến các triết lý của Trung Hoa, của Việt Nam về ông Trời đều là Chúa độc ác hay phiếm thần, một đấng toàn năng (deism) xa lạ với con người, một tác phẩm của trí tưởng tượng loài người. Chỉ có ta, ta có Chúa Làm Người ở với ta, đồng cam cộng khổ với ta để cứu chuộc ta làm nên Thiên Chúa giáo. Cái nét đẹp Thiên Chúa Làm Người không tôn giáo, không triết lý nào có trừ Thiên Chúa giáo và Không giáo với thuyết ‘Thiên Nhân Tương Dữ’ rất gần.

Thiên Chúa Làm Người đem yêu thương cụ thể cho con người. Tuy Chúa có rắn đe, nhưng Chúa không giết ai. Lòng thương xót đã có trong Cựu Ước, nhưng lòng thương xót đó là “răng đèn răng, mắt đèn mắt” hoặc chữ nhân trong triết học phương Đông rất quán triệt cũng chỉ “thương người như thể thương thân”, “Sở kỷ bất dục vật thi ư nhân”, hoặc nhân đạo trong chủ nghĩa nhân bản lấy cái ta làm chuẩn.

Chỉ có Phúc Âm của Chúa Jesus dạy ta phải yêu thương cả kẻ thù vì Chúa đã yêu thương ta trước, trước khi ta yêu người hay yêu Chúa.

Trong quá khứ đã có nhiều bè rối, xét ra đó cũng chỉ là học lý hay quan niệm về Chúa (Không kiểm tra được) vẫn giữ đức tin theo Công đồng Nicea. Ví dụ phái Jansenius chủ trương một Chúa công thẳng thì phái Quietism chủ trương một Chúa nhân từ. Họ là Thiên Chúa giáo đấy.

Cái đáng sợ là chặt cây Thánh Giá: Phái Jehovah's Witnesses chủ trương một Chúa Jesus như ta, không có thần tính. Tín điều Ba Ngôi là do người ta du nhập ngoại giáo cổ không đáng tin. Phái đó có khác chi Do Thái giáo tin vào một chúa Gia-hô-vê tưởng tượng hay Hồi Giáo tin vào một A-la của điện Kabah đa thần hay nhằm nhí như Ấn Độ giáo nắn cái giống của nam và nữ mà thờ. Ngày nay rất nhiều hình thức chặt cây Thánh Giá. Nỗ lực của loài người là cố chứng minh cho được Chúa Jesus chỉ là người. Chủ nghĩa tự do xem Chúa Jesus như một lối sống, cùng lắm thì Chúa cũng như Elvis Presley, chẳng bận tâm xem ông là chúa hay là người, thờ ông vì ông có ngoại hình đáng yêu, dễ gây xúc cảm. Nghiêm trang như bà

Barbara Thiering với các tác phẩm ‘Jesus, the man’ và ‘Jesus after Crucification’, nhà nữ thần học này lấy Thánh Kinh ra chứng minh Jesus chỉ là người. Có một điều ta biết rõ đó là các sự tưởng tượng phong phú của con người. Những lý đoán của bà Barbara Thiering chỉ là sự suy đoán: Thấy khói là biết có lửa, nhưng có khi khói chỉ là khí núi, là hơi nước thì sao?

Không sợ lạc giáo nếu lạc giáo còn thừa nhận công đồng Nicea, chỉ sợ lạc giáo cố tình chặt cây Thánh Giá thì thế giới Thiên Chúa giáo không còn lý do tồn tại.

Ngày nay người ta nói nhiều đến thần học giải phóng. Xuất xứ của lý tưởng này ở Nam Mỹ. Các xứ đa số theo đạo Thiên Chúa La Mã, quần chúng nghèo đói lạc hậu, mê tín dị đoan. Lý tưởng của Chúa Jesus đã không giải quyết được các vấn đề xã hội, vậy thì hãy theo ông Mác ông Lê đứng lên cướp lấy tài sản san bằng xã hội.

Các người chủ trương thần học giải phóng là các giáo sĩ tên tuổi như linh mục Leonardo Boff, Gustavo Gutierrez.

Chắc chắn các ông không từ bỏ đức tin theo Công đồng Nicea, nhưng thấy lý tưởng của Mác của Lê có thể giải quyết được vấn đề giàu nghèo nên các ông hăm hở dẫn thân. Người ta lo ngại như thế Chúa Jesus sẽ mất chỗ đứng. Điều lo lắng đó thái quá vì người ta đánh đồng đức tin và luân lý (Gio-an 8:31-37).

Chúa Jesus giải phóng chúng ta khỏi tội, còn áp dụng phương cách nào để tiến đến sự giải phóng đó thì con người phải nỗ lực: giải quyết vấn đề giàu nghèo bằng tư bản chủ nghĩa là làm cho mọi người cùng giàu lên như ở các nước phát triển, cái nghèo sẽ bị triệt tiêu. Điều này đã xảy ra ở các nước Úc, Canada, Phần Lan, Thụy Sĩ... Giải quyết cái nghèo bằng dùng bạo lực như các nước cộng sản vẫn làm cũng tốt thôi. Nhưng thực tế, chính các nước tư bản phát triển thực hiện được lý tưởng cộng sản là cân bằng xã hội làm theo lao động hưởng theo nhu cầu trong khi các nước theo lý tưởng cộng sản bị tan rã, tan rã ngay trên tổ quốc lớn là Liên Xô. Nay còn lại mấy nước loe ngoe hút hơi chạy theo tư bản, nguy trạng chuyên chính vô sản để giữ lại quyền lợi cho phe đảng.

Giáo hội ôm đồm cả tín lý lẫn luân lý thì như cá mắc lưới không cách gì gỡ được. Theo dòng lịch sử, giáo hội ôm cả việc đạo lẫn nhà nước, một thứ siêu nhà nước, lập cả tòa án giết người như tòa ‘Inquisition’. Rất may điều ấy đã không còn

nữa! Ngay đến luân lý thuộc thẩm quyền cũng đã biến đổi nhiều. Thử xem thời Cựu Ước việc xuất kinh nguyệt hàng tháng của phụ nữ, việc xuất tinh ban đêm ngoài ý muốn của nam nhân đều là tội cả. Ai gặp trường hợp ấy phải dâng lễ đền tội sau khi tắm rửa! Việc cắt da bao quy đầu là bắt buộc, nam nhân nào không thực hiện là theo tà đạo. Luật ấy còn giữ trong Do Thái giáo và đạo Hồi. Đối với nam giới cắt núp da bọc bao quy đầu con chim vì vấn đề vệ sinh thân thể cũng tốt thôi, để cũng chả sao và nói như Lê-nin luân lý như miếng da che đầu dương vật nghĩa là nó vô hại! Ngoài ra nếu làm quá thì nó lại là tội ác như vài phái Hồi giáo cắt bì cả phụ nữ. Họ lấy đi tất cả bộ phận sinh dục ngoài của chị em, triệt tiêu khoái lạc của nữ giới, chỉ còn lại chức năng sinh đẻ. Tây phương phản đối, bắt đưa ra tòa về việc này vì xem đó là việc mọi rợ. Giáo hội ôm khư khư luân lý trong khi giáo hội không giải quyết nổi. Thử xem mấy cặp vợ chồng Công giáo hạn chế sinh đẻ chỉ áp dụng các biện pháp ‘tự nhiên’ của giáo hội, nhất là tại các nước như Trung Hoa, Việt Nam... mỗi gia đình chỉ có một hoặc hai con. Giảm dân là quốc sách. Nạn sinh đẻ bừa bãi như ở Ấn Độ là một thảm trạng cho xã hội mà ai cũng biết nguyên do từ sự bùng nổ dân số. Luân lý bên này dãy núi Pyrénée khác với bên kia dãy núi hay nói như Việt Nam ‘đất lề quê thói, phép vua thua lệ làng’. Đối với ta tiêu chuẩn là đức bác ái, xa rời đức bác ái là xa rời Chúa Jesus thì hà tất phải câu nệ hình thức. Cái ý hướng của con người là quan trọng.

Từ chối ban Bí Tích cho các người có hoàn cảnh đặc biệt vì rời vợ rời chồng như sự phân cách Nam Bắc Hàn hay Việt Nam trước kia là thiếu bác ái.

Từ chối ơn cứu độ đối với những người có sở thích đồng tính dục là bất công. Họ sinh ra bị tiên thiên trục trặc về tâm lý. Họ không có tội. Ngoài ra họ còn chịu sự thiệt thòi theo luật tự nhiên. Những người này xã hội Tây phương đồng cảm. Ngay nước Mỹ theo phúc trình của Dr. Kinsey họ đông tới 5% dân số và những người lưỡng tính dục 50%. Gạt hàng triệu người ra khỏi ơn cứu độ chỉ vì luân lý thì ác và thiếu khôn ngoan. Đó là lý do tại sao giáo phái ở Mỹ phát triển: Người ta tìm sự an ủi từ những kẻ chấp nhận họ!

Theo tôi nghĩ, giáo hội chỉ nên giữ tín lý còn luân lý trả về cho xã hội. Khoa nhân loại học siêu nhiên trở nên lạc hậu cùng với giáo hội tự cô lập mình khi đưa ra các câu trả lời không thỏa đáng. Ví dụ người ta phải giải quyết thế nào đây khi ta có thể chiết người như chiết cây. Phương pháp ‘cloning’ là chiết người đấy! Con cừu Dolly là một câu hỏi đau đầu cho các nhà thần học. Khoa thiên văn tiên bộ, giả sử

mai ngày người ta tìm thấy sự sống ở các hành tinh khác, khoa nhân loại học siêu nhiên sẽ phải trả lời như thế nào?

Trong trường hợp ấy, lời giáo huấn, luật pháp chỉ là trò đùa. Người ta không nghe đâu, thà dùng giáo huấn hay ban luật.



Chuỗi tràng hạt của người Công giáo là sản phẩm của thánh Đa-minh bắt chước người Hồi ở Tây-ban-nha thế kỷ 11. Lăn chuỗi Mối Khôi, suy ngẫm về cuộc đời Chúa Jesus thì ít mà quen miệng đọc thì nhiều, lâu dần câu kinh trở thành thần chú.

Người Tây Tạng quen đọc chú “Úm Ma ni đêo neo = Úm mani bát di hồng” và tay cầm cái cối xoay kinh có khắc thần chú đó. Thực ra, chẳng có gì là thần thánh, câu đó của phái Shaktism thốt ra khi giao cấu đến độ sững ngất. Tội nghiệp bao nhiêu tín đồ ăn phải “quả lừa” đọc thần chú tục tĩu mà đâu có biết.



Từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 13 có cuộc thánh chiến chống lại người Hồi chiếm lại đất thánh Jerusalem. Nhưng cũng có cuộc thánh chiến chống lại lạc giáo Cathari, ta gọi là bè Albigense. Cuộc chiến tranh đã tàn sát 20.000 người gồm trẻ con, đàn bà, đàn ông thuộc làng Béziers, Pháp quốc. Bè Albigense chủ trương tương tự như bè Arius mà giáo hội Thiên Chúa thẳng tay đàn áp. Con cái thánh Đa Minh đã góp phần vào cuộc tắm máu này.

47. She said: "O my Lord! How shall I have a son when no man has touched me." He said: "So (it will be) for Allah creates what He wills. When He has decreed something, He says to it only: "Be!" — and it is.

قَالَتْ رَبِّ أَنَّى يَكُونُ لِي وَلَدٌ وَلَمْ يَمَسِّنِي
بَشَرٌ قَالَ كَذَلِكَ اللَّهُ يَخْلُقُ مَا يَشَاءُ إِذَا
قَضَىٰ أَمْرًا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُ كُنْ فَيَكُونُ ﴿١٧﴾

48. And He (Allah) will teach him (Jesus) the Book and *Al-Hikmah* (i.e. the *Sunna*, the faultless speech of the Prophets, wisdom etc.), (and) the Torah and the Gospel.

وَيُعَلِّمُهُ الْكِتَابَ وَالْحِكْمَةَ وَالتَّوْرَةَ
وَإِنْجِيلَ ﴿١٨﴾

49. And will make him (Jesus) a Messenger to the Children of Israel (saying): "I have come to you with a sign from your Lord, that I design for you out of clay, as it were, the figure of a bird, and breathe into it, and it becomes a bird by

وَرَسُولًا إِلَىٰ بَنِي إِسْرَءِيلَ أَنِّي قَدْ جِئْتُكُمْ
بِآيَةٍ مِّن رَّبِّكُمْ أَنِّي أَنفَخُ فِيكُمْ مِن
الطِّينِ كَهَيْئَةِ الطَّيْرِ فَأَنفُخُ فِيهِ فَيَكُونُ
طَيْرًا بِإِذْنِ اللَّهِ وَأُبْرِئُ الْأَكْمَةَ

Bản kinh Cô-răng thừa nhận Đức Mẹ đồng trinh sinh ra Chúa Jesus. Nhưng Chúa Jesus chỉ là tiên tri nhỏ hơn Mô-ha-mét! Sự nghịch lý ở chỗ không thừa nhận Chúa Jesus là thần thì cần gì sự thụ thai mà còn đồng trinh. Thụ thai do nam nữ cấu hợp như Mô-ha-mét thì lớn hơn Chúa Jesus ở chỗ nào?

Chương 5

MÔ-HA-MÉT và A-LA LÀ AI?

by Phan Thiết

Chương này xin dành cho các tín hữu đạo Hồi. Thực ra thế lực của đạo Hồi trên thế giới là mạnh với 1 tỷ 800 triệu người, đứng sau đạo Thiên Chúa 1 tỷ 900 triệu người kể cả ba hệ phái Công giáo, Tin lành, Chính thống. Đối với quê hương Việt Nam đạo Hồi không đáng kể, chỉ có vài chục ngàn người ở Phan Rang, Phan Rí Chàm và Châu Đốc. Công đồng Hồi giáo ở Việt Nam là thiểu số nhỏ, không vì vậy mà chúng ta không tìm hiểu căn kể đạo này.

Mô-ha-mét là ai?

Tiểu sử Mô-ha-mét

Mô-ha-mét (Muhammed) sinh năm 569 sau Tây lịch ở một vùng đất mênh mông, đất khô người thưa là bán đảo Ả-rập, nay là nước Saudi Arabia, thủ đô tôn giáo là Mecca. Ông sinh tại Mecca thuộc bộ lạc du mục Quraysh. Cha của Mô-ha-mét chết từ lúc ông chưa chào đời và mẹ cũng chết khi ông được vài tuổi. Mô-ha-mét sống trong cảnh mồ côi với ông bà giàu có. Sau ông bà giao ông cho một người chú khá giả, người này 'bán cái' cho một người chú nghèo khó. Thừa thiếu thời Mô-ha-mét sống thật vất vả không được học hành và phải mù chữ. Lớn lên ông xin cưới một người con gái của chú, bị từ chối nên ông cưới bà quả phụ Khadija lúc đó hơn ông 15 tuổi và là chủ của ông. Ông làm nghề bảo tiêu hàng hóa cho bà Khadija từ Mecca đi Damascus nay là thủ đô nước Syria. Ở Damascus ông học đạo Thiên Chúa với một tu sĩ phái Cảnh giáo (Netorius, phái Nhất Tính) và làm tiên tri vào khoảng 40 tuổi.

Mô-ha-mét chết năm 632, hưởng thọ 63 tuổi, để lại cô vợ trẻ lúc đó mới 18 tuổi, nàng Aisha.

Mô-ha-mét và đàn bà

Những gì ta biết về đời tư của Mô-ha-mét căn cứ vào sách Cô-răng thì ít mà bộ Hadith thì nhiều. Bộ này 9 cuốn xem là Thánh Truyền của Hồi giáo nói về tất cả cuộc đời của Mô-ha-mét. Sách có tên là 'The translation of the meaning of Sahit Al-

Bukhari' (Nhà xuất bản Kazi, Lahore, Pakistan 1979). Bộ sách phải mượn của thư viện lớn thế giới mới có vì nó quá dày. Sách nói gì về Mô-ha-mét với đàn bà?

Trước nhất là chuyện vợ con, Mô-ha-mét cưới bà quả phụ góa chồng không con. Bà ở với Mô-ha-mét được 3 cô con gái và 2 con trai chết yểu. Khả năng sinh lý của Mô-ha mét rất mạnh làm cho bà Khadija thụ thai liên tiếp và chết vào khoảng 60 tuổi. Bà chết rồi Mô-ha-mét tung hoành lấy thêm nhiều vợ, sách ghi thêm 22 người đàn bà lận! 16 bà làm vợ, 2 bà là nàng hầu, 4 bà tự hiến thân vì mê giáo chủ. Điều đáng nói là giáo chủ chính thức lấy nàng Aisha mới có 9 tuổi, cưới nàng từ lúc nàng 6 tuổi, nàng là con của Abu Berk. Lúc đó, giáo chủ đã 53 tuổi. Ta thử tưởng tượng em bé 9 tuổi dù phát dục sớm cũng khó có thể giao hợp với ông lão đã gần 53 tuổi! Trong trường hợp ấy ta gọi người đàn ông là "quỷ râu xanh".

Trường hợp sau, giáo chủ nuôi một người con nuôi. Người này lấy nàng tên là Zaynab of Jahsh. Zaynab có sắc đẹp, giáo chủ ưng nàng lắm, muốn chiếm nàng cho mình nhưng đứa con nuôi không bằng lòng. Giáo chủ bèn "thiên khai" cướp vợ của con cho được: "Nếu nhường nàng Zaynab cho đáng tiên tri là lệnh của A-la thì con không có tội gì cả, chỉ thi hành lệnh của A-la thôi (Sura 33; 36-48)". Đứa con nuôi phải vâng lệnh A-la nhường vợ cho đáng tiên tri. Sở dĩ Mô-ha-met có nhiều vợ, ngoài khả năng sinh lý, ông còn muốn kết bè kết cánh, lấy vợ người của đối phương chứng tỏ tình đồng minh hay là vợ con của tướng sĩ dưới quyền chết trận, Mô-ha-mét cuu mang hết vì lòng nhân đạo!

Đàn bà là công cụ vui chơi của đàn ông nên Mô-ha-mét cho phép một nam nhi được có bốn vợ.

Dẫn chứng:

Anas bin Malik kể: "Đáng tiên tri hay đi thăm các vợ trong một ngày và một đêm, số họ là mười một". Tôi có hỏi Anas: "Đáng Tiên tri mạnh thế sao?". Anas trả lời: "Ồ! Đáng tiên tri được trời phú cho mạnh bằng 30 nam nhi" (Vol 1 No. 268).

Aisha kể: "Tôi cảm thấy đáng Tiên tri đi dạo chung quanh để ái ân với các vợ" (Vol 1 No 270 và No 267).

Vol 7 No 5, No 6, No 142 cũng nói như vậy Vol 1 No 367 còn bảo Mô-ha-mét hay thay đổi bạn tình trong đám phụ nữ bị bắt. Ngoài ra Mô-ha-mét ái ân cả với gái nô-lệ do ông mua hay kẻ thích hiến thân vì mê giáo chủ (Vol 7 No 22.23).

"Ôi đức giáo chủ con muốn hiến thân phục vụ ái tình cho ngài" (Vol 3. No 505A). Đàn bà đem khoái lạc cho đàn ông như thế đấy, vậy mà đàn ông bạc tình, khi giáo chủ phán:

"Tôi được chỉ cho thấy ở dưới hỏa ngục phần đông là đàn bà"

(Vol 1 No 28, 301 và Vol 2 No 161)

"Ôi đàn bà thiếu thông minh và kém lòng tin"

(Vol 2 No 541)

"Vì thế đàn bà không thể làm chứng ở tòa án, lý do đàn bà thiếu trí khôn. Nếu có làm chứng thì phải 2 đàn bà mới bằng 1 đàn ông! Hưởng gia tài cũng thế, chỉ được một phần nửa của đàn ông" (Vol 3 No 826) và kinh Cô-răng truyền:

"Đàn ông quản lý đàn bà..."

Nếu sợ họ làm loạn thì dạy bảo họ, trục xuất họ khỏi vị trí và đánh họ"

(Su-ra 4:34)

Chết rồi cũng không xong vẫn làm đồ chơi cho nam giới, nhất là với các đấng tử vì đạo. Vì thế trong Hồi giáo có lắm thánh chiến (Jihad) thanh niên cứ việc chết, muốn chết lên thiên đàng đã có sẵn các cô gái trẻ đẹp phục vụ: "Lời của A-la là các cô trẻ đẹp bị giữ trong những dãy nhà ở thiên đình. Đấng tiên tri của A-la nói: "Trên thiên đường có dãy nhà phòng bằng ngọc rộng 60 dặm, mỗi góc có những cô vợ mà người góc này không nhìn thấy góc kia. Tín đồ viếng thăm họ và ái ân với họ".

Đấy nhé, chị em phụ nữ sướng thật! Mau theo đạo Hồi nhận Mô-ha-mét làm giáo chủ của mình!

Mô-ha-mét làm tiên tri

Khoảng 40 tuổi Mô-ha-mét có những biểu hiện làm Tiên tri sau mỗi cơn xuất thần. Lúc đầu ông lo sợ bảo rằng mình bị quỷ ám và toan tự tử. Sau nhờ người Thiên Chúa giáo bà con bên vợ bảo rằng đó là Chúa ám ông hãy làm tiên tri như các tiên tri trong sách Cựu Ước. Mỗi cơn xuất thần của Mô-ha-mét:

1. Nghe như tiếng chuông reng (Vol 1 No 1, Vol 4 No 438).
2. Tim đập liên hồi (Vol 1 No 3)
3. Mặt phát đỏ (Vol 2, chap 16, p354, Vol 5 No 618, Vol 6 No 508)
4. Thở nặng nhọc (Vol 6 No 508)
5. Ngã sấp mặt xuống đất (Vol 2 chap 16, p354...)
- Ngã xuống bất tỉnh, hai mắt mở thao láo nhìn trời (Vol 6 No 448)
6. Kêu phũ phèn kín (Vol 1 No 3...)
7. Hai môi run rẩy (Vol 1 No 4)
- 8 Nghe và thấy những gì mà người khác không nghe không thấy (Vol 1 No 2, 3...)
9. Toát mồ hôi hột (Vol 1 No 2...)
10. Thở hắt hơi như con lạc đà ngáp (Vol 2 chap 16 p.354...)
11. Đôi khi mơ mộng (Vol 1 No 3...)

Sau khi tỉnh lại, Mô-ha-mét đọc các Thánh thi cho đệ tử ghi chép. Ngày sau các học giả Tây phương nghiên cứu chứng bệnh của ông báo rằng ông bị động kinh hoặc một rối loạn ở não bộ. Nhưng tín đồ Hồi giáo tin ông bị Chúa A-la ồp để thực hiện sứ mạng tiên tri cuối cùng hay là đáng An ủi (The Comfort) theo Tân Ước. Các Thánh thư sưu tập lại thành kinh Cô-răng. Các truyền kỳ về ông gọi là sách Hadith.

Nếu những tư tưởng của ông là thiên khai - thực ra nó sao chép văn hóa Ả-rập, cóp nhặt từ các tôn giáo khác - thì nhân loại có phần nhờ. Nếu chỉ là hoang tưởng của một chứng bệnh thuộc não bộ thì nhân loại ăn một quả lừa lớn. Ngay lúc này đây có 1 tỷ 8 con người nhận ông làm giáo chủ, nhiều kẻ đổ máu vì ông. Vì vậy tham vọng của tác giả chỉ muốn nhặt những hòn sỏi trong các tôn giáo một cách trung thực theo như kinh sách của họ, sự sáng suốt tùy bạn đọc. Thà chúng ta nắn cái giống của nam và nữ mà thờ như trong Ấn giáo lại có lý, ít ra nó cũng tượng trưng cho cái sung sướng nhất của con người!

Nói đâu xa, ngay chúng ta đây cũng có: ở vùng nọ có một gã được đời tôn, phong là giáo chủ, cha mẹ gã gọi là đức ông, đức bà. Gã học chưa hết tiểu học, nghĩa là kiến thức thua xa chúng ta, nhất là thời đại tin học này, thế mà rất nhiều trí thức theo phò gã. Gã bị mắc bệnh "đàng dưới", bệnh di tinh, lại mắc bệnh "đàng trên", đã có lần bị Tây bắt nhốt vào nhà thương điên (Chợ Quán). Gã nói năng nói cuội, làm được mấy bài thơ con cóc cho các tín đồ ngâm nga. Căn bản triết học và thần học không có, gã chỉ có tu, có màu sắc văn hóa chính trị, nên Việt Minh cho gã đi mò tôm, nay chắc đã mục xương. Ấy thế mà tín đồ mê gã lắm bảo rằng đức thầy ở đâu đó sẽ về nên không giám đốt nhang bàn thờ gã! Đấy dân ta mà còn cả tin, ấu trĩ ngay giữa thời đại người ta lên được mặt trăng, rồi đây sao Kim, sao Hỏa, thì nói chi đến người ở giữa sa mạc cách ta hàng chục thế kỷ.

Bạn đọc thân mến,

Tôi không bôi bác ai, mà chỉ muốn nói sự thật. Chính sự thật giải phóng chúng ta, vì thế ta phải nói thật. Tin hay không tin là quyền bạn.

Mô-ha-mét và Chúa Jesus

Mô-ha-mét không chống Chúa Jesus, mà chỉ tin Chúa Jesus là một tiên tri như Mô-ha-mét, nhỏ hơn Mô-ha-mét, dọn đường cho Mô-ha-mét nghĩa là làm đấng tiên hô như Gio-an Tẩy giả làm tiên hô cho Jesus. Vì thế sách Cô-răng đã viết về Jesus trong các su-ra 4:157, su-ra 5:19, 75 và su-ra 9:30... với các chủ đề:

Jesus không phải là Con của Thiên Chúa (not the Son of God)

Jesus không chết để cứu chuộc

Jesus không bị đóng đinh

Jesus không có thần tính cũng như nhân tính

Jesus không phải là Đấng Cứu thế

Ngũ không ấy làm nên học lý của Mô-ha-mét về Jesus. Sự thật thì cũng chẳng phải của Mô-ha-mét vì trước đó các phái Thiên Chúa giáo đã ăn thua với nhau về Chúa Jesus. Có phái nhận Chúa Jesus là thần, có phái không, có phái trung dung

như phái Natorius nhận Chúa Jesus chỉ có Nhất Tính. Phái nhận Chúa Jesus là thần có lưỡng tính như thánh Flavian bị đánh cho chết ở công đồng Ephese năm 449. Phái Arius phủ nhận hết, Jesus chỉ là người. Vậy học lý của Mô-ha-mét về Chúa Jesus na ná như học lý của của Arius trước đó. Giáo dân xứ Syria lúc đó theo phái Nhất Tính của Nestorius đón Hồi giáo ra khỏi bán đảo Ả-rập, cầu cứu Ả-rập vì sự đàn áp của Bizantin. Sự thật, khi bảo tiêu hàng hóa tới Syria, Mô-ha-mét đã học đạo với phái Nestorius, nay Mô-ha-mét chủ trương bỏ hết để mình nhất thiên hạ và qua sông rồi thì rút cầu nên bảo rằng mình là Tiên tri lớn nhất, sau Mô-ha-mét không còn tiên tri nào.

Sách Hồi giáo gọi Chúa Jesus là Nabi Isa nghĩa là tiên tri Jesus, ví dụ đoạn sau đây trích từ sách Cô-răng:

"Khi các thiên thần nói: này Mary, chính vậy Allah gửi cho bà lời tốt đẹp (Nghĩa là Jesus con trai của bà Mary), từ nơi Ngài và tên Ngài là ngôn sứ Jesus, con trai của Mary. Ngài là vinh hạnh cho thế giới và Ngài là một tiên tri cạnh Allah.

Ngài sẽ rao giảng sự công chính cho dân. Bà mary nói: "Ôi, lạy Chúa tôi, việc đó xảy ra sao được vì tôi đâu biết đến người nam". Thiên thần đáp Allah muốn thì có gì mà không được, Ngài chỉ phán một lời là có ngay".

Đoạn văn trên trích từ sách Cô-răng su-ra 3:45-47. Bản in của nhà Saadawi Virginia, Hoa kỳ, copyright 1993. Tác giả thiên học nên dịch có hơi lủng củng. Nhưng mà đoạn văn đó nghe cứ như Phúc Âm thánh Lu-ca 1:26-38 thừa nhận là Maria thụ thai Chúa Jesus còn đồng trinh, nhưng Jesus chỉ là người như chúng ta, hơn ta một tí vì là ngôn sứ của A-la.

Điều nghịch lý rõ rệt: Nếu Jesus như ta, bà Maria cần gì phải thụ thai mà còn trinh, cứ theo luật tự nhiên nam nữ giao cấu thì thụ thai. Đẳng này Jesus là thần nên sự ra đời phải là một biệt lệ khác người: Mẹ ngài còn đồng trinh.

Theo sách Cô-răng, Jesus là người như chúng ta, không có thần tính. Vấn đề ở chỗ sách đó có xuyên tạc không, vì năm thế kỷ sau Chúa Jesus ra đời, Mô-ha-mét mới ra đời làm sao Mô-ha-mét thấy được Chúa Jesus hay là chỉ nghe người khác thuật lại rồi bê câu truyện vào sách Cô-răng, bảo là thiên khai. Chúng ta nghi ngờ sự thiên khai này. Thủ đoạn cạnh tranh tôn giáo mới là quy luật. Không bỏ cái cũ nhưng đưa ra cái gì mới lạ để quyến rũ con người. Đây là cái mới mà cũ: Chúa Jesus chỉ là người, học lý của Arius đây. Giữa lúc các phái Thiên Chúa giáo đấu với

nhau, ta bỏ quách đôi tượng tranh chấp, bên nào cũng thuộc về ta thế là ta có dân. Quả thật đế quốc Hồi giáo lan rộng cho đến thế kỷ XII, giành hết đất vốn là đất của Thiên Chúa giáo, lưỡi gươm Hồi giáo thần kỳ thật!

Hồi giáo phủ nhận ơn cứu chuộc vì Jesus chỉ là người thì cứu chuộc được ai. Câu thánh Kinh: "Vào giờ thứ chín Jesus kêu cả tiếng: "Eli! Eli! Lamasabachthani: lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, sao Chúa bỏ tôi!" (Mat-thêu 27:46, trích từ sách Cô-răng p1031)". Người Thiên chúa giáo hãnh diện vì câu này diễn tả được thân phận kiếp người lúc gần chết. Chúa đồng cam cộng khổ với kiếp người đồng thời Ngài cũng là Chúa vì hoài thai không qua nam nhi. Người Hồi giáo thì bảo câu đó chửi vào mặt A-la vì A-la không bao giờ bỏ Jesus. Kẻ bị đóng đinh là giả mạo hay chỉ là một con ma.

Đó là suy đoán chủ quan theo ý đồ của Mô-ha-mét cũng như ông đã hiểu nếu Jesus là Chúa chẳng hóa ra bà Maria giao cấu với Chúa Cha (A-la) đẻ ra Chúa Con (Jesus). Trí óc non nớt hay cáo già của Mô-ha-mét chỉ hiểu có vậy qua các việc vật chất thực tế. Vì thế, chẳng có chi là siêu nhiên, là thần thánh trong Hồi giáo. Tín điều Ba Ngôi và Ngôi thứ Hai (Jesus) cứu chuộc không được thừa nhận trong Hồi giáo là điều dễ hiểu và Hồi giáo trở thành thừa thãi vì nó y như Do Thái giáo đã có trước đó.

Mô-ha-mét đáng An ủi

Các nhà thần học Hồi giáo trung dẫn Thánh Kinh Tân Ước và bảo rằng đó là lời ứng vào Mô-ha-mét, báo trước sự ra đời của ông:

1. *"Nếu anh em yêu mến thầy, anh em sẽ giữ các điều răn của thầy, thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em đấng bảo trợ khác đến ở với anh em luôn mãi" (Gio-an 14:15,16).*

Đấng bảo trợ khác đây là Mô-ha-mét. Nhưng Mô-ha-mét không ở mãi cùng chúng ta: Mô-ha-mét đã chết!

Còn điều này nữa là trích dẫn Thánh Kinh không đủ: *"Đó là Thần khí sự thật Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian không thấy và chẳng biết Người, còn anh em biết Người và Người ở trong anh em" (Gioan 14:7).*

Đấng bảo trợ là Thần Khí mà thế gian không thể biết Người, Còn Mô-ha-mét thì thế gian biết có ông, ông đã từng sống ở bán đảo Ả-rập trong một khoảng thời gian từ năm 569 đến năm 632 dương lịch, có nhiều vợ, đã từng đánh cướp các đoàn thương hồ đi qua bán đảo này.

2. "*Khi đấng Bảo trợ đến, đấng mà thầy sẽ sai đến cùng anh em từ nơi Chúa Cha, Người là Thần Khí sự thật phát xuất từ Chúa Cha, Người sẽ làm chứng về thầy, cả anh em nữa, anh em cũng làm chứng, vì anh em ở với thầy ngay từ đầu*" (Gio an 15:26, 27).

Câu thánh kinh bảo rằng đấng Bảo trợ chỉ là Thần Khí phát xuất từ nơi Chúa Cha. Còn Mô-ha-mét có cha mẹ: Cha ông là Abdallah giao cầu với mẹ ông là Amina đẻ ra ông. Mô-ha-mét có làm chứng về Chúa Jesus thật, nhưng là chứng không thấy vì Mô-ha-mét sinh sau Chúa Jesus đến 5 thế kỷ, chỉ nghe người ta nói lại. Vì thế chứng ấy hàm hồ không đáng tin.

3. "*Bây giờ thầy đến cùng Đấng đã sai thầy, và không ai trong anh em hỏi: "Thầy đi đâu? Nhưng vì thầy nói ra các điều ấy, nên lòng anh em tràn ngập ưu phiền. Song thầy nói thật với anh em. Thầy ra đi thì có lợi cho anh em. Thật vậy, nếu Thầy không ra đi, đấng Bảo trợ không đến với anh em; nhưng nếu thầy ra đi, Thầy sẽ sai Đấng ấy đến với anh em. Khi Người đến, Người sẽ chứng minh thế gian sai lầm về tội lỗi, về sự công chính và về sự xét xử"* (Gio-an 16:5-8).

Mô-ha-mét sinh sau Chúa Jesus gần 5 thế kỷ. Năm thế kỷ không có Mô-ha-mét thì thế giới đã ra sao? Không thế giới vẫn bình thường. Toàn bộ sách Cô-răng là lời dạy của Mô-ha-mét về Chúa Toàn Năng, Chúa Duy Nhất thì sách kinh Cựu Ước, kinh Talmud của Do Thái đã dạy rồi, không có gì mới lạ cần lập lại. Sách Cô-răng bằng thừa! Duy chỉ có phong tục tập quán Ả Rập cộng với thần thoại phịa ra từ các nền văn hóa lân cận, ví dụ sự lễ bái, chay lòng, cấm ăn thịt heo, đang làm lễ Chúa A-la mà nhớ sì rắm ra... là tội thì xin lỗi chẳng có gì đáng gọi là sự công chính và việc xét xử!

"*Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em nhưng bây giờ không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến. Người sẽ dẫn anh em tới sự toàn vẹn. Người sẽ không tự mình nói điều gì, nhưng tất cả những gì Người nghe, Người sẽ nói lại và loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến*" (Gio-an 16:12-14).

Bốn câu Thánh Kinh trên trích từ sách Theo sách Cô-răng bảo rằng ám chỉ Mô-ha-mét trang 1032-1033, bản in Saadawi, Virginia, Hoa Kỳ, Copyright 1993. Nay xin có mấy vấn đề nhận xét chung :

1. Mô-ha-mét và các đồ đệ cho Thánh Kinh Tân Ước là không đáng tin vì bị ngụy tạo nhiều (Corrupt) không lẽ những đoạn tiên báo về Mô-ha-mét không bị ngụy tạo?

2. Chúa Jesus bảo các tông đồ đồng thời với Chúa là hãy đợi để Chúa xin Chúa Cha ban đấng An ủi, đấng Bảo trợ, không lẽ đợi 5 thế kỷ, các vị chết đã mục xương rồi! Chúa bảo các ông đợi lúc còn tại thế, chứ nếu các ông chết rồi thì còn đợi ai? Ý nghĩa phù hợp với sách Công vụ (Tôi không coi là Thánh Kinh). Chúa bảo các Tông đồ: "Anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thần Khí, Người ngự xuống trên anh em. Bấy giờ, anh em sẽ là chứng nhân của Thầy tại Jerusalem, trong khắp các miền Ju-đê, Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất" (Cv 1:9).

Ai cũng rõ đấng An ủi không phải là Mô-ha-mét, không phải yêu hay ghét ông mà nói như thế. Vấn đề có tính cách lô-gic, theo đúng lý trí con người. Chẳng qua các nhà thần học Hồi giáo viện dẫn kinh Tân Ước tùy tiện, đem "râu ông nọ cắm cằm bà kia" để làm căn bản cho Mô-ha-mét.

Đấng An ủi là người khác kia, chứ con người ưa bạo động, trái ý là chém giết thì an ủi được ai: "Hãy đánh và tàn sát kẻ không tin, gặp chúng ở đâu thì bắt lấy..." (Sura 9:5).

"Hình phạt cho chúng là... tử hình, đóng đinh vào thập giá, cắt một chân, chặt một tay, đày đi nơi xa..."(Sura 5:33)...

Nghe ghê bỏ mẹ. Thói tục Ả-rập ngày xưa ưa chém giết, thô phỉ. Kìa xem phụ nữ Hồi giáo Taliban xứ Afghanistan không được đi học, không được đi làm, trùm khăn kín mít như thầy ma, thấy mà sợ. Phụ nữ Hồi giáo nhiều nước Phi Châu chịu cắt bì lấy hết đi bộ phận sinh dục ngoài. Chị em không được sướng khi làm tình, chỉ có chức năng đẻ! Việc bắt cóc con tin đòi ưu sách, việc cho nổ bom thịt để cùng chết với nhiều người vô can. Chắc chắn những việc này không an ủi được ai.

Mô-ha-mét làm phép lạ?

Trong chuyến viếng thăm Jerusalem lần trước, tôi đến thăm ngôi đền Hồi giáo nằm trên địa điểm đền thờ Do Thái cũ do vua Solomon xây để kính chúa Jehovah. Theo truyền thuyết Hồi giáo, Ma-hô-mét đã lên trời từ chỗ này trên một hòn đá. Nay người ta vây kín chỗ ấy xem như nơi cực thánh chỉ để hờ một lỗ đút lọt nắm tay cho tín đồ sờ hòn đá để làm lễ khi đi hành hương. Chỗ ấy người ta đổ nước hoa thơm phức, một bà tín đồ Thiên Chúa giáo chẳng hiểu ắt giáp phát ngôn: "Chắc Chúa làm phép lạ!".

Vâng, cả sách Cô-răng không có phép lạ và Mô-ha-mét cũng chỉ dám xưng mình là người bình thường không biết làm phép lạ. Tín đồ Hồi giáo hậm hực vì tiên tri Mô-ha-mét lớn nhất mà thua Nabi Isa (tiên tri Jesus)... Thế là tín đồ chế ra phép lạ rồi gán cho Mô-ha-mét. Ta không nên trách vì quần chúng u mê, thấy mà chẳng thấy. Sau đây là những phép lạ Mô-ha-mét làm theo sách Hadith:

1. Cây cọ biết kêu:

Cây cọ biết kêu như trẻ con khóc lúc Mô-ha-mét giảng đạo đứng lên thân cây cọ. Mô-ha-mét bước khỏi cây cọ, nó thôi khóc (Vol 2 No 41...)

2. Hóa nước ra nhiều:

Mô-ha-mét bảo đưa lại một cái bát, ông cho nước chảy từ ngón tay xuống cái bát, mọi người uống no đủ. Có đoạn sách Hadith nói 70 người, 80 người, 1500 người... (Vol 1 Nos 170,194...)

3. Hoá bánh ra nhiều:

Giống Chúa Jesus, Mô-ha-mét làm ra nhiều bánh để nuôi dân (Vol 4 Nos 778, 781).

4. Đồ ăn biết nói:

Đồ ăn biết nói để ca tụng A-la và Mô-ha-mét (Vol 4 N 779)

5. Đất mưa thây ma:

Tín đồ Hồi giáo bỏ đạo theo Thiên Chúa giáo, lúc chết đất mưa thây ma, không nhận sự chôn táng (Vol 4 No 814).

6. Mổ bụng rửa ruột:

Thiên thần Gabriel mổ bụng Mô-ha-mét lấy nước suối Zamzam rửa ruột ông, làm cho lớn khôn sáng láng (Vol 1 No 350).

7. Đêm tốc hành:

Trong một đêm Mô-ha-mét vượt sa mạc đến Jerusalem rồi dạo chơi bảy tầng trời nói chuyện với Mai-sen, Abraham, Jesus...(Vol 1 Nos 211, 345)

8. Làm mưa:

Hạn hán kéo dài, Mô-ha-mét cầu nguyện với A-la, trời mưa ngay (Vol 2 No 55).

9. Làm hạn:

Bộ lạc Mudar không chấp nhận Mô-ha-mét. Ông nguyện rửa dân chúng bị hạn hán, đói kém tàn phá trong 7 năm liền. Mới có một năm dân đã phải ăn xác thú vật thối (Vol 2 Nos 120, 121).

10. Nhổ bọt chữa bệnh:

Mô-ha-mét chữa người đau mắt bằng cách nhổ nước miếng vào mắt người ấy. Bệnh hết ngay (Vol 4 No 192)... và còn nhiều nữa, tùy theo óc tưởng tượng và sự cuồng nhiệt của tín đồ.

Ma-hô-mét và quy tắc xử thế

1. Tính tình của giáo chủ

Con người ai cũng có hỷ, nộ, ái, ố, dục bao lâu còn sống trên cõi đời. Đó là lẽ bình thường. Nó chỉ bất thường khi nào có quá nhiều. Sách Hadith cho ta biết con người của Ma-hô-mét:

a) Tính khí dễ nổi nóng, cuồng nhiệt

"Khi giáo chủ ban lời nói ngài dễ nổi nóng (Vol 1 No 90)"

"Khi giáo chủ giận má ngài hồng (Vol 1 No 91)"

b) Không thích bị hỏi lý sự:

"A-la ghét anh vì anh lý sự quá (Vol 2 No 555)...."

"Không thích bị hỏi lý sự, giáo chủ nổi nóng (Vol 1 No 92)"

"Giáo chủ giận khi người ta hỏi câu ngài không thích (Vol 1 No 30)"

c) Không thích đùa cợt:

Giáo chủ không thích đem lý lẽ của ngài ra chế diễu. Đó là điều không được phê bình mà chỉ có tiếp thu, chấp nhận. Sách Hadith Vol 2 No 173 thuật rằng có một lão già thấy trán của giáo chủ và tin đồ bị lấm do cầu nguyện sấp mặt dưới đất. Lão liền đùa cợt lấy đất bôi lên trán mình và nói dễ quá ý nói cầu nguyện dễ chỉ việc lấy đất quét lên trán. Lão già chết không kịp ngáp vì đùa cợt Giáo chủ.

d) Cay nghiệt và thù hận:

Sách Hadith Vol 3 No 72 kể chuyện Mô-ha-mét dậy rằng ai vào điện Kabah không bị giết. Khi Mô-ha-mét vào Mecca thấy Iba Khakal (Tác giả chắc là đối thủ của Mô-ha-mét) ở trong điện Kabah để tỵ nạn. Ông ra lệnh lôi Khatal ra ngoài hạ thủ.

Sách Hadith Vol 3 No 687 thuật rằng Mô-ha-mét hỏi thủ hạ: "Ai giết được Al-ashraf". Hẳn xúc phạm đến tiên tri? Maslama đi xung phong đi giết người theo lệnh tiên tri.

2. Xử thế của giáo chủ

Có những quy tắc chẳng sách vở nào dạy, con người lớn lên khắc biết ta gọi là những quy tắc ứng xử của giống người. Ví dụ trong phòng the, trai gái âu yếm nhau như thế nào. Vậy có ai dạy khi leo cây thế mà khi nào cũng biết leo cây! Chón công cộng ta phải biết cưỡng chế các nhu cầu tự nhiên. Giáo chủ ứng xử ra sao, sách Hadith nói hết:

a) Vợ chồng sinh con giống cha hay giống mẹ:

Mô-ha-mét dậy thiên thần Gabriel chỉ cho Ngài rằng khi vợ chồng giao hợp, nếu bên nam 'sọc-tì' trước thì đứa trẻ giống cha. Nếu bên nữ 'sọc-tì' trước đứa con giống mẹ (Vol 4 No 546).

b) Trong Hồi giáo vấy phân, nước tiểu vào người là phạm tội trọng sa địa ngục!

Tội trọng khi người ta để phân hay nước tiểu dính vào người. Một lần giáo chủ đi ngang qua nghĩa địa ở Medina hay Macca, nghe tiếng người bị hành tội trong mộ, giáo chủ dậy: Chính là tiếng kêu của tội nhân để nước tiểu sũng trong người (Vol 1 chap 57 No 215).

Đấy nhé nếu bạn bị mắc chứng đái dầm hay ỉa đùn, bạn bị đẩy xuống hỏa ngục chớ có trách. Lý do ta hiểu người theo đạo Hồi vào phòng vệ sinh rửa dít mỗi khi đi cầu.

Nhưng ta cũng ngạc nhiên khi giáo chủ dậy:

"Con vào đàn lạc đà uống sữa và nước tiểu của nó để chữa bệnh" (Vol 1 No 234).

Té ra nước tiểu của người thì sa địa ngục, còn nước tiểu của con vật thì vô can uống được!

c) Quy tắc đi cầu đi tiểu:

Ta không được quay mặt về hướng Mecca để đi cầu, đi tiểu (Vol 1 Nos 146, 147, 150....)

Ta không được dùng tay phải để chùi dít (Vol 1 Nos 155, 156)

d) Quy tắc vệ sinh:

Khi vào phòng tắm, được kỳ cọ bộ phận sinh dục và nơi kín (Vol 1 Nos 152, 153, 154, 157)

e) Quy tắc cầu nguyện:

Khi cầu nguyện, lỡ đánh rắm (hadath) là trọng tội, vì A-la không chịu được mùi thối của con người (Vol 1 No 628, Vol 9 No 86)

Trước khi cầu nguyện, không được ăn hành tỏi vì A-la không chấp nhận lời cầu của kẻ hôi miệng (Vol 1 No 812... Vol 7 No 362...)

Ô là là! Giáo chủ man mọi

Tôi không có ý làm nhục giáo chủ một con người không được học hành, sinh ra ở đất nước lạc hậu tất nhiên phải 'răng đen mã tấu'. Đây ví như quy tắc chính trị, các anh chỉ có mảnh bằng rừng rú, giỏi đánh đấm rồi nhờ phe đảng lên ngôi. Phục thì bảo phục nhưng trong lòng bảo đừng phục. Phục sao được anh chỉ là anh bẻ ghi, phu đồn điền, thợ quét vôi... cầm đầu cả trăm cả ngàn thẳng trí thức. Đau thật, nhưng đó là quy luật, giáo chủ cũng thuộc quy luật này: "hỗ phụ sinh hỗ tử, chó sinh chó".

1. Vàng trắng ngài xẻ là đôi:

Dân Mecca đòi giáo chủ phải làm phép lạ, giáo chủ bảo đưa thanh kiếm ra, ngài liền chém mặt trăng thành 2 mảnh (Vol 4 Nos 830..., Vol 5 No 208..., Vol 6 No 87...).

Giáo chủ và dân Mecca nghĩ vàng trắng là quả bưởi nên mới làm như thế. Nếu họ nghĩ vàng trắng là một hành tinh nhỏ hơn trái đất thì thanh kiếm phải to cỡ nào và thân giáo chủ phải to cỡ nào để cầm thanh kiếm ấy!

2. Adam vĩ đại:

Giáo chủ dạy Chúa tạo ra Adam cao 60 quýt (Vol 4 No 543)

Adam cao bằng căn nhà ba tầng, tin hay phịa tùy bạn!

3. Con ruồi sa vào tách nước (Vol 4 No 537)

Bạn cứ uống, vì nó có một cánh sạch, một cánh bẩn, giống như bạn có 2 tay, không được dùng tay phải để rửa dĩa. Sạch bẩn tương tiêu đừng lo!

4. Các chú cầu tuyết chúng:

Thiên thần sẽ không vào nhà nào nuôi chó, và đức Tiên tri ra lệnh giết hết chó (Vol 4 No 540)

Cái này thì dân Âu Mỹ chắc chê vì chó là bạn thân của người. Ý hợp dân ta, cầu sức nhưng cầu bị tuyết chúng thì lấy đâu ra cầu mà sức!

5. Hỏa tiễn bắn quỷ (Vol 4 chap 3 p.282)

A-la tạo ra các ngôi sao như những hỏa tiễn bắn vào các con quỷ!

6. Thiên thần Gabriel có 600 cánh (Vol 6 No 380)

7. Ma-hô-mét sắc nước vì quỷ sa-tan đậu ở cánh mũi (Vol 4 No 516)

8. Sốt vì lửa hỏa ngục, vậy phải lấy nước làm lạnh (Vol 4 Nos 483, 486)

9. Uống nước tắm chữa bệnh (Vol 1 Nos 187, 188)

Cái này phải bà Thanh Hải!

10. Nhổ vào tay làm phép (Vol 3 No 891)

Giáo chủ nhổ đờm rãi vào tay tín đồ, tín đồ bôi lên mặt để lấy phước.

Cái này phải hỏi ông Bồ Tùng Linh bên Tàu có câu chuyện na ná (Tiếc quá ông chết rồi...). Còn nữa, đọc lên làm khổ tai bạn vì bạn bắt chước Hứa Do bên Tàu đi rửa tai thì chết. Có người nhân đức như học giả Will Durant trong cuốn Arabic civilization bảo Mô-ha-mét phải làm bộ nói thể để dân tin chứ ngài đâu đến nỗi "ngây thơ cụ", tôi không tin vì ngài cũng man rí như dân của ngài thừa xa xưa ở đất khỉ ho cò gáy ấy.

A-la là đấng nào?

Allah (A-la) là một nhân vật tưởng tượng như Chúa, Thượng Đế, Lý Thái Cực... trong các tôn giáo. Tùy theo đức tin, các nhân vật ấy chưa từng xuất hiện trên hành tinh chúng ta nên không có lịch sử.

Theo tín ngưỡng cổ, A-la là thần Mặt Trăng (The Moon God). Khoa khảo cổ chứng minh rằng, miền Trung Đông kéo dài từ sông Nile bên Ai-cập lên tới bắc là Thổ-Nhĩ-Kỳ, nam trung là Mesopotamia, nam là bán đảo Ả-rập, tây là Sumer tức Iran và Ấn Độ ngày nay thờ một tín ngưỡng chung là thần Mặt Trăng dưới nhiều cái tên Nanna, Suen, Asimbabbar, phổ biến nhất là tên Sin. Bán đảo Ả-rập là A-la thần Mặt Trăng tượng trưng trăng lưỡi liềm. Thần Mặt Trăng thờ trong điện Kabah cùng với 360 vị thần khác. Đến đời Mô-ha-mét chỉ còn thờ một thần A-la. Như vậy A-la ra đời từ đa thần giáo.

Thật vậy, thần Mặt Trăng là thần lớn nhất thờ ở xứ nóng thuộc xích đạo trong khi thần Mặt Trời thờ ở xứ ôn đới. Đây là cái dạng tín ngưỡng thờ tinh tú của người xưa. Mặt trăng tượng trưng cho sự nghỉ ngơi, sung sướng, sự sống... của xứ nhiệt đới. Người Ả-rập cảm thấy hạnh phúc khi trăng lên ở sa mạc, rất hùng vĩ, soi tỏa trên bờ cát nên không xa lạ gì họ tôn xưng thần Mặt Trăng là thần lớn nhất cũng như xứ ôn đới quanh năm mây mù, người ta tôn xưng Mặt Trời là thần lớn nhất, là vua vũ trụ tỏa ánh hào quang làm sống lại muôn vật.

Điện Kabah trước thời Mô-ha-mét thờ đủ các vị thần, thánh tượng là viên đá đen, một vân thạch rơi xuống từ trời có thần Mặt Trăng là thần lớn nhất. Mô-ha-mét giữ lại và chỉ tôn thờ A-la thôi tức thần Mặt Trăng cùng với viên đá đen từ trời. Viên đá đen vì chinh chiến đã bị vỡ thành nhiều mảnh, hiện còn một mảnh ở điện Kabah, người Hồi xem là nơi cực thánh mỗi ngày phải hướng về điện Kabah cầu nguyện với A-la năm lần. Vì thế người ta gọi đạo Hồi thờ nhất thần giáo như đạo Do Thái chỉ thờ một chúa Giê-hô-va. Đến nay người ta đánh đồng Chúa A-la và Chúa Giê-hô-va là một. Công này nhờ người Thiên Chúa giáo: Giáo dân xứ Syria theo phái Nhất Tính của Nestorius, phái Lương Tính của Bizantin đem quân sang đàn áp. Phái Nhất Tính liền cầu cứu với quân Hồi đang ở bán đảo Ả-rập. Vị Ca-lip liền đem quân cứu Syria và tung vãi đạo Hồi ra ngoài Ả-rập. Chính người Syria đã truyền học thuật Hy-La cho người Ả-rập lúc đó còn man mọt. Người Hồi đã nghiên cứu thấu đáo văn minh Hy-La, có những triết gia kiệt xuất Avicenna, Averroes... mà cả Âu Châu phải bắt chước. Người Hồi chiếm Tây Ban Nha từ đây họ viện trợ

lại văn minh Hy-La cho thế giới Thiên Chúa! Triết gia Averroes ảnh hưởng tới thánh Albert đang dạy học ở Đức, thánh Thomas Aquinas (1225 - 1274) là học trò của thánh Albert. Các ngài bèn theo gương Hồi giáo "rửa tội" cho triết học Hy-lạp. Thực ra bắt chước người Hồi cả nền triết học kinh viện. Về văn hóa thánh Đa-minh (1170 - 1221) ở nước Tây Ban Nha thuộc Hồi di cư sang miền nam nước Pháp bắt chước chuối tràng hạt của người Hồi. Người Hồi du nhập phái Mimamsa Ấn Độ chuyên môn tụng niệm lần hạt. Con đường vòng này chỉ có đọc sách nhiều mới thấy. Giáo hội không bao giờ nói ra!

Thần A-la khởi đầu là thần Mặt Trăng của nhân loại u mê, bỗng chốc lên ngôi Thượng Đế do công trình của các nhà thần học sao chép từ Aristotle thuộc triết học Hy-lạp. Dấu tích của thần Mặt Trăng còn in đậm trong Hồi giáo: Nóc giáo đường có gắn trăng lưỡi liềm, hội Lưỡi Đỏ thay cho hội Chữ Thập Đỏ. Bao giờ nhân loại hết u mê?

The Satanic verses

Mô-ha-mét bị ộp theo cách của các con đồng. Ông lên kinh phong, rất sợ hãi, đã có lần toan tự tử vì nghĩ rằng mình bị quỷ ám. Sau một người bà con của bà Khadija tên là Warakah ibn Nawfal theo Thiên Chúa giáo bảo ông đó là Chúa ám khuyên ông nên lập tôn giáo mới. Thấy nhất thần giáo của Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo có nhiều điểm rất thần phục. Mô-ha-mét liền hạ bệ các ngẫu tượng trong điện Kabah, chỉ để lại một thần A-la. Điều này làm phật lòng các người trong bộ lạc của ông, các người thân của ông vốn theo đa thần giáo thờ nhiều thần trong điện Kabah. Áp lực bắt ông phải quay về với đa thần giáo thờ thêm ba người con gái của A-la là Al-Lat, Al-Uzza và Manat vốn cũng được thờ trong điện Kabah. Theo huyền thoại thì thần Mặt Trăng A-la giao cấu với thần Mặt Trời đẻ ra ba người con gái này. Các người theo nhất thần giáo thấy ông như vậy họ liền xa lánh ông. Ông liền xám hối chỉ thờ một A-la và bảo rằng mình bị sa ngã vì quỷ ám. Từ đó Hồi giáo được coi là nhất thần giáo, dù Giáo chủ đã có thời nghiêng ngả. Điều này kỳ nói ra trong thế giới Hồi giáo vì thế ông Salman Rushdie bị các kẻ lãnh đạo Hồi giáo lên án tử hình (Sura 53:19, Sura 46:29-35, Sura 72:1-28).

Kinh Cô-răng

Sách Cô-răng của người Hồi được ví như Thánh Kinh của người Thiên Chúa giáo. Mô-ha-mét không viết gì vì ông không biết chữ chỉ đọc cho các tín đồ ghi nhớ dưới dạng truyền khẩu. Mô-ha-mét chết rồi, các tín đồ đồng thời với ông cũng đã chết hết. Khoảng năm 632 sau Tây lịch, vị Ca-lip đầu tiên sau Mô-ha-mét, Abu Berk là cha của nàng Aisha, vợ góa của Mô-ha-mét ra lệnh cho Zai ibn Thabit là thư ký của Mô-ha-mét còn sống sưu tầm các lời dạy của giáo chủ. Các lời dạy tản mạn khắp nơi, ghi ký trên lá kè, xương, đá và trong lòng người. Sau vài lần san định thành kinh Cô-răng ngày nay. Sự khác biệt giữa kinh Talmud của Do Thái giáo hay Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo là kinh Hồi giáo do Chúa A-la viết. Các kinh của hai tôn giáo độc thần trước chỉ nhận là do người viết dưới sự hướng dẫn của Chúa. Kinh Hồi giáo do Chúa A-la là tác giả, giao tận tay cho Mô-ha-mét ở trên trời. Kinh được viết trên cái bàn bằng đá rồi A-la, hay A-la dưới lót người, Thiên thần Gabriel giao cho Mô-ha-mét, dĩ nhiên chỉ có Mô-ha-mét biết. Kinh viết bằng tiếng Ả-rập, không sai, không khác một dấu phẩy vì thế kinh ấy theo lệnh của Mô-ha-mét không được dịch ra tiếng khác, tín đồ Hồi giáo tin như vậy và đọc kinh bằng tiếng Ả-rập.

Dưới ánh sáng của lý trí và khoa học, ta biết đó là lời của ông Mô-ha-mét chứ chẳng có chúa nào. Phân tích nguồn gốc của sách Cô-răng ta thấy nó hiện nguyên hình kinh Talmud của Do Thái cộng với tà thần và văn hóa của Ả-rập thời tiền Hồi giáo tức là thế kỷ thứ năm trở lui.

1. Nguồn gốc Do Thái:

Thờ một Chúa công thẳng và duy nhất, Kinh Talmud của Do Thái đã viết từ lâu trước khi Hồi giáo ra đời. Phong tục Do Thái như "cắt bì, không ăn thịt heo, hướng về Jerusalem...". Kinh Do Thái đã chép kinh Hồi giáo sao lại y chang. Riêng khoản hướng về Jerusalem thì chao đảo, lúc đầu Mô-ha-mét dạy hướng về Jerusalem sau là Mecca. Các tuyên tích về Adam, A-bra-ham, lụt hồng thủy, vườn Địa đàng... lấy của Do Thái và Cựu Ước kinh. Truy tìm nguồn gốc thì ra cha của Mô-ha-mét sống và chết ở Medina, ở đó có vài cộng đồng Do Thái cư ngụ, Mô-ha-mét hay đi thăm mộ cha, ông thán phục tín ngưỡng của người Do Thái nên "thuồng" các truyện tích của họ đem vào kinh Cô-răng.

2. Nguồn gốc Thiên Chúa giáo:

Mô-ha-mét thần phục cả Thiên Chúa giáo ông khuyên người ta tin vào Tân Ước trước khi tin vào sách Cô-răng. Hiểu Chúa Jesus qua phái Nhất Tính, lúc đi bảo tiêu hàng hóa tới Syria, ông đã học đạo với phái này, có sách còn nói ông đã được rửa tội theo phái ấy. Phái Nhất Tính của Nestorus chủ trương Chúa Jesus chỉ có một tính, tính người và tính chúa tương tiêu vào nhau như sữa trộn vào nước cho ra một chất lỏng không phải là sữa cũng không phải là nước. Chuyện rắc rối cho nên Mô-ha-mét phủ nhận luôn thần tính của Chúa Jesus: "Nabi Mô-ha-mét lớn hơn Nabi Isa!". Điều này mâu thuẫn vì Mô-ha-mét thừa nhận đức Mẹ Đồng Trinh thụ thai Jesus trong khi Mô-ha-mét được thụ thai do mẹ ông giao cấu với cha ông. Có lẽ sự hiểu biết về Thiên Chúa giáo từ các tín đồ quê mùa, dốt nát, ngồi bên ánh lửa bập bùng trong sa mạc để sưởi ấm, chứ lúc đó làm gì có Thánh Kinh như bây giờ, vả lại Mô-ha-mét mù chữ. Ông bảo rằng ông theo Phúc Âm thánh Barnabas. Không ai biết Phúc Âm này như thế nào, nhưng Mô-ha-mét đã có những sai lầm rất lớn như ông làm bà Maria mẹ Chúa Jesus với bà Maria chị ông Maisen. Hai người cách nhau cả chục thế kỷ, dưới mắt Mô-ha-mét chỉ là một người! Chúa Jesus sinh dưới gốc cây kè (palm tree) chứ không phải trong máng cỏ (a manger).

3. Nguồn gốc Ả-rập:

Tức là văn hóa Ả-rập cộng với chuyện phong thần của xứ này :

- Chuyện về các loại quỷ
- Chuyện con lạc đà hóa ra nhà tiên tri

(Sura 7:73, Sura 85, Sura 91:14, Sura 54:29)

- Chuyện cả làng hóa thành đười ươi vì không giữ ngày sa-bát

(Sura 2:65, Sura 7:163 -116)

4. Nguồn gốc tà giáo :

- Lễ bái điện Kabah
- Lễ bái 5 lần một ngày hướng về Mecca (tà giáo lễ bái 5 lần một ngày không hướng về Mecca)
- Ăn chay một tháng (Tà giáo ăn chay một buổi trong ngày)

5. Nguồn gốc tôn giáo Đông phương;

- Cuộc du hành bay lên 7 tầng trời của Mô-ha-mét
- Thiên đường (Houries)
- Chuyện con công
- Chuyện cái chết của nhà vua
- Chuyện thiên đường có gái đẹp, rượu ngon sao của Ba tư
- Chuyện chiếc cầu Sirat...

Đó là tất cả kinh Cô-răng, không có gì mới lạ. Nó còn tệ hơn kinh Talmud của Do Thái vì lẫn lộn chuyện phong thần với những chân lý về Chúa trong Do Thái giáo. Có lẽ Mô-ha-mét đã quan sát các cộng đồng Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo thấy các cộng đồng này gắn bó với nhau nhờ kinh của họ, Mô-ha-mét muốn đoàn kết các bộ lạc Ả-rập sống chia cắt vì sa mạc nên ông cũng sáng chế ra kinh Cô-răng rồi "bán cái" cho A-la. Đối với người Ả-rập có thể kinh Cô-răng hay vì nó là thể Sura (dạng những câu ngắn đọc lên nghe sang sảng kiểu thơ sấm giảng của đạo Hòa Hảo ở ta) nhưng khi dịch ra ngoại ngữ nó là những câu trống rỗng thua xa những chân lý được cô đọng trong Tứ Thư Ngũ Kinh của người Tàu. Vì thế, người Hồi bảo phải đọc kinh bằng tiếng Ả-rập (Chúa mới nghe!) vì nó được viết nguyên bản bằng tiếng Ả-rập ở trên trời!

Phê bình sách Cô-răng:

A-la là tà thần, là thần thờ trong đám thần của điện Kabah trước thời Mô-ha-mét đã có, ông không sáng tạo được gì, chỉ khai thị cái có sẵn. Tạm thời ta coi A-la là chúa Gia-hô-vê, là Thượng Đế để tiện việc phê bình chỉ ra kinh Cô-răng chỉ là của người, một con người bình dân thiếu học phải núp dưới bóng thần quyền cho mục đích của mình.

1. Nếu ta lý luận:

Hỏi: Tại sao tin kinh Cô-răng là chân thật?

Đáp: Vì nó là lời của tiên tri Mô-ha-mét khái thị.

Hỏi: Tại sao tin Mô-ha-mét?

Đáp: Vì kinh Cô-răng nói thế!

Câu trả lời là kết luận là cái vòng luẩn quẩn nói ra kinh Cô-răng chỉ là của người vì Mô-ha-mét là người, chỉ dám xưng mình là "Nabi" nghĩa là Tiên tri mà Tiên tri cũng phải chết!

2. Thánh Kinh bị biến dạng (Corrupt)

Nếu Thánh Kinh bị biến dạng do tính xấu của con người thì tại sao kinh Cô-răng lại căn cứ vào Thánh Kinh. Bảo rằng Thánh Kinh bị biến dạng thì kinh Cô-răng cũng bị biến dạng vậy. Không lẽ có cái "nút thông lọng" khôn ngoan chỉ biết xiết vào một phía. Ngoài ra chính sách Cô-răng mới biến dạng Thánh Kinh, ví dụ câu Thánh Kinh 23:8 của thánh Mat-thêu bản tiếng Anh của nhà Gideons trang 958:

"But you, do not be called 'Rabbit', for One is your teacher, the Christ, and you are all brother": "Nhưng con đừng để ai gọi là "Thầy", vì chỉ một Chúa là Thầy con, là đấng Cứu thế và tất cả chúng con là anh em với nhau".

Công thức: One = Teacher = Christ

Sách Cô-răng trích dẫn theo bản tiếng Anh của nhà Saadawi, Virginia, Hoa Kỳ trang 1030:

"But be not yet called rabbit: for one your master even Jesus, and all ye are brother": "Nhưng đừng để ai gọi là thầy, vì chỉ có một Chúa là thầy con, ngay đến Jesus, và tất cả chúng con là anh em với nhau".

Thêm một chữ even đôi hẵn ý nghĩa của câu Thánh Kinh.

Công thức: One = master (teacher) không có Christ hay Jesus

Như thế sách Thánh Kinh bị biến dạng hay sách Cô-răng làm biến dạng Thánh Kinh?

3. Thượng Đế làm chăng?

Theo kinh Cựu Ước, Abraham không biết gì về Mecca và Ishmael không bị đuổi ở bán đảo Ả-rập, người Ả-rập không phải là con cháu của Ishmael. Theo kinh Cựu Ước Abraham từ Ur tức là Irắc ngày nay tiến về thung lũng Hebron miền Palestin. Câu chuyện nhà Ishmael là bịa đặt của Mô-ha-mét được nghe kể về Cựu Ước không đến nơi đến chốn.

Đây là những sự lầm lẫn về Abraham:

- Tên cha của Abraham là Terah, sách Cô-răng nói Arar (Sura 6:74).
- Theo Cựu Ước Abraham sống ở Hebron, sách Cô-răng nói sống ở Mecca (Sura 14:37).
- Theo Cựu Ước nói Abraham sát tế con là Isaac, sách Cô-răng nói là Ishmael (Sura 37:100-112).
- Theo Cựu Ước nói Abraham có 8 con trai, sách Cô-răng nói có 2 con.
- Theo Cựu Ước nói Abraham có 3 vợ, sách Cô-răng nói có 2 vợ.
- Theo Cựu Ước nói Abraham không biết gì về điện Kabah, sách Cô-răng nói ông xây điện Kabah (Sura 2:125-127)
- Theo Cựu Ước không nói nhân vật Nimrod đẩy Abraham vào lửa, sách Cô-răng thuật chuyện. Theo Cựu Ước nhân vật Nimrod sống xa Abraham hàng thế kỷ làm sao Nimrod đẩy Abraham vào lửa được (Sura 21:68, Sura 9:69).

4. Thượng Đế hay quên chăng?

- Theo Cựu Ước, Chúa dựng nên trời đất trong 6 ngày (Sáng thế 1:31), sách Cô-răng nói trong 8 ngày (Sura 41:9, 10), thế rồi cũng sách Cô-răng cũng đồng ý trong 6 ngày (Sura 7:51, Sura 10:3).

- Theo Cự Ước 3 người con trai của Noah (No-e) được cứu vì cùng vào tàu với cha (Sáng thế 7), sách Cô-răng nói có 1 người chết đuối vì không chịu vào tàu (Sura 11:32-48).

- Theo Cự Ước Tàu Noah (No-e) trên núi Ararat, sách Cô-răng nói trên núi Judi (Sura 11:44).

- Kinh Cô-răng không đề ý tới thời gian, gặp đâu hay đẩy tùy sự 'Khải thị' theo hứng của Mô-ha-mét. Ví dụ ông lộn nhân vật Haman sống thời Mai-sen ở Ai Cập xây tháp Babel trong khi Haman sống ở Ba Tư dưới thờ vua Ahasuerus theo sách Esther (Sura 27:46, Sura 28:38...). Hình phạt đóng đinh dưới thời La Mã chứ không có dưới thời các vua Pharaoh Ai Cập (Sura 7:124) lộn bà Ma-ri-a chị ông Mai-sen với bà Ma-ri-a mẹ Chúa Jesus... và nhiều nữa kể mãi không hết.

5. Thượng Đế đứng về một phía với Mô-ha-mét?

Mô-ha-mét như ta, ăn, ngủ, 'ấy', ỉa như ta. Ông còn thua ta nữa vì mù chữ và hơn ta về khoản 'ấy' vì có nhiều vợ, không lẽ Thượng Đế chọn ông? Sự Khải thị do ông hay do Thượng Đế. Cứ xem quả biết cây:

- Mô-ha-mét muốn con dâu, ông liền Khải thị để chiếm nàng cho mình (Su-ra 33:36-38)

- Mô-ha-mét muốn thêm vợ hoặc bỏ vợ vì kinh cãi ông liền Khải thị (Su-ra 33:28-34)

- Để ngăn người đến thăm quấy rầy, ông liền Khải thị (Su-ra 33:53-58, Sura 29:62-63, Sura 49:1-5)

Như thế rõ ràng là sách Cô-răng là của người. Nó có sau Thánh Kinh và tệ hơn Thánh Kinh. Kinh Cô-răng do Thượng Đế đưa cho Mô-ha-mét 'nguyên bản' vì nó được chính tay Thượng Đế viết ở trên trời giao cho ông mù chữ học thuộc về Khải thị lại! Thượng Đế trong trường hợp này đáng ngờ lắm vì Ngài thiếu lý luận, hay quên, tư vị và phe đảng!

Cái chết của Mô-ha-mét và nước Hồi giáo

Cái chết của Mô-ha-mét xảy ra vào năm 632 Tây lịch có nhiều nghi vấn. Ông đột ngột qua đời không kịp làm chúc thư chỉ định người kế vị và còn đang dở dang thị kiến nhiều vấn đề. Nghi vấn bảo rằng ông trúng mỷ nhân kế bị người đàn bà Do Thái đầu độc nên chết bất đắc kỳ tử. Sự thật người đàn bà Do Thái có đầu độc ông, nhưng việc đó xảy ra hai năm trước khi ông chết nên giả thuyết bị đầu độc không đứng vững. Ông có công quy tụ các bộ lạc ở bán đảo Ả-rập vào Hồi giáo. Ta nghĩ đạo Hồi khó có thể bành trướng ra thế giới... Trường hợp này giống Phật Thích Ca. Các ông không nghĩ đưa đạo cho thế giới mà chỉ quanh quẩn ở miền bắc Ấn Độ, với Mô-ha-mét là bán đảo Ả-rập. Phật Thích Ca chỉ nghĩ tới tu thân và giải thoát, Mô-ha-mét nghĩ tới thống nhất các bộ lạc trong bán đảo Ả-rập. Các ông khác Jesus và Karl Marx. Jesus bảo phải đi cho đến tận cùng trái đất để giảng đạo còn Marx bảo phải cộng sản hóa thế giới. Đạo Phật và đạo Hồi ra ngoài bờ cõi do ngẫu nhiên của lịch sử. Vua Asoka gửi các phái bộ ra ra ngoài bờ cõi Ấn Độ để giảng đạo giải thoát. Đây có lẽ là hình thức ngoại giao sớm nhất của nhân loại, các phái bộ đã giảng pháp. Đạo Hồi lúc đầu chỉ có ở bán đảo Ả-rập, sau giáo dân Syria theo phái Nhất Tính bị Bizantin theo phái Lưỡng Tính đàn áp phải kêu cứu với Hồi giáo. Tướng Khalid đã đánh bại Bizantin nên vùng Bắc Phi, cả miền Trung Đông lọt vào tay Hồi giáo. Lưỡi gươm Hồi giáo thừa thắng xông lên làm chủ nhiều vùng thế giới bằng con đường chinh chiến lòng trong tôn giáo.

Mô-ha-mét chết rồi, cha vợ là Abu Bekr (cha nàng Aisha, lúc này được 18 tuổi) nắm việc hành chính quân sự là vị Ca-líp sau giáo chủ. Ali là con rể (vợ là con gái của bà Khadija tên là Fatima) nắm quyền đạo. Vì Ali và một người chú của Mô-ha-mét tên là Abbas muốn làm Ca-líp mà không được nên sinh ra cuộc chiến tranh nội bộ. Abu Bekr nhờ có viên tướng giỏi là Khalid Walid nên bình định được bán đảo Ả-rập lại còn thôn tính các vùng đất lân cận thuộc Bizantin: Damascus năm 635, Antioche năm 636. Ba tư, Ai cập năm 641, Tây-ban-nha 711. Nếu Mô-ha-mét đội mồ sống lại hẳn phải ngạc nhiên vì các đệ tử làm quá xuất sắc không ngờ đem đạo Hồi ra ngoài bán đảo Ả-rập, thành một hệ thống tôn giáo văn hóa lớn của thế giới với các triều đại Omyyade 661-750, triều đại Abasside 750-1058. **Những vùng đất trước kia chịu ảnh hưởng của đạo Thiên Chúa, nay theo đạo Hồi cả. Đây là những lý do cải giáo:**

1. *Nguyên tắc bắt được con chim đầu đàn, cả bầy chim sẽ bị bắt.* Quy tắc này đã xảy ra trong đạo Thiên Chúa: Vua Constantinus (306 - 337) La-mã trở lại đạo,

Thiên Chúa giáo trở thành quốc giáo La-mã. Thời nhà Minh bên Tàu, các giáo sĩ đi giảng đạo cũng áp dụng lối này, nhưng thất bại.

2. *Lừa gạt Hồi giáo quá bén nhạy và tàn ác.* Sự thật thì nhiều triều đại Hồi giáo, dân Thiên Chúa được tự do giữ đạo, chỉ cấm phát triển. Ngoài ra phải chịu một sắc thuế cống nạp cho người Hồi. Lúc đầu chỉ có dân Ả-rập theo đạo Hồi, sau họ mới cho cải giáo các sắc dân. Điều này làm cho quốc khố cạn nguồn thu lợi, ngược lại dân chúng ùn ùn theo đạo Hồi để khỏi phải đóng thuế.

3. *Không có ranh giới giữa nhà nước và tôn giáo, kẻ làm việc trong chính quyền lợi dụng thế mạnh để tung vãi văn hóa đạo Hồi.* Việc này ta còn thấy rõ ở các quốc gia theo Hồi giáo như Arabia Saudi, Pakistan, Afghanistan, Iran...

4. *Tín ngưỡng đạo Hồi đơn giản, không nhiều lễ bái rườm rà,* chỉ phải tin chúa A-la, lễ ngày 5 lần hướng về Mecca, không có hàng tăng lữ.

5. *Tín ngưỡng đạo Hồi thỏa mãn dâm dục của con người về đàn bà:* làm trai phải có 4 vợ mới đủ. Về uống rượu thì cấm uống ở thế gian, nhưng ở thiên đường thì thừa mứa, uống mấy cũng được.

6. *Thiên đường dụ khi tín đồ:* luận cứ này, tôn giáo nào cũng có. Nhưng Thiên đường của đạo Hồi sao của Ba Tư cụ thể một cách phàm tục (giống Tây phương cực lạc của đạo Phật, chỉ thiếu món gái, chắc cũng ảnh hưởng Ba tư): Trên Thiên đường có đủ mọi thứ, nhất là gái đẹp, Chúa sáng tạo ra các thiếu nữ trẻ đẹp hoài. Người nào vào Thiên đường hai tay giắt hai vợ, cùng với vợ ngồi trên ngai ngắm nhìn Thượng Đế và uống rượu không biết say!

7. *Luân lý đạo Hồi dạy người ta phải biết chết vì đạo, cho đạo (tử vì đạo) để lên thiên đường.* Do đó họ thích thánh chiến "Jihad". Kẻ chết vì đạo lên thẳng thiên đàng nên họ có nhiều chiến sĩ muốn hy sinh cho đạo.

8. *Dân Ả-rập sống trên sa mạc khô cằn, nghèo khổ. Họ thích đi đánh các dân tộc khác để chiếm chiến lợi phẩm.* Chiến phẩm là đất đai màu mỡ và đàn bà. Sự thật xứ sữa và mật ong nói trong Thánh Kinh ngày nay là đất của họ vì họ có vàng đen (dầu hỏa) quý hơn các thứ!

9. *Lối của người Thiên Chúa giáo:* Đạo Thiên Chúa tranh luận bất tận về thần học, đôi khi họ dùng bạo lực để đàn áp nhau. Trong vụ, chính người Thiên Chúa

giáo theo Nestorius phái Nhất Tính ở Syria và Bắc Phi bị Bizantin theo phái Lương Tính đàn áp. Người theo phái Nhất Tính đã cầu cứu với tướng Hồi giáo là Khalid. Khalid thắng rồi cải giáo các vùng đất mênh mông vốn chịu ảnh hưởng của đạo Thiên Chúa: Đế quốc Hồi giáo ra đời từ đó.

Đó là sự thuận lợi cho đế quốc Hồi giáo phát triển. Nay khác rồi, nhìn cái cờ chỉ 'A-la và Mô-ha-mét' cắm trên quả địa cầu treo ở giáo đường Hồi giáo, người ta biết ngay các lãnh tụ của tôn giáo này muốn Hồi giáo hóa thế giới. Không, cái thời lưỡi gươm Hồi giáo bách chiến bách thắng đã xa rồi. Các tổng thống của các nước Hồi giáo như Khadafi, Saddam Hussien làm được gì hay bị thế giới cô lập, hoặc gần đây cuối năm 2000 hội nghị thượng đỉnh các quốc gia Hồi giáo về việc trừng trị Israel bị thất bại vì chia rẽ và vì lẽ phải... Hồi giáo 'ngoạm' được những vùng của thế giới như Iran, Saudi Arabia, Pakistan, Afghanistan... thì cứ giữ lấy, còn tôn giáo thì không thể phát triển xa hơn. Vì thế nó cố be bờ giữ vững những mảnh đất này, ví dụ như ở Ả-rập Saudi cấm không được làm chùa miếu, giáo đường của tôn giáo khác. Cấm người ngoại giáo vào điện vào Kabah...

Các sự cấm đoán này buồn cười, nó biểu lộ một tinh thần mọi rợ, lén lút, che dấu những cái ám muội. Thế giới ngày nay là rộng mở cho mọi người, không còn cái gì cấm kỵ và che dấu nữa. Càng cấm kỵ thì người ta càng biết ví dụ các đền thờ Ấn giáo cấm người ngoại đạo vào. Thế mà người ta biết rõ trong chùa có những tượng thần hành dâm với nhau, có cái linga cắm vào cái yoni tiêu biểu hành động giao cấu hay nuôi dưỡng hành dâm với khách hành hương... Còn đền thờ Hồi giáo thờ ai? Tại sao cấm? Đó là tà thần A-la, thần Mặt Trăng.

Người ta đã đổ bộ lên Mặt Trăng, có thấy thần phật nào đâu? Tôn giáo kia rồi sẽ mai một khi tri thức tiến bộ đẩy lui nó vào dĩ vãng giống như các thần của thần thoại Hy Lạp và La Mã.

Vấn đề đặt ra khi ở Mỹ có các lãnh tụ tôn giáo đã phát biểu: Đạo Islam (Hồi) của người da đen và muốn lập một nước da đen tách khỏi nước Mỹ. Đó là các ông Elijah Muhammad, Wallac D. Fard, Louis Farrakham... các ông lừa mị dân da đen khi phát biểu rằng Chúa Jesus cũng giống Mô-ha-mét là người da đen để lôi kéo dân da đen. Ai cũng biết châu Phi da đen, đa số các quốc gia chậm tiến theo Hồi giáo. Nếu ta bảo rằng Mô-ha-mét là da đen thì chửi cha lịch sử. Dẫn chứng:

Sách Hadith cuốn 1 đoạn 63 viết:

"Khi chúng tôi đang ngồi với nhà tiên tri ở giáo đường, có một người cười lạc đà đi vào. Đức tiên tri khiến con lạc đà quỳ xuống trong giáo đường và trói chân trước nó lại đoạn ngài hỏi: "Ai là Mô-ha-mét. Lúc đó đức tiên tri đứng giữa chúng, tỳ một tay. Chúng tôi trả lời người da trắng đang tỳ tay ạ", người cười lạc đà liền nói: Ôi! Ngài là con ông Abdul Muhalik".

Hadith cuốn 2 câu 122 cũng nói Mô-ha-mét là người da trắng

Hadith cuốn 2 câu 141: *"Đức tiên tri giơ tay để hờ rón trắng trắng".*

Hadith cuốn 1 đoạn 367: Anas kể rằng: *"Nhìn thấy con c. trắng trắng của đức tiên tri".*

Như thế Mô-ha-mét là người da trắng hay ngăm ngăm vì có "tan" nhiều chứ không phải là da đen. Bảo Mô-ha-mét da đen là thủ đoạn chính trị nhằm kéo người da đen vào Hồi giáo ở nước Mỹ.

Văn hóa Ả rập của đạo Hồi

Nghiên cứu đạo Hồi mà bỏ quên văn hóa Ả-rập là thiếu sót lớn. Nền văn hóa Ả-rập thời tiền Hồi giáo, thế kỷ thứ 5 trở lui, ta thấy nó xuất hiện trong đạo Hồi, ví dụ ta gặp một phụ nữ trùm khăn hay che thân thể kín mít chỉ để hở hai con mắt, ta biết người đó theo đạo Hồi. Ả-rập là xứ nóng phải che thân kín để tránh ánh nắng gay gắt của mặt trời nên người phụ nữ phải che thân kín mít. Về phương diện tôn giáo ta cũng có thể giải thích: ánh trắng tượng trưng cho sự mát mẻ, sự thanh bình, sự sống nên thần Mặt Trăng A-la là thần lớn nhất cũng như xứ lạnh người ta suy tôn Mặt Trời. Đạo Hồi ra đời từ tín ngưỡng thờ tinh tú của xứ nóng. A-la chỉ là tà thần do sự tưởng tượng của con người. Nếp sống văn hóa của một dân tộc không có gì để nói, ví dụ người Tàu có tục khắc nhỏ, Người Do Thái có tục cắt da đầu con chim. Hồi Thế chiến thứ Hai người Đức lột quần các người nam để tìm người Do Thái vì khó có thể phân biệt người Do Thái với các dân tộc Âu khác. Những thói quen dân tộc đó không có gì đáng phàn nàn và khi người ta nhận ra sự lạc hậu của dân tộc mình, người ta sẽ bỏ ví dụ người Tàu không còn khắc nhỏ. Đằng này những thói quen mặc cho nó màu sắc tôn giáo nên người đàn bà Hồi giáo dù ở xứ nóng hay xứ lạnh cũng gói mình vào tấm khăn hay cái áo dài sultan bất kể vẻ đẹp phụ nữ phải phô ra. Mặt trái của sự che thân là sự ích kỷ của giống đực muốn độc quyền hưởng

thụ con cái cũng như tục cổ người đàn bà Tàu bó chân làm cho cơ bắp không hoạt động, bao nhiêu năng lực dồn cả lên háng nên cuộc mây mưa với giống đực trở nên nặng nề. Các phong tục tập quán chẳng là thần thánh chỉ là phong thái ích kỷ của giống đực. Vì lẽ đó Âu Mỹ giải phóng phụ nữ, kỳ thi Hồi giáo trong chính sách di trú.

Người Ả-rập ra khỏi bán đảo Ả-rập man di, học được văn minh Hy-La của người Thiên Chúa giáo Syria, họ đã tiến bộ vượt bậc và viện trợ lại cho Thiên Chúa giáo khi họ chiếm Y-pha-nho. Các triết gia Avicenne, Averroes... làm cho cả thế giới phải thán phục và người Thiên Chúa giáo chạy theo. Nền triết học kinh viện của Thiên Chúa giáo hãnh diện là triết học Hồi giáo. Cái chức tiến sĩ giáo hội của thánh Thomas Aquinas nên xét lại vì người Hồi đã làm trước ông đối với Aristotle, ông chỉ có công sao chép Summa Theologica. Cái chuỗi tràng hạt do thánh Đa-minh sáng kiến lấy của đạo Hồi ở Tây-ban-nha, người Hồi lấy của phái Mimamsa bên Ấn Độ! Phải đi về nguồn để chỉ ra cái nào là của ai, lột bỏ các huyền thoại về thần thánh.

Đối với người Ả-rập, quy tắc tẩy thể rất quan trọng. Ả-rập là xứ nóng, thân thể dễ bay mùi khó chịu cho nên quy tắc hàng đầu là tẩy thể, không có nước thì dùng cát khô. Người theo đạo Hồi phải giữ vệ sinh thân thể. Trước khi cầu nguyện phải tắm rửa, đi cầu phải rửa thay vì chùi, nếu có xì rắm ra khi cầu nguyện là một tội không thể tha thứ, sa hỏa ngục! Điều này khó tránh vì việc lên gối xuống gối, chổng mông vào mặt người sau lễ chúa A-la. Các quy tắc ấy quy định rõ trong sách Cô-răng. Đó cũng là nét văn hóa khác với văn hóa Tây phương vì Chúa Jesus bảo cái xấu là do lòng con người chứ không phải là cái con người ăn vào (Mat-thêu 7:14-23) cho nên người Tây phương ăn gì mặc gì không thành vấn đề miễn ngon và đẹp. May mắn người Việt chúng ta theo phương Tây vì phương Tây hợp với phong tục văn hóa Việt Nam. Do đó, chúng ta tự do thưởng thức món heo quay (Người Hồi cấm) món phở bò tái (người Ấn Độ cấm).

Việc nghiên cứu văn hóa Ả-rập để hiểu đạo Hồi rất quan trọng vì như việc cướp bóc đối với Tây phương là một trọng tội thì đối với người theo đạo Hồi, con người nhân danh A-la có thể làm. Giáo chủ Mô-ha-mét cho đệ tử đi cướp bóc các đoàn thương hồ trên đoạn đường từ Mecca đến Syria. Các đoàn thương hồ nào không công nạp thuế cho họ thì họ cướp bóc cũng là một sắc thuế! Luân lý đầy tính chất bạo động còn ghi ở sách Cô-răng, ví dụ sura 9:5 đối với kẻ dị giáo: chiến đấu và tàn sát kẻ theo dị giáo. "Nếu con thấy chúng ở đâu, thì bắt lấy chúng". Sura 5:33

"hình phạt cho kẻ chống lại Hồi giáo là tử hình, đóng đinh thập ác, chặt một chân, chặt một tay, đẩy ra khỏi xứ". Kết quả, ngày nay ta thấy ở chỗ nọ chỗ kia có kẻ cho nổ bom 'thịt' để giết người vô can, khủng bố, bắt cóc con tin..."

Những luật chống nhân loại ấy trở thành luật Hồi giáo và người Hồi giáo muốn tách riêng làm thành quốc gia để dễ dàng thi hành luật lệ: Chechnya ở Nga-xô, Kosovo ở Nam Tư, Moluccus Nam-dương, nam quần đảo Mindanao ở Phi-luật-tân... đều thể hiện tính văn hóa, chính trị.

Những nghi vấn đặt ra cho đạo Hồi

1. A-la không phải là phát kiến hay mạc khải của Mô-ha-mét. A-la đã có trước đạo Hồi, là thần mặt trăng, vị thần bản mệnh của bộ lạc Quraysh tức bộ lạc của Mô-ha-mét, được thờ cùng với các thần trong điện Kabah. Do đó, mặt trăng là biểu hiện của đạo Hồi còn thấy trên nóc giáo đường và cờ của các quốc gia theo đạo Hồi. Nhân loại thừa man rợ thờ tinh tú làm thần. Ngày nay ai cũng biết mặt trăng là vệ tinh chết của trái đất, A-la không nên tồn tại vì đã có người lên được mặt trăng có thấy thần thánh nào đâu?

2. Mô-ha-mét là tiên tri lớn nhất và sau cùng của nhân loại. Quả quyết ấy là của người theo đạo Hồi gọi Mô-ha-mét là vô nhiễm tội lỗi (sinless). Phần ta có nghi vấn vì:

Mô-ha-mét không có gì đặc sắc.

Mô-ha-mét coi sự cướp bóc khách thương hồ và các cộng đồng Do Thái để lấy của cải cho ông và thuộc hạ là lẽ thường.

Mô-ha-mét có tham dâm không, ta không nói nhưng hãy nhìn vào tiểu sử của ông rồi phán đoán theo lương tri ba việc sau đây:

* Ít nhất có 22 người đàn bà trong cuộc đời của Mô-ha-mét. Ông ra quy tắc không có quá bốn vợ, vậy mà ông 'ngồi xồm' lên quy tắc của mình: vào thời điểm sau khi bà Khadija chết, Mô-ha-mét có quá 10 vợ, các bà vợ của ông có tên:

Khadija, 2. Sawda, 3. Aesha, 4. Omm Salama, 5. Hafsa, 6. Zaynab of Jahsh, 7. Jowayriya, 8. Omm Habiba, 9. Safiya, 10. Maymuna of Hareth, 11. Fatema, 12. Hend, 13. Asma, 14. Zaynab of Khozayma, 15. Habla, 16. Asma of Noman, 17 Mary (the christian), 18. Rayhana, 19. Omm Sharik, 20. Maymuna, 21. Zaynab, 22. Khawla.

Bà số 1 đến số 16 là vợ

Bà số 17 và 18 là nô lệ hay tình nhân

Bốn bà còn lại là tín đồ hiến thân

* Bà Zaynab of Jahsh nguyên là con dâu, vợ của con nuôi Mô-ha-mét. Mô-ha-mét nhìn thấy mặt bà nên phải lòng bèn bảo con nuôi nhường vợ cho bố. Người này không chịu, Mô-ha-mét ra thần khai đoạt vợ của con.

* Mô-ha-mét đã 53 tuổi lấy nàng Aesha từ 6 tuổi đến 8, 9 tuổi thì cưới. Nếu ngày nay một ông già 53 tuổi giao cấu với trẻ vị thành niên 8, 9 tuổi có bị nằm 'nhà đá' không và tiếng đời mai mĩa là 'quỷ râu xanh'.

Lịch sử không thể viết lại. Người Hồi hãy trả lời đi.

3. Ta không dám nói Mô-ha-mét là chúa khủng bố. Vậy hãy xem kinh Cô-răng rồi phán đoán theo lương tâm.

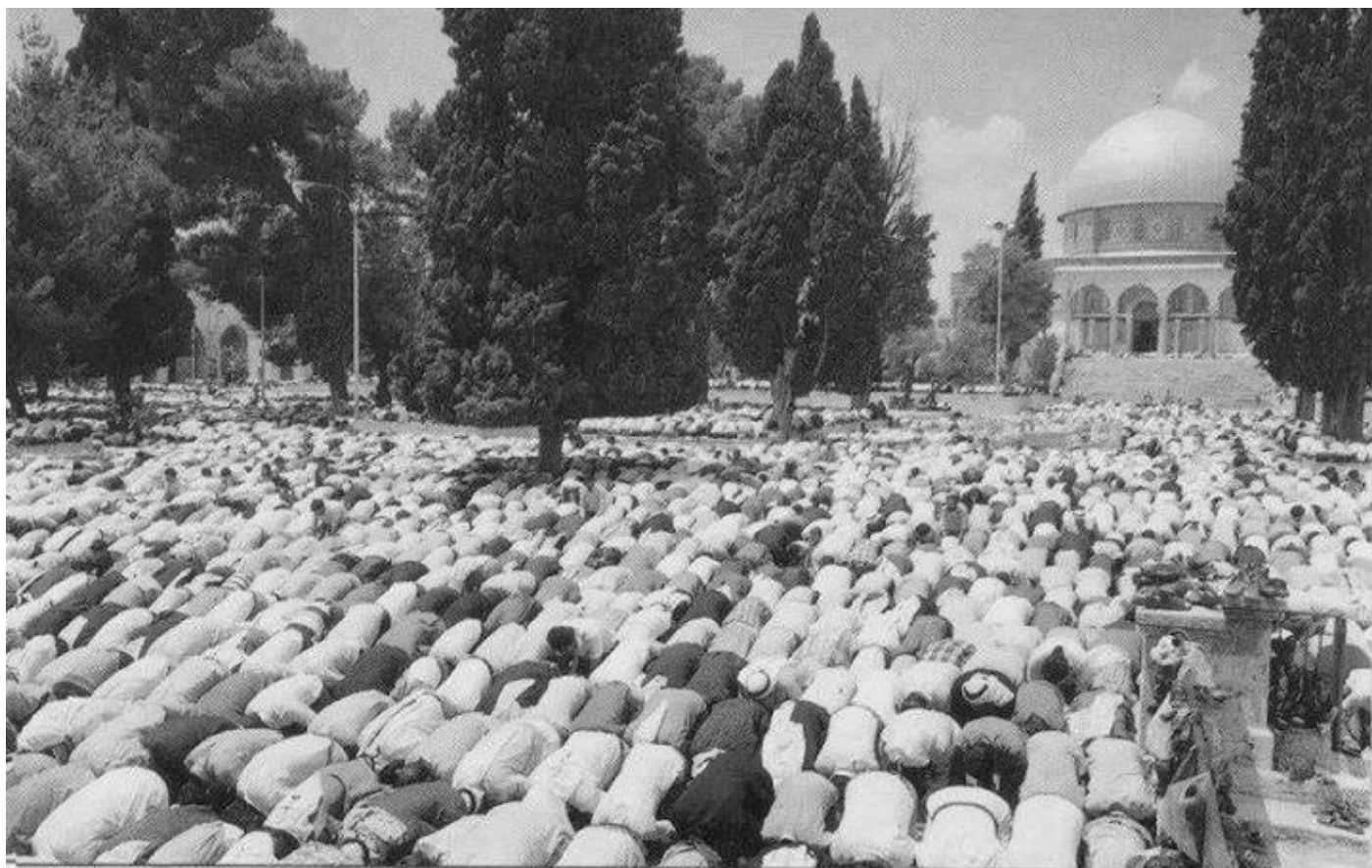
Đòi chém giết, trục xuất, chặt chân, chặt tay, đóng đinh... những ai không theo mình hay chống lại mình có là khủng bố không? Nay người Hồi ở chỗ này chỗ kia cho nổ 'bom thịt' giết người vô can kể cả đàn bà con nít do lòng tin vào kinh Cô-răng, còn A-la vẫn là Chúa nhân từ, đầy lòng thương xót! Thật là tiểu lâm hết cỡ!

Tôi đã bước vào tuổi 60, có chết cũng đủ rồi. Nếu người Hồi kết án tôi như đã kết án Salman Rushdie theo luật Hồi giáo tôi không sợ. Noi gương Bao Thanh Thiên đời nhà Tống, dù họ Bao chỉ là nhân vật hư cấu, tôi xử vụ án xã hội - lịch sử. Tôi chết là chết cho lẽ công và chân lý như ước vọng của đời tôi.

Chương 6

NHỮNG SỰ HIỂU BIẾT VỀ MECCA

by Phan Thiết



Các tín đồ Hồi giáo lễ Chúa A-la. Nếu con người là bằng hữu của Thượng Đế thì cần gì phải khiêm tốn quá đáng tế lễ kém thậm mĩ như thế này?

Thật sự trong lòng tôi không có chút nào kỳ thị chủng tộc, tôn giáo hay chính trị. Tất cả chỉ có con người, tôi không có kẻ thù dù bạn ghét tôi, không ưa tôi vì tôi nói sự thật những điều tôi biết. Người Thiên Chúa giáo là người không có kẻ thù vì khi người ta tát má phải, ta cho tát má trái; khi người ta lấy áo ngoài, ta cho lấy áo trong (Mát-thêu 5:38-42, Lu-ca 6:29-30). Vậy tôi lấy phương châm của người Đông phương làm kim chỉ nam cho lẽ sống : “Ưu nhân chi ưu, lạc nhân chi lạc”. Trong sở

tôi, có một anh bạn theo Hồi giáo (Muslim), cứ mỗi chiều thứ sáu, anh đi Mosque (Nhà thờ Hồi giáo), anh mời tôi cùng đi. Vì cảm tình với anh, tôi nhận lời. Đến giáo đường, không lẽ mình không giống ai. Thấy người ta chổng mông lên gối xuống gối lễ Chúa A-la, tôi cũng lễ. Thú thật, lễ kiểu này gây cho tôi sự mệt mỏi, chẳng thích thú chút nào. Ấy là chưa kể nỗi khổ tâm vì lên gối xuống gối quá, vận dụng bụng dưới, nhờ không kìm được lỡ phát ra tiếng nổ thô bỉ thì xuống hỏa ngục. Theo giáo lý đạo Hồi “tội” này không thể tha thứ được. Lúc đó tôi chưa nghiên cứu đạo Hồi, cứ nghĩ Chúa A-la là Chúa Giê-hô-va, chỉ khác tên gọi, tương tự như người ta gọi Thiên Chúa là Thượng Đế, Lý Thái Cực hay Ông Trời nên ta có lẽ thêm A-la cũng chẳng sao. Có một ngày họ gọi tôi lên tuyên xưng “đức tin”. Vị ich-men (người điều khiển buổi cầu nguyện) hỏi tôi một tràng tiếng Ả-rập gồm câu đáp sẵn cũng bằng tiếng Ả-rập “Tin một A-la là Chúa và Mô-ha-mét là tiên tri của Ngài. Tôi không biết gì tiếng Ả-rập, tôi đáp đại bằng tiếng Anh “Tôi tin A-la là Chúa và Mô-ha-mét là tiên tri”. Lúc đó tôi nghĩ A-la là Giê-hô-va vì cả hai đều là “God” còn Mô-ha-mét là tiên tri thì thêm một ông tiên tri nữa cũng chẳng sao. Các tiên tri trong Cựu Ước một số thực chất chỉ là con đồng. Các ông linh mục chẳng được tôn là tiên tri đó sao? Từ lúc đó xem như tôi gia nhập đạo Hồi cũng như từ lúc lọt lòng tôi gia nhập đạo Thiên Chúa mà không được hỏi ý kiến. Xét về nguyên tắc trọng thức theo tập quán Ả-rập, tôi đã làm hỏng buổi lễ vì phải đáp bằng ngôn ngữ Ả-rập, tôi mới là tín đồ đạo Hồi, đằng này tôi đáp bằng tiếng Anh xem như chưa thành tín đồ. Thôi càng tốt, chân trong chân ngoài, ta được tự do.

Tôi theo dõi sinh hoạt của tôn giáo này. Vào một ngày có cuộc tranh luận giữa các giáo sư đại học Deakin và vị giáo sư ở Ả-rập Sê-u-dit (Saudi Arabia) tới Melbourne tại hội trường Dallas về vai trò của Chúa Jesus và Môhamet. Đây là cuộc tranh luận so sánh giữa hai vị giáo chủ chắc thú lắm. Nhờ chính sách di trú tự do, nước Úc đã đem vào nước một số lượng lớn các tín đồ Muslim và Phật giáo mà theo lẽ ra phải có sự hỗ tương đồng đều. Đằng này Arabia vẫn cấm các tín đồ tôn giáo khác di trú và vào Mosque ở Mecca. Tôi không ngờ tín đồ đạo Hồi tuôn đến hội trường Dallas chật ních, ngồi cả ra đường để ủng hộ cho “gà nhà” làm cho cuộc tranh luận mất cả ý nghĩa, biến thành buổi cầu kinh của các tín đồ đồng đạo, tôi bỏ ra về và không theo dõi nữa.

Sau này, trước khi viết cuốn “Hành Hương Đất Chúa” tôi bỏ thì giờ nghiên cứu về đạo Hồi, tôi phát hiện ra Chúa A-la không phải là Chúa Gia-hô-vê và chỉ là tà thần của nhân loại hoang sơ thờ tinh tú làm Chúa, tôi không lấy A-la nữa và viết tiểu phẩm này báo động cho các người cả tin lầm tưởng, đồng thời không cần một

cuộc hành hương quá vất vả để chiêm ngưỡng hay tìm hiểu một thần linh ta liệt vào hàng tà thần. Thờ A-la chẳng khác nào thờ thần Appolo, Siva, Visnu, Quán Thế Âm, A Di Đà, Di Lặc ... toàn là sự tưởng tượng hay hư cấu của nhân loại man di quá khát khao Chân, Thiện, Mỹ hoặc vụ lợi để cầu phước, cầu tài. Thà ta nắn cái giống của nam và nữ như người Ấn Độ giáo thờ cái tượng trưng cho sự khoái lạc nhất của kiếp người lại có ý nghĩa!

Tôi không ghét con người, nhưng tội nghiệp con người bị trí óc man mọi hấp dẫn dựa vào tính a-dua của nhân loại vốn “nhân chi sơ tính bản thiện”. Cái tật a-dua, tồn cổ, theo người trước là tật chung của nhân loại. Đến một lúc nào đó nhân loại khôn ra, các thần tượng bằng đất sét kia mới chịu lui vào quá khứ như các thần Hy-lạp đã lui vào quá khứ.

Đời tôi chỉ trọng kẻ vô thần và hữu thần, không trọng kẻ trung dung hoặc lừa gạt người khác bằng cái vỏ thần phật linh thiêng. Nào ai biết những ông thần, ông phật mơ hồ từ cõi không tưởng mà một bộ óc bệnh hoạn nào đó nghĩ ra rồi nhân loại a dua đặt lên bàn thờ lễ bái. Lễ thì cứ lễ, các cục đất kia vẫn câm nín! Thế hệ nọ qua thế hệ kia, một đôn mười, từ không làm ra có. Thế là ông thần ông phật ra đời và thống trị cõi tâm linh của nhân loại dễ tin, cả nể và a-dua.

Tôi trọng kẻ vô thần như bọn người Nastik ở Ấn Độ mà Thích-ca Mâu-ni là đại biểu: trên ta và dưới ta, không có ai có thể cứu vớt được ta, tự ta giải thoát ta, ta quyết định số phận của ta. Như thế tu hành kia để làm gì? Không có vị thần nào cầm cân nảy mực hay đong đếm việc lành, việc dữ. Tu hành hay chay tịnh là do người bày đặt ra. Hãy sống và biết sống!

Cái nét nhân bản của vô thần ở chỗ này. Thích-ca Mâu-ni xứng đáng là ông tổ vô thần. Hai mươi bốn thế kỷ sau, Ludwig Feuerback (1804-1872) của Tây phương mới bắt kịp. Sau này Duy Vật vô thần của Marx và Engels dựa vào tư tưởng của Feuerback triển khai thuyết Cộng sản vô thần, các ông đâu có sáng chế ra cái gì!

Vì trọng Thích-ca vô thần, tôi đã đi hành hương ở Ấn Độ và Nepal, tới tận quê hương Ngài để nhận định cái gì là của Ngài, cái gì người ta thêm vào sau làm biến tướng Thích-ca nguyên thủy.

Vì trọng hữu thần, tôi đã đi hành hương đất Chúa ở Jerusalem để thăm quê hương của Chúa Jesus. Rất tiếc, chưa đi thăm quê hương của Không Tử và không thể đi lại để thăm Jerusalem. Chắc chết thôi và không còn dịp nào để đi nữa.

Cái nét hữu thần của Mecca có đó. Nó đã phát triển thành tinh hoa với các triết gia Hồi giáo thời Trung cổ, ảnh hưởng tới Thiên Chúa giáo, đến nổi Thomas Aquina (1225-1274) phải sao y tư tưởng của Avicenna (980-1037). Nhưng xét lý lịch và gốc gác của A-la vốn là tà thần của nhân loại man di thờ tinh tú, không đáng để cho ta tới Mecca chiêm ngưỡng cục vân thạch mà theo người Hồi gọi là nơi chí thánh. Tôi không tới Mecca và xin gửi những hiểu biết về Mecca tới bạn đọc bốn phương.

Mecca thời tiền Hồi giáo

Mecca nằm trên sa mạc phía tây của bán đảo Ả-rập, cách Hồng Hải chừng 60 cây số. Ả-rập là một bán đảo lớn chiều dài độ 2500 cây số, chiều ngang chỗ rộng nhất chừng 2000 cây số là một bãi cát mênh mông phía Tây tiếp nối với sa mạc Sahara của Bắc Phi, phía Đông thoai thoải chạy tới sa mạc Gobi của Mông Cổ. Toàn sa mạc bị chia cắt bởi các dãy núi đá hay bình nguyên của những con sông nay làm thành các quốc gia láng giềng của Ả-rập. Riêng sa mạc Ả-rập có những ốc đảo với những bộ lạc sống riêng rẽ, kinh tế tự cung tự cấp.

Hầu hết sắc dân Ả-rập là người Bedouin giỏi chịu đựng khí hậu khô khan, sống nghề du mục và thổ phỉ các đoàn thương hồ đi ngang qua Ả-rập để lưu thông hàng hoá giữa Ấn Độ, Syria và Bắc Phi.

Các bộ lạc Ả-rập coi thổ phỉ là nghề chính. Họ bảo đó là một sắc thuế đóng cho họ ngoài những ngày nghỉ vì lí do tín ngưỡng. Lý tưởng đó đã thành nét luân lý của đạo Hồi. Người ta được làm mọi sự vì A-la: Nói dối, giết người, cướp của... nếu cứ nhân danh A-la thì không phải tội. Bởi đó những ai không theo A-la thì ta hãy an tâm tàn sát họ đi như lời dạy của kinh Cô-răng. Đây là nét đặc thù của dân tộc đem vào kinh sách. Các bộ lạc Ả-rập sống ngăn cách nhau vì sa mạc chỉ biết hy sinh cho bộ lạc. Bộ lạc càng nhỏ hy sinh càng cao. Tinh thần phe đảng, chết cho bộ lạc, chết cho phe ta là một vinh dự. Nói rõ hơn đó là “chủ nghĩa” ái quốc hay lòng yêu nước sau này nhân rộng ra thế giới. Sự cực đoan đó bất kể gây thiệt hại cho ai miễn ta đạt được mục tiêu: giết mìn xe đồ, pháo kích bừa bãi như hành vi lặn bom vào người, rồi cho nổ tung giết người vô can hay mới đây một chiếc xe buýt dân sự do một người Palestin theo đạo Hồi lái đâm thẳng vào đám đông dân Do Thái làm chết và bị thương hàng chục người. Hành vi đó người Hồi khen là can đảm, người ngoại cuộc lên án kẻ sát nhân vô tâm.

Luân lý đạo Hồi bắt gốc rễ từ lòng “ái” bộ tộc, hy sinh cho bộ tộc hay chết cho phe đảng trong các nước. Bận thù rõ ràng. Hễ là kẻ thù thì bị tiêu diệt.

Luân lý của đạo Do Thái đặt trên sự công bằng “mắt đền mắt, răng đền răng”.

Luân lý của Chúa Jesus có khác: hãy yêu thương kẻ thù. Ai tát má phải cho tát má trái. Ai lột áo ngoài cho lột áo trong.

Do đó miền Trung đông Thiên Chúa giáo chỉ có thiểu số khó có thể có hòa bình được nếu như còn có kẻ thích chết cho phe đảng để được lên thiên đường. Dĩ nhiên kẻ đối nghịch phải đáp lễ “răng đền răng, mắt đền mắt”!

Đó là tinh thần của bán đảo Ả-rập, nay ta xét đến nét văn hóa. Ta thấy người Ả-rập mặc áo dài “sultan”. Có mũ trùm đầu che kín thân thể. Dân miền lân cận đội mũ tròn hình mặt trăng tròn. Y phục này nhân rộng ra toàn thế giới, nhìn cách mặc ta biết họ là Muslim: đàn bà luôn trùm khăn vuông và đàn ông đội mũ trùm đầu hình mặt trăng. Ở các xứ khác như Afghanistan, Pakistan đàn ông luôn bận áo dài đến khuỷu chân, đàn bà mặc “sultan” quấn vải kín mít để hở hai lỗ mắt. Đây là nét văn hóa của phong tục Ả-rập: Xứ sa mạc phải che thân chống cái nóng ghê hồn của mặt trời và những cơn gió cát quét vào thân thể, nhưng ở các xứ khác như ở Afghanistan bắt phụ nữ trùm kín như thầy ma thì quả là nô lệ cho tôn giáo, xúc phạm tới con người, tới vẻ đẹp trời phú cho phụ nữ. Ta không thể tưởng tượng nổi quân Taliban cấm chị em ra khỏi nhà mở mang kiến thức, cấm cung lo việc bếp núc phục vụ ông chồng. Ở nhiều nơi, người Hồi thực hiện cả việc cắt bì cho phụ nữ nghĩa là lấy đi hết bộ phận sinh dục ngoài để chị em chỉ còn mỗi chức năng đẻ mà không được khoái lạc khi quan hệ sinh lý với nam giới. Tác cả sự xúc phạm con người này là sự phản ánh nét văn hóa trọng nam khinh nữ của bán đảo Ả-rập. Ở Ả-rập người cha có thể giết chết đứa hài nhi nếu là con gái. Như thế nét trọng nam khinh nữ không phải là nét độc quyền của dân Tàu. Người Do Thái cũng vậy, để nhiều con trai mong được đăng Cứu Thế, nhưng sự kỳ thị nam nữ không biểu lộ thái quá như ở Ả-rập vì ở Ả-rập đàn ông ông có thể lấy 4 vợ cho nhu cầu sinh lý của giống đực, miễn nuôi nổi các bà vợ. Bản thân giáo chủ Mô-ha-mét, có tới 21 bà vợ cho “harem” của ông ta khi bà Khadija chết rồi. Như thế đừng nói tới bình đẳng nam nữ. Có lẽ Ả-rập là xứ nóng nên đàn ông “hot” quá chăng, lúc nào cũng bị thúc bách cho nhu cầu của “con đực” cần “con mái” để hạ hỏa!

Đi hành hương Mecca, phải kể tới “cái đình” là lễ bái ở điện Kabah. Người Hồi tin điện Kabah xây bởi trời nên ở đâu tín đồ cũng phải hướng về Mecca lễ 5 lần. Hàng năm, tín đồ Hồi giáo đổ về Mecca như một biển người vận áo trắng đi vòng quanh hòn đá đen miệng kêu “A-la vĩ đại”. Thực ra điện Kabah có trước Hồi giáo do bộ lạc Quraysh tức bộ lạc của Mô-ha-met trông coi việc lễ bái. Người Hồi dạy rằng điện Kabah xây trong 10 lần: Lần đầu do các thiên thần, lần 2 do A-đam, lần 3 do Sét con của A-đam, lần 4 do A-bra-ham ... lần 9 và 10 do thủ lãnh Hồi giáo xây năm 681 và 696. Điện có khu tường bao quanh, giữa là tòa nhà hình chữ nhật cao 17 thước, dài 13 thước, rộng 12 thước trong đền hòn đá đen chu vi độ 3 tấc, có lẽ là vân thạch từ trời rơi xuống. Đây là nơi cực thánh của người Hồi, tín đồ chạy vòng quanh mong được hôn kính đá đó trong đời ít ra là 1 lần. Nếu Thiên Chúa ở khắp mọi nơi thì việc gì phải đi hành hương hôn kính hòn đá linh vật. Đó chẳng qua là di tích của đạo thờ tình tứ được người sáng lập tôn giáo lồng vào ý tưởng phục vụ xứ sở (Lúc đó chắc Mô-ha-met chưa có ý niệm quốc gia hay đế quốc). Việc này tương tự như ta bảo một người phải hướng về Moscova hay Whashington D. C. lễ năm lần để thần phục đế quốc! Hòn đá kia có gì là linh thiêng? Tục thờ ngẫu tượng, linh vật ở điện Kabah đã có trước khi Hồi giáo ra đời. Ta không rõ điện Kabah có từ bao giờ, nhưng chắc chắn không phải do A-đam xây vì A-đam là nhân vật huyền thoại, còn A-bra-ham ở đất UR tức là Irak ngày nay. Không có chuyện tích nào của A-bra-ham liên quan đến Mecca. Chẳng qua thấy “sang bắc quàng làm họ”, Mô-ha-met đã “láu cá” đem A-bra-ham vào Hồi giáo cho có căn bản cạnh tranh với Do Thái giáo.

Xét về địa dư, Mecca đã mất vai trò thống trị từ đông sang tây. Ngày nay không ai đi Mecca để du lịch, các hãng hàng không lớn cũng không có đường bay đến Mecca. Có gì hưởng thụ ở các xứ Hồi giáo? Cấm đánh bạc, cấm chơi cờ, cấm uống rượu, kiêng ăn nhiều thứ, phụ nữ thì bị gói kín trong các tấm áo dài ”Sultan”, luật lệ tôn giáo trị thì khắc nghiệt ... Các tín đồ Hồi giáo vì lòng mộ đạo mà đi hành hương tháng Ramadân, khi biết A-la và Mô-ha-met là ai, chắc gì họ đi nữa?

Mecca thời Mô-ha-mét

Khí hậu nóng nực và khô khan, thành Mecca không xứng đáng là một đô thị lớn, vả lại người Ả-rập vốn khinh đô thị, họ thích sống biệt lập ở sa mạc để được tự do thổ phỉ. Xét về phương diện địa dư thì Mecca không có gì hấp dẫn. Xét về

phương diện tín ngưỡng, Mecca có điện Kabah lâu đời, trước cả thời Hồi giáo thờ đủ các thứ thần và linh vật. Một trong những thần đó là thần Mặt Trăng A-la giao cấu với thần Mặt Trời đẻ ra ba người con gái Al-Uzza, Al-Lat và Manah. Nhờ học được của Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo giáo lý nhất thần, Mô-ha-met đã đem Chúa Gia-hô-vê quàng cho A-la. Từ đó A-la lên ngôi Thượng Đế!

Xét về cá nhân Mô-ha-mét chẳng có gì đặc sắc ngoài tính háo dâm và chính đương sự khi còn sống chắc không ngờ mình làm nên sự nghiệp vẻ vang sau khi chết rồi. Mô-ha-mét thuộc dòng dõi quý tộc của bộ lạc Quraysh cai quản Mecca và làm chủ điện thờ Kabah. Năm Mô-ha-mét chào đời bộ lạc Quraysh chia làm hai phe kình chống nhau. Mô-ha-mét thuộc phe Hashim và phe kia là cháu của Hashim tên là Umayya. Em của Hashim là Abd-al-Muttlib lên làm thủ lãnh Mecca đẻ ra cha của Mô-ha-mét tên là Abdallah. Abdallah cưới bà Aminah đẻ ra Mô-ha-mét. Khi bà Aminah đang mang thai Mô-ha-mét thì cha của Mô-ha-mét đi buôn ở Medina và chết trước khi Mô-ha-mét ra đời. Sáu năm sau bà Aminah cũng chết theo. Thừa bà Aminah có thai Mô-ha-mét, bà bảo mình hay bị thần khí và bọn quỷ viếng thăm. Có lẽ bà thuộc dạng “đồng bóng” ảnh hưởng tới người con Mô-ha-mét. Điều ta biết chắc là Mô-ha-mét sống với ông nội, sau với một người chú hay bác nghèo khó tên là Abu Talib. Người này không đủ khả năng giáo dục Mô-ha-mét, lớn lên Mô-ha-mét không được học hành. Khi đến tuổi trưởng thành Mô-ha-mét muốn cưới một người con gái của Abu Talib bị từ chối, ông đến làm công cho cho bà quả phụ Khadija và cưới bà này hơn ông 15 tuổi.

Trong một chuyến đi bảo tiêu hàng hóa đến Bostra ở Syria, Mô-ha-mét đã gặp phái Nestorius (phái Nhất Tính) của Thiên Chúa giáo (có sách nói ông nhập đạo phái này) và có những thị kiến đầu tiên về tôn giáo. Trở về nhà ông nói cho bà Khadija biết, bà này có người bà con theo Thiên Chúa giáo là Warakah-ibn-Nawfal biết các truyện tích về Cựu Ước, khuyên ông nên theo gương đạo Do Thái và lập tôn giáo mới vì những điều ông nhìn thấy giống như các tiên tri của Cựu Ước.

Một vị “tiên tri” phải nhờ một người theo đạo Thiên Chúa “cố vấn” để lập đạo. Đạo đầu tiên là vợ con ông, dòng họ ông. Dân Mecca tỏ ra thờ ơ với tôn giáo của ông. Ít lâu sau ông di cư tới Medina, ở đây ông phát triển tôn giáo mới: Nhất thần giáo hay lấy các ưu phẩm của Chúa Gia-hô-vê choàng cho Chúa A-la nên rất giống đạo Do Thái. Các cộng đồng Do Thái thấy tôn giáo mới không khác với đạo của mình nên ủng hộ ông. Về sau thấy đạo Hồi hung hăng chém giết quân thù và những ai nhạo báng Mô-ha-mét nên người Do Thái không ủng hộ nữa. Mô-ha-

mét ra lệnh tiêu diệt các cộng đồng Do Thái. Mối thù giữa Hồi giáo và Do Thái giáo phát sinh từ đây.

Abu Sufyan cai trị Mecca biết Mô-ha-mét gây dựng thanh thế ở Medina liền đem quân chinh phạt, Mô-ha-mét bại tẩu. Quân Mecca tuy chiến thắng, nhưng cai trị dờ, về lâu về dài sinh chán nản. Mô-ha-met dùng đường lối ngoại giao ký hòa ước với Abu Sufyan trong 10 năm. Mới năm thứ 2, Mô-ha-mét xé hoà ước với lý do bộ lạc đồng minh của Abu Sufyan đánh Mô-ha-mét, Mô-ha-mét đem quân đánh Mecca. Ông toàn thắng và vào thành Mecca tiêu diệt dòng họ Umayya.

Hợp với nhà cai trị hơn là vị giáo chủ, Mô-ha-mét đã bội tín với những kẻ không ưa ông: các cộng đồng Do Thái, dòng họ Umayya cai trị Mecca.

Mô-ha-mét vào Mecca, việc đầu tiên là ông xoá bỏ các thần phật của điện Kabah, tuyên bố điện Kabah là thánh địa của Hồi giáo cấm người ngoại đạo vào. Điện Kabah từ thời Hồi giáo chỉ thờ một mình A-la, nhưng vẫn thờ viên đá đen xem như một linh vật.

Sử chép rằng Mô-ha-mét đại xá cho kẻ thù nhưng ông tiêu diệt hết kẻ cầm đầu dòng họ Umayya. Mô-ha-mét có điều ước ai trốn trong điện Kabah không bị giết dù là kẻ thù của ông thế mà Ibn Khatal, Kab bin Al-Ashrap vẫn bị Mô-ha-mét sai đồ đệ lôi ra khỏi điện Kabah chặt đầu vì *“dám làm hại A-la và tiên tri của Ngài (Hadith Vol 3 No 72 và No 687)”*

Ngoài ra trong thời gian ở Medina, Mô-ha-mét đã đích thân chỉ huy đánh cướp các đoàn thương hồ đi qua để lấy tiền nuôi quân sĩ và các kẻ theo phò ông từ Mecca trốn qua Medina.

Thăm mỹ của Hồi giáo

Người lập đạo sinh ra và lớn lên ở một bán đảo chỉ có cát bỏng trải dài thành sa mạc, có lẽ đầu óc chỉ tiếp cận với gió cát. Mô-ha-mét đã từng ở lều theo đoàn buôn hay chinh chiến, đã trốn trong hang đá như người ẩn tu. Chắc ông chưa nghĩ tới các giáo đường, các thánh thất, các cung điện nguy nga lộng lẫy mà đồ đệ xây về sau. Thật vậy, khi đã tiếp xúc với Thiên Chúa giáo ở Syria, tướng Khalid và các kẻ nối tiếp đã tiếp thu ngay nền văn minh Bizantine. Kiến trúc nhà thờ Hồi giáo là

kiến trúc Bizantine có mái vòm và tháp chuông cao vút. Người Hồi không dùng chuông trống thì biến tháp ấy thành nơi đặt loa mời gọi tín đồ cầu nguyện. Chịu ảnh hưởng của đạo Do Thái, người Hồi không thờ ảnh tượng. Do đó, hoa văn được các nghệ nhân sử dụng tối đa và họ đã biến kiến trúc Bizantine thành nét đặc thù của đạo Hồi.

Người Hồi xâm chiếm Bắc Phi, rồi Y-pha-nho thì nghệ thuật Hồi giáo đã phát triển rực rỡ viện trợ lại cho Thiên Chúa giáo. Người Hồi ở Bắc Phi không phải là Ả-rập gọi là Maure (Mô-rô), ở Y-pha-nho gọi là Berbere. Y-pha-nho gọi là sứ Andalousie, họ đã xây dựng các thánh thất và cung điện tuyệt đẹp ở Cordoue, Grenade, Seville, Valence.

Người Hồi đã thi hành chính sách tự do, nhất là tự do tôn giáo mà các xứ theo Thiên Chúa giáo không có. Chỉ những người công khai chối rửa Mô-ha-mét mới bị xử tử, nhưng được tha ngay khi rút lại lời nói. Các nhà thờ của Thiên Chúa giáo nay biến thành thánh thất Hồi giáo rồi lại thành nhà thờ Thiên Chúa giáo khi người Hồi bị đẩy ra khỏi Tây Ban Nha. Ai dám bảo đức tin không lệ thuộc lịch sử và địa dư?

Xét ra, cách cầu nguyện của người Hồi đơn giản, không kinh kệ rườm rà, kể lễ nỉ non như của người Thiên Chúa giáo; không hoa tình tục tĩu như của người Ấn Độ giáo; không triết lý vụn như của người Phật giáo. Thử tưởng tượng xem một ngày rêu Chúa A-la năm lần, cả tỉ cái miệng cùng phủ phục lên gối xuống gối quay về một hướng như nhau. Nếu A-la có thật thì A-la bị tâm thần là cái chắc hoặc khó chịu phải nghe những lời nịnh hót “A-la ác lác: A-la vĩ đại”. Luận đề vô thần của Feuerback người tạo ra Chúa đúng trong trường hợp này vì con người tự đem hào quang của mình choàng cho thần phật tưởng tượng. Thử xem kinh Cô-răng viết gì? Ví dụ Sutra 1: Al-Fâtiha:

1. *Nhân danh A-la rất nhân từ rất thương xót*
2. *Tất cả ngợi khen và cảm ơn A-la, Chúa Hằng hữu*
3. *Đáng rất nhân từ, rất thương xót*
4. *Chỉ có Chúa là Chúa tể ngày sống lại*
5. *Chỉ thờ Chúa và nhờ Chúa giúp, vân vân và vân vân ...*

(Kinh Cô-răng 1:1-5)

Chẳng biết văn chương Ả-rập thế nào, nhưng đại khái lời tán thán bằng tiếng Anh thì kinh Cựu Ước đã diễn tả rồi. Nay Mô-ha-mét lấy những ý tưởng ấy choàng đại cho A-la theo ý đồ của ông, có gì mới lạ?

Người Ả-rập vốn sành thơ ca, kinh Cô-răng soạn theo thể Su-tra nên họ cho là hay lắm, chứ đối với ta không biết tiếng Ả-rập thì nó chỉ là những câu tán thán rỗng tuếch. Ta cứ lấy sấm giảng của đạo Hoà Hảo ở ta mà hiểu, có gì là linh thiêng hay triết lý cao siêu trong những sấm giảng ngâu ngao qua lời thơ lục bát? Ấy thế mà người Hoà Hảo trân trọng và quý lắm, coi đức Thầy tác giả của những văn thơ ấy là bậc kỳ tài!

Kinh kê đã vậy, cách diễn tả kinh kê coi không đẹp mắt tí nào. Nó tương tự như người Tây Tang lễ Phật bằng một dàn giá giống kẻ kêu đường bên ta. Con người là bạn hữu của thần linh, sao lại hạ giá con người bằng lễ lạy kém văn minh. Phủ phục như rùa bò để tỏ lòng quá khiêm tốn theo cách “hồi lộ” ông thần trên cao. Thần mà cao quá thì vô ích cho con người, nên hạ bệ thần!

Xét về mặt sinh lý, lên gối xuống gối, chống hông vào mặt người sau tất vận động các cơ ở vùng đan điền (bao tử) sao tránh khỏi những cuộc xì hơi thô bỉ (hadath) ngoài ý muốn mà theo giáo lý Hồi giáo việc ấy không thể tha thứ được, ai phạm tội này phải xuống địa ngục! Xuống địa ngục vì một nhu cầu tự nhiên thì đau thật, A-la đâu còn là A-la nhân từ như kinh dạy!

Xét cho cùng văn minh Ả-rập chỉ hợp với người Hồi giáo ở bán đảo Ả-rập thời hồng hoang, nay nhân rộng cho cả thế giới thời hiện đại, nó lạc lõng vô duyên. Vô duyên như thế nào thì cứ xem phụ nữ Ta-li-băng xứ Á-phú-hãn (Afghanistan).

Cái tội của người Thiên Chúa giáo

Đạo Hồi thừa nguyên thủy là đạo riêng của người Ả-rập trong bán đảo Ả-rập thời. Nó như một phái (sect) hỗn hợp giữa Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và đạo dân gian của Ả-rập chứ chưa phải tôn giáo (religion). Mô-ha-mét thấy được cái lợi “nhất thần giáo” của đạo Do Thái dùng những lời kinh, những truyện tích gọi là khai thị của Thượng Đế quy tụ được dân Do Thái ở tứ tán khắp nơi lại thành một mối. Trong khi các dân tộc Ả-rập chia rẽ và chém giết nhau, ngăn cách vì sa mạc, Mô-ha-mét gom họ lại một mối thờ chung một A-la. Trước Mô-ha-mét, dân cũng

thờ A-la, nhưng bên A-la còn có vô vàn thần, người ta tính được 360 vị thần trong điện Kabah!

Đối với Thiên Chúa giáo, Mô-ha-mét thán phục nền luân lý nên từ đầu người theo đạo Hồi thuộc bộ lạc Quraysh bị Abu Sufyan bách hại, Mô-ha-mét khuyên họ di cư tới các vùng thuộc các vua Thiên Chúa giáo kiểm soát để tìm sự che chở. Giáo lý của Thiên Chúa giáo rắc rối khó hiểu gây ra sự chia rẽ trong đạo này: Phái Nhất tính và phái Luỡng tính đấu tranh với nhau không ngừng về thần tính của Chúa Jesus: Một Chúa mà Ba Ngôi, ba mà một, một mà ba, Mô-ha-mét bỏ quách, chỉ coi Jesus là một tiên tri lớn sau Mô-ha-mét. Chúa A-la của Ả-rập bây giờ là Chúa Gia-hô-vê của Do Thái, lấy các ưu phẩm của Gia-hô-vê như nhân từ, duy nhất, hằng hữu, toàn năng... choàng cho A-la nên A-la từ tà thần tinh tú của nhân loại man di bỗng chốc lên ngôi Thượng Đế!

Đây là cái dở của các phái Thiên Chúa giáo: phái Luỡng tính (Chúa Jesus có hai bản tính: tính Người và tính Chúa, tiêu diệt phái Nhất tính (Chúa Jesus có tính Chúa và tính Người tương tiên vào nhau). Hai phái coi nhau là kẻ thù, thù sống với quân ngoại đạo hơn sống với quân lạc giáo: Lời chứng nghiệm của Chúa Jesus trong sách Phúc Âm trở thành hiện thực *“Ta đem gươm giáo cho thế giới (Mat-thêu 10:34)”*. Lịch sử Thiên Chúa giáo là lịch sử đấu tranh giữa các phái cùng thờ một Chúa: Phái Luỡng tính dùng bạo lực tiêu diệt các phái Nhất tính Nestorius, Arius, Albigenses ... Nay phái Tin lành và phái Công giáo đang giết nhau ở Bắc Ái Nhĩ Lan! Phái Nhất tính phát triển mạnh ở Bắc Phi và Cận Đông bị phái Luỡng tính theo Bizantine đem quân đàn áp ở Syria. Phái này liền cần cứu tướng Khalid chủ soái của đạo Hồi lúc ấy đã bình định xong bán đảo Ả-rập.

Năm 633, Khalid xua quân Hồi ra ngoài bán đảo Ả-rập để cứu quân Thiên Chúa giáo (phe Nhất Tính) ở Syria bị Bizantine (phe Luỡng Tính của Thiên Chúa giáo) đàn áp. Lúc đầu, quân Ả-rập cho tự do tín ngưỡng. Các người theo đạo khác chỉ phải cúng nạp cho quân Hồi một sắc thuế thân, họ không cho những người không phải Ả-rập cải giáo theo đạo Hồi. Quân Hồi mạnh như vũ bão chiếm hết các vùng đất thuộc Thiên Chúa giáo: Ba Tư, Trung Á, Cận-đông, Bắc Phi, Tây-ban-nha, Đông và Nam Âu. Đế quốc Hồi giáo rộng mênh mông từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ 12 là thuộc địa của các vua Ca-líp đóng đô ở Bagdad. Sau đã giàu rồi, người Hồi cho các dân tộc cải giáo để giữ vững bờ cõi. Dân Thiên Chúa giáo theo Hồi hết để khỏi phải đóng thuế thân. Đây cũng là công lao của các đệ tử sau Mô-ha-mét. Sinh thời chắc ông không hề nghĩ tới, ngoài các bộ lạc trong bán đảo Ả-rập. Thế giới Hồi

giáo thuộc về bán đảo Ả-rập giải quyết khó khăn theo ý đồ người lập đạo Hồi, một thứ đạo “lô-can” như đạo Cao Đài, Hòa Hảo ở ta.

Tầm nhìn của Mô-ha-mét về thế giới chưa có làm sao ông nghĩ được phải tung vãi đạo Hồi ra ngoài bờ cõi. Thế giới của ông là bán đảo Ả-rập và “củng cố” văn hoá Ả-rập. Khác với Chúa Jesus là phải Phúc Âm hoá thế giới là rao giảng Tin Mừng cho đến tận cùng trái đất hay như Karl Marx, Lenin, về sau lấy giai cấp công nhân cộng sản hoá thế giới.

Nhờ phái Nhất Tính của Thiên Chúa giáo, Hồi giáo ra khỏi bán đảo Ả-rập và lan rộng ra toàn thế giới. Đó là sự ngẫu nhiên của lịch sử theo qui luật đồng hoá của con người dựa trên lợi ích.

Ngoài ra, nền giáo lý của đạo Hồi đơn giản: không có chế độ tăng lữ, thoả mãn tư dục của con người (đa thê) và tham lam (cướp bóc).

Thanh niên ai cũng muốn hy sinh cho đạo để đời này thoả mãn lòng dục và đời sau lên thiên đường hưởng tiếp! Luân lý của đạo Thiên Chúa làm suy yếu đạo này (yêu cả kẻ thù) không phân biệt bạn và thù trong khi luân lý của Hồi giáo tích cực phân biệt bạn và thù: “hãy tàn sát kẻ dị giáo” như lời dạy của sách Cô-răng. Nhờ vậy, Hồi giáo chiến thắng, đế quốc Hồi giáo lan rộng.

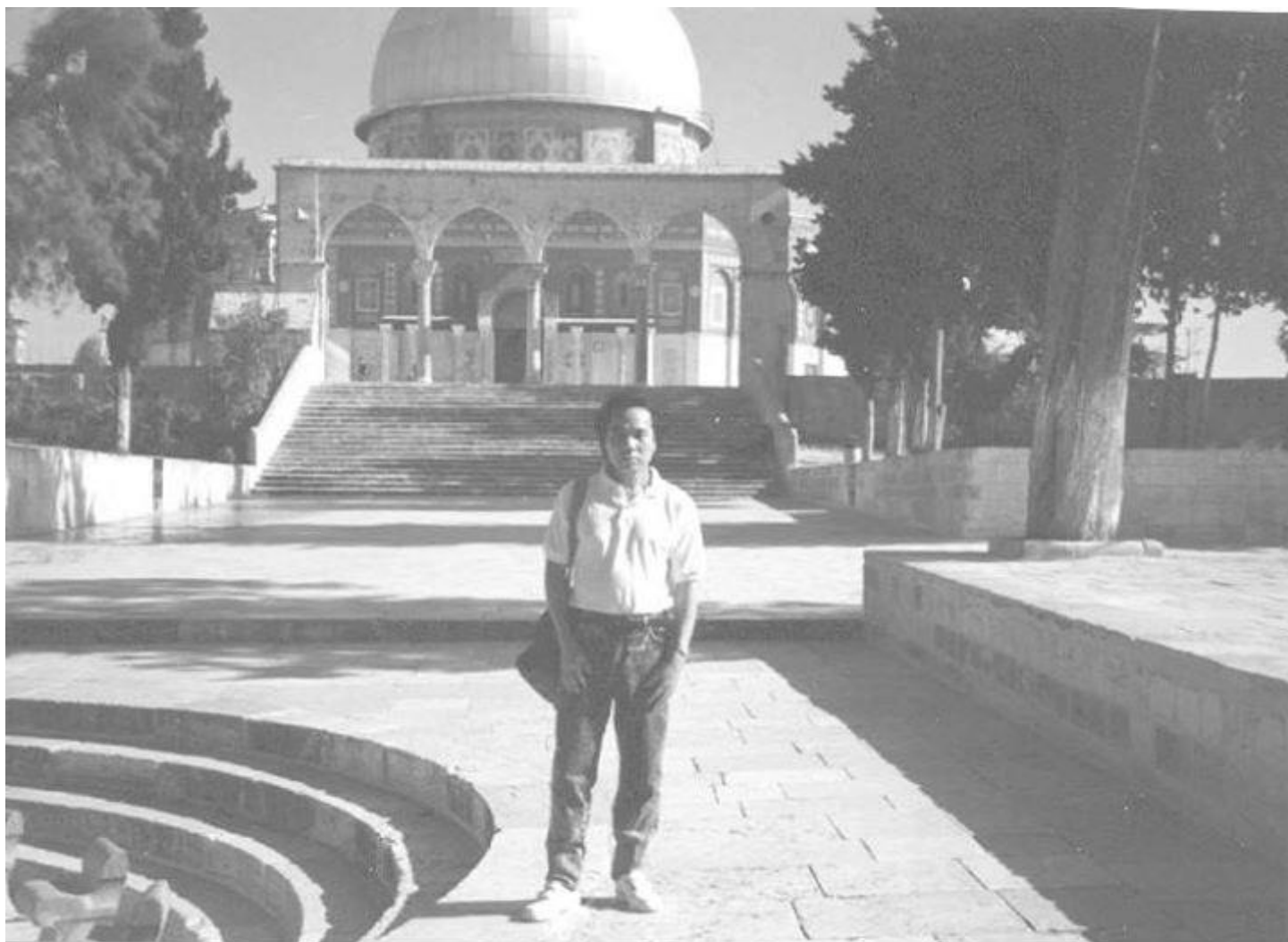
Câu chuyện thời sự

Năm 1991, Saddam Husein đem quân trong chớp nhoáng xâm lăng nước Hồi giáo lân cận Koweit. Cả thế giới giật mình, liên quân Liên Hiệp Quốc do Mỹ chủ động dạy cho Saddam một bài học. Lúc đầu Saddam nói cứng quyết chống Mỹ đến người cuối cùng. Người ta thấy trên T.V. trước hàng quân Saddam trái tím thắm làm lễ Chúa A-la, cho thêu tên A-la lên quốc kỳ. Hành vi ấy chứng tỏ Saddam muốn lợi dụng tôn giáo, tìm sức mạnh của Hồi giáo yểm trợ cho Saddam. Các nước Hồi giáo bất động hoặc về hòa với Liên Hiệp Quốc giúp Mỹ đánh cho Saddam tơi tả. Saddam phải đầu hàng và chịu các biện pháp cấm vận của Liên Hiệp Quốc. Ông Bush Cha làm được kỳ tích là diệt Saddam nhưng duy trì Saddam để cầm chân các thế lực Hồi giáo khác. Trong bài học này Saddam quên một chuyện trong thế giới Hồi giáo, ít ra có hai phe : Shiism và Sunnah kinh chống nhau vì quyền lợi chứ không phải vì đức tin như Thiên Chúa giáo với hai phe Nhất tính và Lưỡng tính.

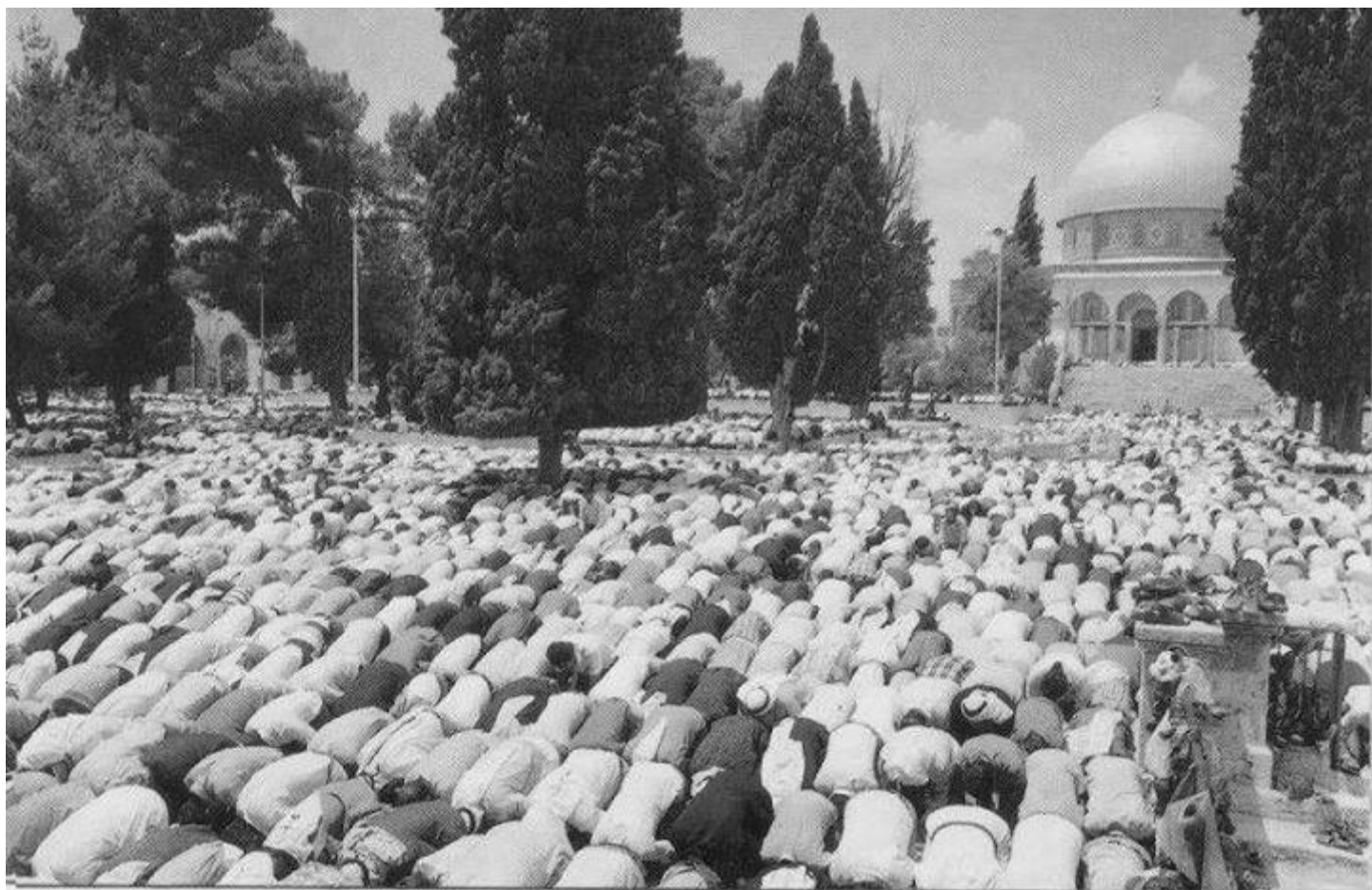
Cùng là hai nước Hồi giáo mà Irak và Iran coi nhau là kẻ tử thù. Kẻ kế vị Abu Bekr là Omar sống đơn giản đạo đức, Othman, Ali, Hasan, Husein ... con rể, cháu của Mô-ha-mét lên làm Ca-lip đều bị thanh toán chết thảm vì quyền lợi của phe đảng mà không vì đức tin. Hồi giáo có truyền thống phản bội nhau dựa trên quyền lợi. Vậy nước bài tôn giáo của Saddam đã hỏng. Nhưng về lâu về dài, lòng ghét biến thành lòng thương hại, Saddam lại nói cứng nào là vì chủ quyền quốc gia, vì nỗi thống khổ của nhân dân Irak ... Saddam tìm mọi cách phục hồi Irak nuôi tham vọng của đế quốc Babylon với vua Na-bu-co-do-no-xo (Nebuchadnezzar), các đế quốc Hồi giáo. Dòng Umayyia vốn là địch thủ của Mô-ha-mét, chỉ theo Mô-ha-mét sau cùng bỏ Medina rời đô về Damascus. Đến triều đại Abbasside, dòng vua Al-Mansur rời đô về Bagdad. Từ Bagdad đế quốc Hồi giáo rực rỡ và rộng lớn nhất bao trùm Ai Cập, Ba Tư, Tây ban nha, Constantinople, đe dọa Nam Âu, chiếm Đông Âu, trọn miền Cận Đông và Trung Á.

Giấc mộng của Saddam là muốn cầm đầu các nước Hồi giáo tạo một đế quốc Hồi giáo chạy dài từ Phi Châu tới Nam Dương và Mã Lai theo cách của đế quốc Babylon hay cách của các vua Hồi triều đại Abbasside.

Lịch sử đã sang trang, Saddam không làm được mặt dù có Nga ủng hộ vì cùng chung một chiến lược ngăn chặn Mỹ. Một tháng sau khi cầm quyền, Ông Bush Con oanh tạc Irak và cương quyết triển khai hệ thống tên lửa phòng thủ, mặc kệ Nga Xô phản đối... Trong bối cảnh này Irak làm được gì? Duy trì Saddam là tạo thêm nỗi thống khổ cho nhân dân Irak.



*Hành giả trước ngôi đền Hồi giáo gọi là
Dome Rock ở Jerusalem*



Các tín đồ Hồi giáo lễ Chúa A-la. Nếu con người là bằng hữu của Thượng Đế thì cần gì phải khiêm tốn quá đáng tế lễ kém thâm mỹ như thế này?

Chương 7

HÀNH HƯƠNG JERUSALEM

by Phan Thiết

Tôi thêm đi lại Jerusalem giữa lúc cuộc chiến gia tăng của người Palestin chống Israel. Mới vài ngày trước đây qua phương tiện truyền thông tôi biết một tài xế Palestin lái xe buýt đâm thẳng vào đám thường dân Do Thái làm chết và bị thương hàng chục người. Trận chiến giữa hai dân tộc Palestin và Do Thái đã nổ ra mấy tháng nay cướp đi sinh mạng của nhiều người. Quả là vùng đất bị chúc dữ

Vùng đất bị chúc dữ

Tôi muốn đi lại Jerusalem, bác sĩ phán có khả năng chết ở dọc đường. Vả chăng, với đôi chân “Tôn Tẫn” này, nếu phải đi bộ nhiều cây số là một cực hình cho tôi. Nhìn bản đồ các tuyến bay của các hãng hàng không lớn, không có hãng nào tới thẳng Mecca và Jerusalem. Tôi phải tới Dubai và Tel Aviv để vào hai thành phố trên.

Như thế, tôi xử dụng đường bộ đi cả ngàn cây số từ Dubai tới Mecca và vài chục cây số từ Tel Aviv vào Jerusalem. Quá vất vả, thầy lại bảo có khả năng chết đường làm tôi lo quá. Lo vì tôi không muốn chết trong lúc này, tôi còn vài đầu sách đang dở lập ngôn cho thế hệ kế tiếp. Độc giả nên rộng lượng cho tham vọng của tôi. Tôi không đi nữa, tìm cách viết hai chương VI và VII còn lại của cuốn sách.

Thành Jerusalem chắc không xa lạ với quý vị, nhất là các đồng bào theo đạo Thiên Chúa thường nghe nhắc tới thành này trong kinh đọc. Các đồng bào phi Thiên Chúa giáo được xem hàng ngày trên T.V. cảnh các thiếu niên Palestin ném đá người Do Thái và bên kia đáp lễ không khoan nhượng.

Vùng đất đầy chết chóc Jerusalem từ ngàn xưa đã bị chúc dữ. Còn nhớ Chúa Jesus trên đường đi thọ án, đã nói trước về thành Jerusalem với các đàn bà đi theo khóc Ngài: *“Hỡi chị em thành Jerusalem, đừng khóc thương tôi làm gì. Có khóc là khóc cho phận mình và con cháu mình. Vì này đây sẽ tới những ngày người ta phải nói “Phúc thay đàn bà hiếm hoi, người không sinh đẻ, kẻ không cho bú mớm! Bấy*

giờ người ta sẽ bắt đầu nói với núi non: đổ xuống chúng tôi đi! và với gò nổng: phủ lấp chúng tôi đi! Vì cây xanh tươi mà người ta còn đối xử như thế thì cây khô héo sẽ ra sao?” (Lu-ca 23:28-31)

Chỉ có Phúc Âm của thánh Lu-ca thuật lại tích trên. Người ta thấy lời chúc dữ đã ứng nghiệm vào thành Jerusalem năm 70 sau Tây lịch. Để đàn áp cuộc nổi dậy của dân Do Thái, tướng La-mã là Titus đã đem quân san bình địa Jerusalem. Cuộc vây hãm xảy ra nhiều tháng, người ta bắn vào thành những xác chết và dân trong thành cạn lương thực phải ăn thịt lẫn nhau. Dĩ nhiên, khổ nhất là đàn bà có con mọn! Sau đó thành vỡ dân Do Thái bị đày đi khắp nơi cho đến ngày lập quốc 1948. Đến nay thành Jerusalem đã được xây lại như dưới thời Thập Tự chinh, liệu sự chúc dữ có còn xảy ra không? Mở sách Cựu Ước, cứ mỗi lần dân Do Thái tể lễ tà thần hay dân ngoại lập tế đàn ở đất Do Thái là mỗi lần Chúa Gia-hô-vê phạt toàn dân Do Thái hay đuổi dân ngoại đi cho khuất mắt (người Anaks, Amalekites, Hititites, Amorites, Canaates...) nói chung là các dân tộc Phi-lit-si-tinh tức Palestin ngày nay.

Đền thờ vua Solomon xây kính Chúa Gia-hô-vê, sau vua Herod xây lại bị quân Hồi chiếm xây đền thờ kính tà thần A-la (Dome of the Rock) dân Do Thái chỉ được cầu nguyện ngoài bức tượng Than Khóc. Chúa Gia-hô-vê mất đền thờ liệu Ngài có nổi giận đuổi dân Palestin đi cho khuất mắt? Tôi nghĩ sẽ có ngày thành Jerusalem ra tro lại, ai biết được? Tình thế này Do Thái không tương nhượng Palestin và ngược lại Palestin không nhượng bộ Do Thái, ai cầm thế chiến nổ ra và thành Jerusalem bị san bằng, ngôi đền kính tà thần A-la sẽ bình địa, họa may sau đó thành Jerusalem mới được yên.

Lời chúc dữ của Chúa Jesus còn đó: Thành Jerusalem bị phá không phải một lần mà nhiều lần cũng như thành Ca-pha-na-um, nơi Chúa Jesus vào đền thờ giảng dạy cho dân, Ngài bị ném đá và lôi lên thành ở núi cao để xô xuống vực cho chết. Giờ Ngài chưa đến nên kẻ giết Ngài không làm gì được. Ngài liền phán *“Tôi bảo thật các ông: Không một ngôn xứ nào được chấp nhận ở quê hương mình (Lu-ca 4:24)”*. Từ đó Ca-pha-na-um không có đền thờ, không một nhà thờ, nhà nguyện nào xây được còn tồn tại. Phế tích Ca-pha-na-um còn đó!

Hành trình thăm Thánh Địa

Băng qua biên giới nước Jordany vào nước Israel. Cửa khẩu giữa hai nước rào kẽm gai trùng trùng điệp điệp và chính quyền hai nước kiểm tra du khách rất kỹ. Tình thế này chứng tỏ cuộc chiến tranh giữa Israel và các nước khối Ả-rập rất căng thẳng. Nước Israel rất nhỏ bé, bé hơn đồng bằng sông Cửu Long ở ta, chỉ cần một ngày đi xe buýt là thăm đủ cả các miền. Dĩ nhiên bạn phải giao hẹn trước với người hướng dẫn vì họ có khuynh hướng kéo dài cuộc hành trình để ta phải tốn thêm tiền! Thực ra, đi thăm Thánh Địa là đi thăm các đồng đất đã ghi dấu chân Chúa Jesus, đâu đâu cũng gặp cơ sở thờ tự.

Chiếc xe chở chúng tôi ghé miền Qumran nằm trên bờ Biển Chết, biển này là dấu vết của hai thành Xơ-đôm và Gô-nô-ra, nước biển mặn đến nỗi không sinh vật nào sống nổi. Thẳng đường trực chỉ thăm thành Jericho và núi Cám đồ ở gần đó. Tương truyền dãy núi khô khan như sa mạc kia là chỗ Chúa Jesus đã ăn chay 40 ngày đêm rồi bị ma quỷ cám dỗ trước khi thực hiện sứ mạng cứu độ. Chỗ này cũng là nơi Thánh Gio-an Tẩy giả đã sống để dọn đường cho đấng Cứu Thế. Sách ghi ông Gio-an ăn mật ong và cào cào châu chấu! Xạo, chứ mật ong và cào cào châu chấu đâu mà có. Đá sỏi kia có vật gì sống được mà có cái ăn. Thành Jericho không còn là thành quách mà là thị trấn đã hiện đại hóa, không còn dấu tích gì ngày xưa như sách Cựu ước ghi với truyện tích hạ thành Jericho: Để đánh thành Jericho, dân Do Thái, dẫn đầu bảy tư tế thổi tù và kiệu Hom Bia đức Chúa đi 6 vòng, mỗi ngày một vòng. Ngày thứ bảy kiệu đủ 7 vòng thì thành phải sập. Ông Giô-Suê vào thành rồi thì tàn sát hết đàn ông, đàn bà, trẻ con, cả gia súc nữa để làm lễ tru diệt hiến dâng lên Đức Chúa trừ nạng gái đĩ Ra-kháp để cho sống vì có công che chở gián điệp. Giết sạch, đốt sạch, ta thấy được sự tàn ác của quân xâm lăng Israel “bán cái” cho đức Chúa hay đức Chúa tự ý hành động thì đức Chúa quá khát máu. Ghê sợ quá, mối thù Palestin với Israel khởi từ đó.

Thăm thành Jerusalem, thực ra Jerusalem không phải nơi Chúa Jesus sống. Gần đó là thành Be-lem, cách Jerusalem 20 cây số, quê của dòng vua David mà sách Thánh liệt kê Chúa Jesus vào hoàng tộc David. Chúa Jesus lớn lên và sinh sống ở thành Nazareth xứ Judea gần hồ Ti-be-ri-a.

Ở Jerusalem, ta không thể bỏ qua các địa danh cần thăm viếng: thăm đền thờ vua Solomon dâng kính Chúa Giê-hô-va, sau vua Herod xây lại nay là ngôi đền Hồi giáo có tên gọi Dome of the Rock (hay đền Mái Vàng) thờ tà thần A-la. Bạn phải mặc nghiêm chỉnh, phụ nữ phải trùm tấm “Sultan” mới được vào ngôi đền có mái dát vàng kia. Trong đền trông trợn ngoại trừ hòn đá được bọc kín tương truyền lót

chân cho Mô-ha-mét lên trời. Xạo, chứ lịch sử Hồi giáo đâu có ghi Mô-ha-mét vào Jerusalem ngoại trừ Mô-ha-mét đi Jerusalem trong một giấc mơ rồi bay lên trời gặp Môi-sen, A-bra-ham, Jesus ... và trở lại Mecca trong tích tắc. Đi kiểu này sao giống truyện của Bồ Tùng Linh quá thể mà người Hồi giáo tin là có thật. Jerusalem cũng là thánh địa của họ.

Thăm nhà Tiệc ly, người ta đã tái lập một căn nhà có phòng ốc ở trên cao gọi là phòng Tiệc ly, kỷ niệm chỗ Chúa Jesus ăn bữa cuối cùng.

Thăm nhà Cai-pha, ở đây đã tái lập phòng giam Chúa Jesus là một cái hồ kín mít, nhốt và thả tù nhân phải buộc dây kéo lên. Thăm vườn cây Dầu, chỗ tường truyền Chúa Jesus bị bắt, nay còn mấy cây ô-liu rào kín. Sợ khách hành hương bẻ cành lá, người coi giữ vườn cây Dầu nói với chúng tôi cây dầu này sống từ thời Chúa Jesus! Tôi mỉm cười không tin, cây gì mà thọ hai ngàn tuổi.

Cửa Đông là chỗ Chúa Jesus vào thành Jerusalem, nay xây kín và ở thành ngoài người ta xây một nhà thờ kính thánh Ma-đa-lên-na. Bà thánh này xuất thân là một gái điếm, được Chúa Jesus cứu cho khỏi bị ném đá chết, vài cuốn sách ngoại thư bảo bà là người tình của Chúa Jesus, làm đề tài cho cuốn phim “The last Temptation”.

Sách Phúc Âm chỉ thuật đời công 3 năm chót cuộc đời của Chúa Jesus. Chắc suốt cuộc đời ẩn dật 30 năm Chúa Jesus có lên Jerusalem mấy lần làm nghĩa vụ tôn giáo nên chỉ thuật phớt qua và ta cũng không biết gì hơn 30 năm Chúa ở Nazareth, gần hồ Galilee vì thế Chúa có tên khác là người Galilee.

Cái đỉnh của cuộc thăm Jerusalem là đi đền Thánh Giá từ dinh Phi-la-tô đến núi Ca-va-ri-ô. Sách ngoại thư của Thiên Chúa giáo viết đoạn đường này dài 1230 bước, chẳng biết sách căn cứ vào đâu để viết lên con số ấy vì bước đi tùy theo chiều cao của thân thể, nhưng cứ thực tế thì đoạn đường dài trên dưới một cây số. Con đường ngoằn ngoèo hẹp như một con hẻm ở bên ta. Người ta xây các chặng đường Thánh Giá ở bên đường lẫn vào nhà ở của cư dân. Cái khổ của đôi tai và lỗ mũi của du khách là ta không cầm trí được mà đi đền Thánh Giá: này nhé tai bạn phải nghe léo xéo lời chào của các em bé mời mua đồ lưu niệm, mũi bạn phải ngửi mùi thịt nướng thơm phức từ các quán cóc ven đường. Cảnh này mà có thời Chúa Jesus thì Chúa đi chịu chết sao đành! Cảnh trong phim là người ta bịa ra đấy đã hư cấu bỏ đi hết cái thực tế. Chặng đường Thánh Giá cuối cùng là mộ Chúa. Vừa bước chân vào

mộ, lỗ tai ta phải khổ vì lời cầu nguyện ồn ào của ngôi đền Hồi giáo bên cạnh cứ “A-la ác-lác” hoài! Tiếng loa phóng thanh kia có im đi cho du khách nhờ không? Cái tôn giáo nặng phần trình diễn của đạo Hồi làm ta khó chịu hơn là cầm trí mà cầu nguyện: “Thượng Đế vĩ đại”, nói quá hoá ra Thượng đế có cái đuôi lớn. Ở Úc, trong thành phố nọ có một ngôi đền Hồi giáo nằm lọt vào khu dân cư, máy phóng thanh kêu 5 lần một ngày “A-la oát-béch”. Người lân cận tức quá vì bị làm ồn, xách súng bắn cho vỡ các loa kia đi từ đó tiếng loa câm bật. Thượng Đế mà quấy rầy cuộc sống của ta, ta nên hạ bệ tính ưa nịnh hót con người gán cho Ngài. Ở Nam Úc, cư dân đã đốt một chùa thờ Phật vì bị cản trở giao thông và họ không muốn ngửi mùi nhang! Các nhà thờ ở Úc không dám đánh chuông trừ 9 giờ sáng chủ nhật, họ tôn trọng giờ nghỉ ngơi của nhân dân, cho hay tôn giáo nào cũng phải phục vụ dân sinh, nếu không hạ bệ quách, chết ai! Ai dám kêu kỳ thị tôn giáo?

Mãi nói, lạc đề. Nay quay trở lại Mộ Chúa, khu này do Chính Thống giáo quản lý. Các ông tu sĩ (?) Chính Thống mặc đồ đen ngồi rải rác kiểm ăn bằng cách cầu nguyện thay cho du khách. Bạn muốn cầu nguyện ư? Cứ bỏ tiền vào đĩa của các ông thầy tu kia, tất được thỏa mãn. Có vậy mới đủ tiền nuôi vợ con họ, âu cũng là một sinh kế nhàn hạ. Nhìn cảnh này giống mấy ông thầy bói ở bên ta, chẳng đẹp tí nào! Khu Mộ Chúa còn có núi Ca-va-ri-ô. Có thấy núi non nào đâu? Có lẽ người ta đã san bằng để xây dựng các công trình tôn giáo. Còn nhớ, thế kỷ 11, người Hồi cuồng tín đã phá Mộ Chúa gây ra cuộc Thập Tự chinh giống như ngày nay quân Ta-li-băng Hồi giáo đang thi hành chính sách khủng bố, phá huỷ các công trình nghệ thuật có tính cách tôn giáo khác Hồi ở A-phú-hãn. Liệu Liên Hiệp Quốc có cho quân Ta-li-băng một bài học không?

Sự thương khó của Chúa Jesus đã được bốn sách Phúc âm ghi ký đầy đủ, ta không nên hư cấu làm cho quá bi thảm. Ví dụ: đêm Chúa Jesus bị bắt giải về dinh Cai-pha, sách ngoại thư của Thiên Chúa giáo Việt Nam ghi: *“Chúng buộc dây vào cổ đức Chúa Jesus bắt lợi sông, chúng đi trên cầu dòng dây. Thương ôi, giữa mùa đông rét mướt, con đức Chúa Trời chịu ...”* toàn là chuyện bịa đặt, Jerusalem có dòng sông nào đâu?

Rời Jerusalem, ta thăm thành Be-lem, thành Ca-na, thành Narazeth, núi Ca-mê-lô, nơi tiên tri I-sai-a sống trước Chúa Jesus 700 năm, đã nói tiên tri về đảng Cứu Thế sẽ ra đời; miền Sê-sa-rê, nơi thánh Phao-lô làm “cuộc vận lý trường chinh” để rao giảng nước Trời cho đến tận cùng trái đất; miền Bắc Judea nơi có phé

tích Ca-pha-na-um và kết thúc tại núi Tám Mối Phúc Thật. Cuộc hành trình đi trọn miền Đất Thánh chỉ để xem các đồng đất dẫn ta đến những suy nghĩ sau:

1. Jesus nhân vật lịch sử

Hầu hết các thần, phật người ta thờ đều là nhân vật tưởng tượng, sản phẩm của trí não hư cấu từ cõi không tưởng, không có sử tính: Các thần Hy-lạp rồi các thần La-mã; Các thần Ấn Độ: Brahma, Siva, Visnu; Các phật A Di Đà, Di Lặc, Quán Thế Âm... Chưa từng hiện diện ở hành tinh chúng ta. Chúa Jesus có nằm trong trường hợp ấy không? Những việc kỳ lạ Chúa làm: “Cho kẻ chết sống lại, kẻ què được đi, kẻ câm được nói, kẻ mù được thấy; các hiện tượng tự nhiên phải vâng lệnh Chúa ...” khiến ta nghi vấn, Chúa Jesus cùng một “duộc” các thần phật bịa đặt?

Không phải giả tạo như lịch đo thời gian phân biệt A. D. (Anno Domini) và B. C. (Before Chirst), căn cứ vào Bốn Phúc Âm thuật cuộc đời của Chúa Jesus có những tiểu tiết sai lệch, nhưng đại thể giống nhau, ta biết có nhân vật Jesus đã hiện diện một thời ở hành tinh chúng ta. Cho dù năm sinh của Chúa cộng thêm 4 năm vẫn có nhân vật Jesus. Không lẽ lời chứng của 4 người được xem là đồ đệ của Jesus cho nhân loạn ăn “quả lừa” và để làm gì? Theo luật dân sự, chỉ cần hai người chứng đã đủ, đây có bốn người chứng. Các sử gia sinh đồng thời với Chúa Jesus, hoặc sau Chúa ít lâu như Flavius, Tacitus cũng mô tả cộng đồng Thiên Chúa giáo đầu tiên phải dựa trên cái danh của Jesus, vậy Jesus phải có thật. Nhân vật cả 4 Phúc Âm cùng đề cập là Phi-la-tô còn bìa ký từ thời đó để kỷ niệm ông, không lẽ câu chuyện của ông về Chúa Jesus là bịa đặt?

2. Cái quan trọng là Chúa Jesus dạy gì?

Chúa Jesus không dạy khoa học, kỹ thuật; không dạy sự khôn ngoan, sự khôn ngoan của Chúa dạy có lẽ còn thua sự khôn ngoan của Không Tử bên Tàu dạy, Chúa cũng không dạy nếp sống văn hoá đi vào tiểu tiết cách ăn, cách ở, cách giao tiếp... không, Chúa dạy điều mà đạo Do Thái trước đó không dạy và đạo Hồi sau Chúa cũng không dạy: đó là tình yêu: yêu Chúa và yêu người, không ai là kẻ thù của ai.

Luân lý của đạo Do Thái là ăn miếng trả miếng “mắt đền mắt răng đền răng”.

Luân lý của đạo Hồi là chỉ yêu thương phe đảng, ai khác mình, dị giáo thì giết đi.

Luân lý của đạo Phật dựa trên tham vọng chiếm cho được “quả bồ đề”. Có vài bồ tát (tưởng tượng) hy sinh cứu đời mong cho được quả bồ đề, mau thành chánh đẳng chánh giác. Tiền thân của Phật Thích Ca hy sinh cả vợ con, bất kể sự đau khổ của các người này để mong đạt tới chánh giác. Chỉ có Khổng Tử gần Chúa Jesus hơn với phương châm: “Sở kỷ bất dục, vật thi ư nhân”. Nhưng Khổng Tử còn thua Chúa Jesus ở chỗ phải yêu thương cả kẻ thù “Ai tát má phải ta cho tát má trái. Ai lấy áo ngoài ta cho lấy áo trong”.

Ai chấp nhận luân lý của Chúa Jesus thì theo Chúa để chấp nhận điều mặc khải vượt lý trí sau:

3. Jesus, duy ngã độc tôn

Việc Jesus ra đời gọi là cứu chuộc, chỉ mình Jesus làm được. Người khác chịu đau khổ như Jesus hoặc hơn Jesus nhưng chỉ có giá máu của Jesus là có giá trị gọi là cứu chuộc tức là ơn cứu chuộc:

“Tôi là cửa, ai qua tôi mà vào thì sẽ được cứu” (Gio-an 10:9)

Người Do Thái đáp : *“Chúng tôi ném đá ông, không phải vì một việc tốt đẹp, nhưng vì một lời nói phạm thượng: ông là người phạm mà lại tự cho mình là Thiên Chúa”.* (Gio-an 10:33)

“Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời” (Gio an 3:16). Ghi chú thêm: Con Một chỉ Chúa Jesus.

Phải nói rằng loài người tự biết về Thiên Chúa Tối Cao một phần nào nhờ lý tính, vật chất như Ấn giáo nắn sinh thực khí mà thờ, hay nữ thần Kali sát thủ, ta vẫn nhìn thấy Thiên Chúa sinh muôn vật và hủy diệt muôn vật. Lý Thái Cực của Trung Hoa là tột đỉnh của Thiên Chúa Chân Thiện Mỹ; Gia-hô-vê của Do Thái thì công thắng đến độ sát máu, mang bản sắc dân tộc Do Thái, ngay đến A-la xuất thân từ tà thần vẫn mang ước vọng của con người về Thiên Chúa tuyệt đối.

Chỉ có Chúa Jesus mạc khải về Cha (tức Thiên Chúa Toàn Năng) cũng không cho chúng ta biết gì hơn, hình như Chúa để cho công trình của loài người cộng tác thêm tìm biết các ưu phẩm của Chúa. Chúng ta tin vào Cha vì Chúa Jesus tự nhận từ Cha mà đến, tin Chúa Jesus thì phải tin Cha, tin Thần Khí (Chúa Thánh Thần). Cha và Thần Khí không hiển hiện cho ta thấy và nghe, ta tin Cha và Thần Khí vì ta tin Chúa Jesus. Công trình của loài người về sau: Thiên Chúa Ba Ngôi. Đó là tất cả đức tin của người Thiên Chúa giáo vừa nghịch lý vừa là ơn huệ Chúa ban, không thể hiểu nổi Một là Ba, Ba là Một, ta gọi là sự màu nhiệm: màu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi. Không lạ gì Do Thái giáo và Hồi giáo vẫn còn ăn khách vì không có màu nhiệm Chúa Ba Ngôi!

Vậy Chúa Jesus:

Đấng duy nhất Cứu Chuộc.

Đấng duy nhất mạc khải Chúa Ba Ngôi mà không dùng từ Ba Ngôi.

4. Đức tin Thiên Chúa giáo dẫn ta đến hai phản diện cần suy nghĩ:

Phản diện 1:

Jesus cuồng tín và làm quốc sư.

Đây là luận đề của nữ thần học gia Barbara Thiering với hai tác phẩm “Jesus the man, Jesus after Crucifixion” và nhiều tác giả khác bảo rằng Jesus là một người cuồng tín, có tham vọng đuổi người La-mã khôi phục lại đạo Do Thái và “nước” Do Thái.

Về sự cuồng tín có vẻ như Jesus không khoan nhượng khi nói về Chúa Cha và đồng hoá mình với Cha: *Ai thấy ta là thấy Cha ta* (Gio-an 12:45-46). Người Do Thái không chịu vậy, ông Jesus mà ngang hàng với Cha sao được, ông ta là con bác thợ mộc thì có (Gio an 7:25-30), ông nói ông từ Cha mà đến là phạm thượng. Họ bức bối khi nghe như thế và xé áo mình để phản đối (Mác-cô 14:63-64)

Người Do Thái không chịu được kiểu nói “xóc óc” của Jesus khi Chúa gọi các bậc vi vọng của họ là “quân giả hình” hay “họ như mồ mả sơn phết bên ngoài đẹp đẽ”.

Jesus phải chết vì nhận mình là con Thiên Chúa.

Jesus phải chết vì dám nói “xóc óc” về mả mai. Bảo rằng Jesus làm quốc sự chống người La-mã thì không có bằng cứ:

Ngựa là phương tiện chiến đấu, Jesus cưỡi lừa chứ không cưỡi ngựa khi vào thành Jerusalem (Mat-thêu 21:1-11, Mac-cô 11:1-11, Lu-ca 19:28-40, Gio-an 12:12-19)

Jesus không nói dân đừng đóng thuế cho vua La-mã (Mat-thêu 22:15-22, Mac-cô 12:13-17, Lu-ca 20:20-26)

Jesus hoà mình, không phân biệt khi chữa cho một người thân của quân lính La-mã (Gio-an 4:46-54)

Luận đề Chúa Jesus “cuồng tín” có phần đúng, vì nếu Jesus là Chúa, Jesus không thể nói dối về mình (Gio-an 8:45-47). Còn việc Jesus làm quốc sự dẫn đến cái chết thì không có bằng cứ vì nước của Jesus không thuộc về thế gian này (Gio-an 18:36). Dù sao những suy đoán của bà Barbara chỉ là những suy đoán. Có thể thực tế khác hẳn.

Phản diện 2:

Jesus và đàn bà

Ta không biết gì về cuộc sống riêng tư của Jesus từ năm trưởng thành (16 tuổi – 30 tuổi) đến năm thi hành sứ mạng công (30 tuổi – 33 tuổi). Bảo Jesus là Chúa có hai bản tính thì bản tính loài người phải được thực hiện đầy đủ nếu coi tính dục (sex) không phải là cái tội thì Jesus cũng như chúng ta thôi: cũng có những thèm khát sinh lý, cũng có những cơn nứng tình tự nhiên rồi xuất tinh trong giấc ngủ. Cái

tuổi 16 đến tuổi 30 là tuổi nhiều sinh lý nhất cho một nam nhân. Hoàn toàn không có thông tin nào trong Phúc Âm, vậy cứ lấy ta ra mà hiểu.

Trong cuộc đời công, sứ mạng của Jesus là cứu chuộc, mạc khải Chúa Cha và Thần Khí, ta cũng thấy vắng bóng phụ nữ, kể cả những con cám dỗ của Chúa mà theo lẽ tình dục là món cám dỗ nhất. Sách ngoại thư, gọi là Phúc Âm thánh Phi-líp-phê, Phúc Âm thánh Tô-ma viết rất muộn về sau (của nhóm Cop-tic từ thế kỷ 4) mô tả Jesus có những liên hệ tình dục như hôn môi người tình, bà Ma-da-len-na là người tình của Chúa theo lẽ cũng chỉ là những suy đoán. Trong 4 thế kỷ Phúc Âm đã bị nhìn theo phong tục tập quán địa phương, cái hợp lý nhất phải là tình dục được hư cấu!

Gần chúng ta hơn, văn hào Nikos Kazantzakis (1883 - 1957) hư cấu cốt truyện để viết nên tiểu thuyết “Christ Recrucified” cho Chúa Jesus lấy vợ, lấy cả hai chị em bà Ma-da-len-na và Mat-ta. Tiểu thuyết này sau làm đề tài cho cuốn phim “The Last Temptation” bị phản đối dữ quá, vì làm bản hình ảnh đáng Cứu Thế. Chuyện chẳng đáng ồn ào, sự hư cấu cũng như suy đoán được tự do vì chúng ta không có những thông tin chân thật. Duy một điều đừng lẫn lộn hư cấu với thực tế, tuy hư cấu như sự thật vì hợp lý. Do đó bà Barbara bảo Chúa Jesus có vợ không làm cho những ai tin vào Phúc Âm thánh Mat-thêu, Mac-cô, Lu-ca và Gio-an bối rối vì Chúa Jesus có hai bản tính, tính người phải được thi hành nguyên vẹn nghĩa là dương phải có âm thì mới hợp lẽ tự nhiên.

Quy tụ một dân Chúa

Đạo ta, đảng ta, phe ta, giai cấp ta ... tính phe đảng của con người phát sinh từ thuở lọt lòng. Nhìn một em bé coi TV chiếu phim “mọi” da đỏ và những kẻ da trắng đi chiếm đất. Cứ mỗi lần có chiến thắng là em la lên “phe ta thắng rồi”, em chẳng cần biết phe nào phải phe nào trái. Phe nào thắng là phe của em. Tính phe đảng ăn sâu vào xương tủy con người ngay những kẻ theo Chúa Jesus đầu tiên vẫn mắc phải. Sách Thánh thuật: *“Ông Gio-an nói với Chúa Jesus: Thừa Thầy, chúng con thấy có người lấy danh Thầy mà trừ quỷ. Chúng con đã cố ngăn cản vì người ấy không theo chúng ta. Chúa Jesus bảo rằng: Đừng ngăn cản người ta, vì không ai lấy danh nghĩa Thầy mà làm phép lạ, sau đó lại có thể nói xấu Thầy. Quả thật, ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta (Mac-co 9:38-40, Lu-ca 9:49-50)”*. Chúa Jesus đã cho một bài học những ai nghĩ chỉ có mình mới có sự cứu rỗi.

Hiện nay các giáo hội tin theo Công đồng Nicea năm 325 đã lên tới số trăm. Tình trạng coi nhau đứng đưng, bất cộng tác với nhau thậm chí kinh chống nhau, dứt phép thông công (excommunication) nhau, coi nhau là rỗi đạo, không thể có sự cứu rỗi nào ngoài giáo hội của mình là phổ biến. Các giáo hội này mang tịch Thiên Chúa giáo dù khác nhau nghi lễ và tập quán có chung một mẫu số: tin vào Chúa Ba Ngôi, tin Ngôi Thứ Hai cứu chuộc, cùng chung nền luận lý yêu hết mọi người (trừ kẻ rỗi đạo cần xa lánh?). Tiến xa hơn, người ta không theo các giáo hội nhưng vẫn giữ di chúc của Chúa Jesus : *“Làm phép rửa nhân danh Chúa Cha, Chúa Con, Chúa Thánh Thần và dạy họ giữ điều Chúa truyền”* (Mat-thêu 28:19-20)

Rửa tội là dấu chỉ nhập Thiên Chúa giáo từ lúc lọt lòng, ai làm mà chả được.

Tuân giữ điều Chúa truyền, đây là đức ái, yêu thương hết mọi người dù người đó là kẻ thù.

Nước Hoà Lan theo thống kê chỉ số các người theo các giáo hội Thiên Chúa giáo rất thấp, người đi nhà thờ càng thấp hơn thế mà xã hội Hoà Lan là xã hội Thiên Chúa giáo, nhân đạo có thừa.

Trái lại, dân Palestin hầu hết theo Hồi giáo, các bạn thấy gì qua màn ảnh nhỏ? Các thiếu niên Palestin thẩm nhuần luân lý phe đảng của đạo Hồi ném đá người Do Thái, ôm bom tự sát lẫn vào đám đông không cùng đạo cho nổ ... Dĩ nhiên “răng đèn răng, mắt đèn mắt” người Do Thái đáp lễ tương xứng.

Các giáo hội Thiên Chúa tỏ ra lạc hậu lấy cái phụ làm chính, tự be bờ chắn lối làm cho Phúc Âm của Chúa Jesus không tới được nhiều người.

Giáo hội Công giáo chẳng hạn: Đây là giáo hội lớn nhất trong gia đình Thiên Chúa giáo. Từ 2000 năm nay, giáo hội này đã biến thiên nhiều lắm. Sự biến đổi này chứng tỏ tổ chức giáo hội là nhân tạo vì thay đổi theo lịch sử. Giáo hội và nhà nước là một, các vua chúa có thẩm quyền đối với giáo hội, tuyển chọn các giám mục. Nước “Toà Thánh” áp dụng luật lệ như thế gian và là một thứ siêu đế quốc nhận sự đăng quang của vua chúa, thiết lập toà án “Inquisition” thiêu sống bao nhiêu nạn nhân, mở các cuộc Thập Tự Chinh tàn sát “lạc giáo” trái hẳn tinh thần Phúc Âm: tiêu diệt lạc giáo Arius, Nestorius, Albigenses... Cuộc chiến tranh giữa Tin lành và Công giáo suốt 30 năm cướp đi bao nhiêu sinh mạng. Ngày nay cuộc chiến còn đó. Người Công giáo và Tin lành ở Bắc Ái-nhĩ-lan không phải đối nghịch vì đức tin mà vì truyền thống, văn hoá và quyền lợi của phe đảng.

Các giáo hội Tin lành và địa phương tự bản chất là giả tạo vì nếu để Chúa Thánh Thần hướng dẫn mỗi cá nhân trên đường “trọn lành” thì đâu cần tới các giáo hội, tổ chức giáo hội bằng thừa. Giáo hội ra đời chẳng qua vì quyền lợi của phe đảng.

Không định rõ vai trò của mình, giáo hội Công giáo nhảy cả vào khoa học, suýt gây ra vụ án Galilee thời hậu trung cổ. Giáo hội chỉ còn giữ luân lý mà luân lý theo thời, theo miền, gây lúng túng cho giáo hội: Giáo hội chưa có câu trả lời dứt khoát khi người ta chiết được sinh vật như chiết cây. Con cừu Dolly là một bằng chứng, rồi đây áp dụng vào con người thì giáo hội nói sao hay là chỉ biết cấm? Giả sử mai ngày người ta tìm ra sự sống ở các hành tinh khác thì giáo hội nói sao?

Theo tôi, giáo hội chỉ nên giữ tín lý, một thứ tín lý đơn giản, không rờm rà như của các nhà thờ. Đức tin phải công giáo nghĩa là phải phổ quát mọi nơi mọi thời như con phải có cha. Chữ công giáo không chỉ một phái của đạo Thiên Chúa.

Chỉ có tự hủy diệt các giáo hội mới đoàn kết được dân Chúa: Một Phép Rửa, một Đức Tin tin vào Chúa Ba Ngôi là Chúa Trời, Ngôi Thứ Hai là Chúa Jesus cứu chuộc, một Đức Ái yêu thương mọi người. Đây là giải pháp qui tụ dân Chúa. Đại kết khác chỉ có hình thức, đại kết như trò đùa và không đại kết được ai.

Lời cầu nguyện trên núi

Tám Mối Phúc Thật

Chúa Jesus không cấm ta cải tạo thiên nhiên để làm giàu, không bảo ta hủy bỏ hôn nhân để lên thiên đàng... Ngài không cấm gì cả, nhưng trước hết ta phải có lòng. Nếu ta làm giàu bằng cách bóc lột đồng loại, ta không có tinh thần khó nghèo. Nếu ta có nhiều vợ, lập cả một “harem” để thỏa mãn dâm dục: Sức ta có hạn, ta không thể cung cấp sinh lý cho bấy nhiêu chị em cũng cần sinh lý như ta. Ta không có lòng thanh sạch, chỉ có lòng tham trong quan hệ trai gái. Nói tóm lại ta thiếu đức ái trong cuộc sống.

Chúa không hứa cho ta lên thiên đàng có rượu ngon, gái đẹp, hai tay dắt hai vợ, cùng với vợ an nhàn như thiên đường của đạo Hồi. Ngài hứa hưởng Thiên Chúa vì Thiên Chúa là tất cả hạnh phúc:

Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó vì nước Trời là của họ.

Phúc thay ai hiền lành vì họ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

Phúc thay ai sầu khổ vì họ được Chúa an ủi.

Phúc thay ai khát sự công chính, họ sẽ được Chúa thoả lòng.

Phúc thay ai xót thương người, họ sẽ được Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch họ sẽ được thấy Chúa.

Phúc thay ai xây dựng hòa bình, họ sẽ là con Chúa.

Phúc thay ai bị hại vì sự công chính, vì nước Trời và vì danh ta, phần thưởng của họ sẽ bội hậu.

(Mat- thêu 5:1-12, lu-ca 6 :20-23)

Lạy Ngài Jesus, xin cho tôi được giữ lòng Tám Mối Phúc Thật để tôi được Chúa làm gia nghiệp đời này và đời sau. Amen!



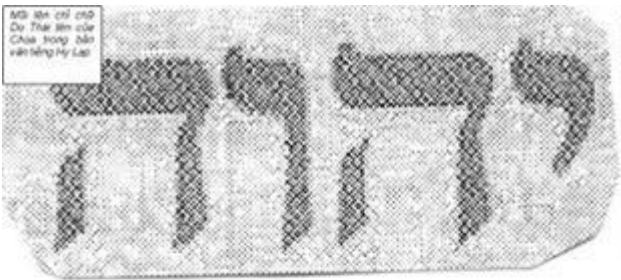
Hàng chữ khắc từ thời La-mã 'IVS Pilatvs'. Phi-la-tô được 4 sách Phúc âm ghi ký, là nhân vật có thật thì Chúa Jesus cũng có thật. Phải kể đến sử tính cuộc đời Chúa Jesus theo 4 sách Phúc âm Mát-thêu, Lu-ca, Mác-cô và Gio-an.

Chương 8

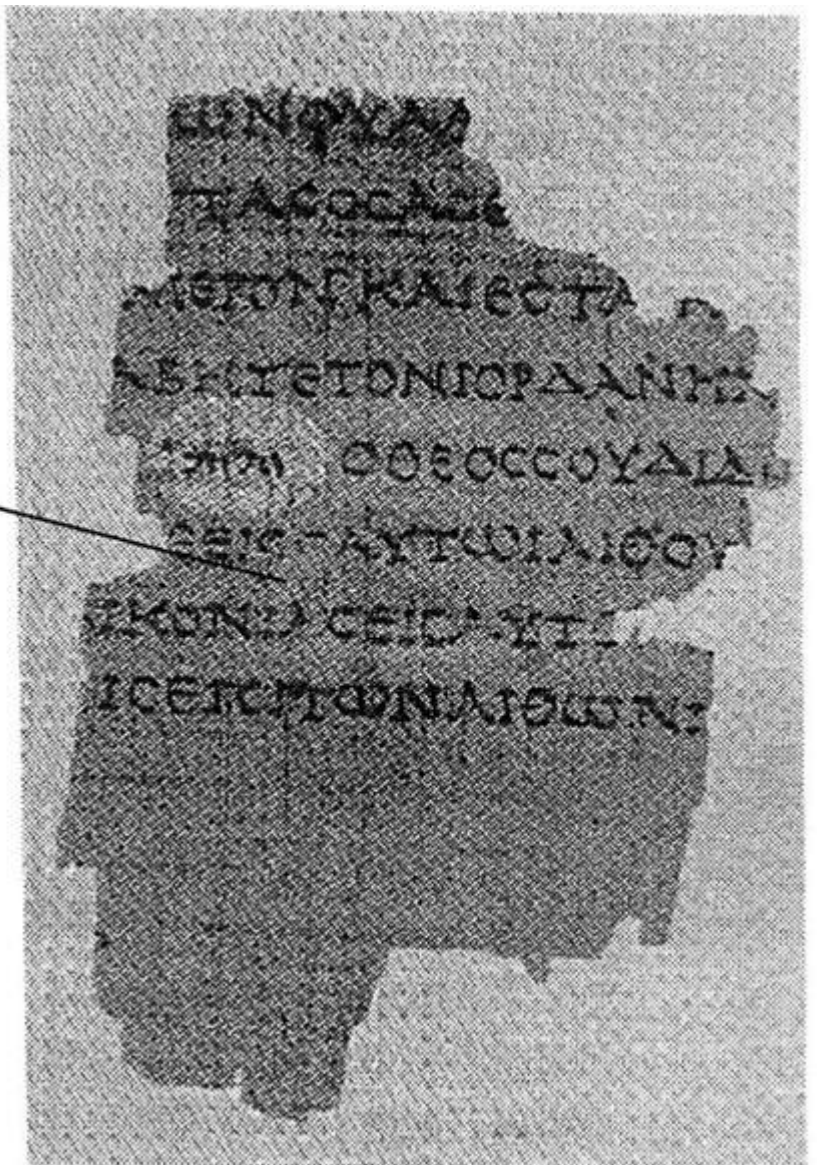
CỨU ĐỘ HỌC

by Phan Thiết

Phải nói rằng các giáo hội Thiên Chúa còn mơ hồ về khoa *cứu độ học*. Đây là môn học mới tôi nghĩ thêm vào ý tưởng đấng Cứu Thế (savior, saviour) một cái đuôi tiếp vĩ ngữ *logy* thành *saviorlogy*: học về đấng Cứu Thế như một thể hoàn chỉnh. Thiết nghĩ các chủng viện nên đào sâu môn học này để không những củng cố đức tin căn bản mà còn tung vãi lòng tin như ‘lưới bắt cá người’.



Mũi tên chỉ chỗ
Do Thái tên của
Chúa trong bản
văn tiếng Hy Lạp



Ai là đáng Cứu Độ?

Khổng Tử dạy thuyết ‘*Tri chi cách vật*’ học biết về sự vật cho đến thấu đáo. Thích-ca dạy ‘cái’ có cái không để đi đến cái không tức giải thoát. Xét cho cùng những cái học này chỉ là cái học biết sự vật trong ta và ngoài ta rất dễ đồng hóa với môn *hữu thể học* (ontology). Cái học đặt ra đối tượng cụ thể như Thập nhị Nhân duyên, Bát Chánh đạo hay Nho học là quân tử và tiểu nhân. Hiếm có ai là thánh hơn như Khổng Tử; Mạnh Tử mới tới bậc á thánh. Người sau tôn xưng Khổng Tử, Thích-ca... là những đáng cứu thế. Sự tôn vinh này không chính danh vì Khổng Tử, Thích-ca không sáng thế và có cứu ai đâu. Các Ngài chỉ mở tri thức, ai theo thì thành phật, thành quân tử hay thánh hơn.

Về Thích-ca không có kinh sách hay học lý nào truyền dạy Ngài là cái gì. Quần chúng tin Ngài là Phật. *Vậy phật là gì?* Trước Thích-ca đã có ‘vua’ phật, có thể dịch Đại Nhật Như Lai (Mahavairocana) hay Nguyên thủy Thiên tôn (?). Vua phật sinh ra phật *Quá khứ*, phật *Hiện tại* và phật *Vị lai*. Mỗi thời 1000 vị như kinh ‘tam thiên phật’ hay phật nhiều như ‘vi trần’, không có câu trả lời!

Tri thức Ngài truyền dạy cũng có giới hạn là không thời gian của Ngài: Phật Thích-ca có bối cảnh là các học phái Ấn Độ và đạo Bà-la-môn thừa Ngài ra đời. Tri thức ấy là **tứ đại** (đất, nước, gió, lửa), hay **ngũ đại** (đất, nước, gió, lửa, không), hay **lục đại** (đất, nước, gió, lửa, không, thức) cho ra một vũ trụ có “tam thiên, đại thiên thế giới”, cõi Diêm Phù Đề của chúng ta có núi Tu Di làm chỗ trú ngụ cho quỷ thần. Nay rõ ràng tri thức này với chúng ta là chuyện Phong Thần nên lui vào quá khứ như núi Olympic của các thần cổ Hy Lạp.

Sự hữu là Thập nhị Nhân duyên, cái này có thì cái kia sinh, không có sự sáng thế thuyết vô thần. Đã vô thì làm gì còn hữu, trái với Bát Chánh Đạo, phương tiện tu chứng mà thành phật. Vô hữu rồi mù chẳng biết thuyết có không ra sao, phân chúng ta bất khả tri.

Định nghĩa phật là “*Tam miệu Tam bồ đề*” nghĩa là bậc tri giác hoàn hảo (Perfect Enlightenment) như tự điển phật học Nyanatiloka đã ghi. *Sự hiểu biết = giác ngộ giải thoát*. Tác động năng lực của trí khôn khác với năng lực hành động chủ thể tương tự như chúng ta được dạy cho biết có Thái-dương-hệ, nhưng chúng ta chẳng làm gì được để tác động vào vòng quay của trái đất và sự vận hành của các

hành tinh. Tri thức của Phật Thích-ca như vậy đó, giả sử có vòng luân hồi, Ngài làm gì được...?

Giả sử phật có trước Phật Thích-ca là một ngôi vị hiểu biết hoàn hảo, biết hết mọi sự, thông suốt ‘lý lẽ’ vạn vật thì hóa thân của Thích-ca không thể là phật.

Kinh sách bảo rằng Thích-ca đã tu nhiều kiếp để thành phật, thế thì kiếp tu sau cùng Ngài không thể lầm lẫn. Thực tế Ngài đã mò mẫm đi tìm đường tu, bị lạc sáu năm tu khổ hạnh. Biết lạc đường, Ngài bỏ tu khổ hạnh, thốt nhiên Ngài ngồi dưới cội Bồ đề mà thành phật! Sự quả quyết do người sau tôn xưng như vậy, phần chúng ta, chúng ta có nghi vấn vì đã sáng suốt toàn hảo thì không thể lầm lạc, bị lạc đường tu. Thuyết luân hồi là kinh nghiệm phổ thông của dân gian ‘*nước đi ra biển lại mưa về nguồn*’ và là đạo lý của đạo Bà-la-môn có trước Phật Tổ, *Thích-ca không sáng chế, không phát hiện ra thuyết luân hồi*.

Về Không Tử, tuy dạy thuyết ‘*Tri chi cách vật*’ nhưng Ngài không biết mặt trời to hay mặt trời nóng gần chúng ta như sách của Liệt Tử đã chép (sách Cổ học Tinh hoa của Lê Văn Ngọc chép lại).

Chỉ có Chúa Jesus là khác, Ngài không dạy khoa học, kỹ thuật, không dạy sự khôn ngoan, không dạy cách ăn nết ở... Ngài đến thế gian để cứu độ.

Có vài thuật ngữ chuyên môn cần lý giải trước khi áp dụng:

1. Ngôi Lời: *Le Verbe* (Pháp), *The Word* (Anh)... từ này xuất phát từ tiếng Hy Lạp: *Logos*. Logos có nhiều nghĩa nhưng nghĩa sau cùng là tư tưởng hay nghĩa lý diễn tả bằng lời nói hay chữ viết (thought or reason as expressed in speech or writing (Encyclopedia of Religion, Tom 9, Page 9). Lời nói diễn tả hành động và chỉ có con người mới hành động hợp lý nhờ có ngôn ngữ. Vì vậy người được xem là Logos đã thoái hóa như học lý của Origen bên cạnh có một Logos toàn hảo là Thiên Chúa. Chúa Jesus được coi là Lời của Thiên Chúa. Bản Kinh Thánh của Hội thánh Tin-Lành dịch là Đạo (trang 137 Ghi-đê-ôn). Có lẽ chịu ảnh hưởng của Lão Tử, nhưng Ngôi Lời chỉ giống Đạo một phần nào, vì Đạo là thuyết phiếm thần.

2. Đấng Thiên sai: dịch từ *Messiah* lấy từ tiếng Do Thái *Mashiah* hay *Mashiyach* tức là đấng *Được-Xức-Dầu* hoặc rộng nghĩa là đấng Giải-Phóng dân khỏi nô lệ ngoại bang như các vua Sao-lê, Đa-vít, Sô-lô-môn... Mai-sen và Jô-sua không thấy nói được xức dầu cũng như Chúa Jesus chẳng được ai xức dầu tôn vương, ngoại trừ bà Ma-đa-len-na xức dầu chân Chúa ngày Chúa sắp chịu nạn... Chúa Jesus được coi là nhà Giải-Phóng vì *Ngài giải phóng nhân loại khỏi tội lỗi (Gio-an 8:31)* nên ta gọi Ngài là Messiah nghĩa là đấng Thiên Sai. (Encyclopedia of Religion, Tom 9, Page 469).

3. Đấng Cứu Thế: Tác dụng của Logos Toàn hảo là sáng thế và cứu thế. Chúa Jesus là Lời của Thiên Chúa nên ta gọi Ngài là đấng Cứu Thế.

Từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời

Nhờ Ngôi Lời mà vạn vật được tạo thành... (sáng thế)

Từ nguồn sung mãn nơi Ngài

Cả chúng ta đón nhận hết thấy các ơn... (cứu thế)

(Gio-an 1)

4. Đấng Giê-su Ki-tô (*Jesus Christ*) thường gọi là *Chúa Cơ-đốc*, *Chúa Ki-tô*, *Chúa Gia-tô*. Chữ Jesus là tiếng Hy Lạp tương đương với tiếng Do Thái Yehoshu'a nghĩa là Yahweh ta gọi là Gia-vê. Gia-vê là thần của Do Thái chuyên cứu dân độ thế. Christ cũng là tiếng Hy Lạp tương đương với tiếng Do Thái Mashiah tức là Messiah nghĩa là đấng Được-Xức-Dầu hay Giải-Phóng dân.

Chứng minh Ngôi Lời = Jesus

Từ Ngôi Lời = ‘Ông’ Jesus là quá trình của **đức tin**

1) Tin vào Thánh Kinh: Thánh Gio-an mở đầu Phúc Âm bằng trang thần học lạ lùng:

Từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời

Ngôi Lời ở cùng Thiên Chúa

Ngôi Lời là Thiên Chúa

Gio-an 1:1

Cả quyển Phúc Âm Gio-an và ba quyển Phúc Âm Mat-thêu, Mác-cô, Lu-ca chứng minh ông Jesus là Ngôi Lời nghĩa là Chúa, là Thần vì **chỉ có thần mới siêu tự nhiên.**

a) Sống và chết không theo quy luật của tự nhiên như sinh ra bởi mẹ đồng trinh, không cần nam nhân; chết đi sống lại.

b) Hành động hay việc làm siêu tự nhiên: cho kẻ chết sống lại, kẻ què được đi, kẻ mù được thấy... Gió bão phải vâng lệnh Ngài...

Chỉ có Thiên Chúa mới làm được như vậy:

Ngôi Lời trở nên người phàm ở giữa chúng ta

Chúng ta đã thấy vinh quang của Ngài

Vinh quang của Chúa Cha ban cho Chúa Con

Kết luận:

Chúa Con = Ngôi Lời = Jesus = Thần

2) Tin vào học lý trước và sau Jesus:

a) Plato (428 – 348 BC), Socrates (469 – 399 BC), Aristotle (384 – 322 BC):
Tinh thần có trước vật chất. Tinh thần tự do và xác là vật chất, ‘nhà tù’ của tinh thần.

b) Thánh Phao-lô: Ngôi Lời là nguồn gốc mọi sự hữu hình và vô hình:

“Nơi Ngài (Ngôi Lời = Jesus) muôn vật được tạo thành dù ở trên trời hay dưới đất, hữu hình hoặc vô hình”

(Thư gửi Cô-lô-xê 1:16-19)

c) Origen (185 – 254)

Nối tiếp học lý Plato, ông dạy tinh thần có trước. Các tinh thần bị thoái hóa sinh ra nhiều cấp bậc tinh thần: thiên thần, ma quỷ, người ta. Duy có một tinh thần trung tâm thuần khiết tức là Chúa hóa thân làm người cứu chuộc các tinh thần khác.

d) Thánh Augustine, thánh Tô-ma Aquinas, Karl Rahner... cốt vẫn là học lý của Plato và Origen.

Tác động của Ngôi Lời

Có hai tác động chính:

1) Ngôi Lời sáng thế: Đây là đoạn văn thần học quan trọng nhất của thánh Gio-an:

Từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời

Ngôi Lời ở cùng Thiên Chúa

Ngôi Lời là Thiên Chúa...

Nhờ Ngôi Lời vạn vật được tạo thành

Không có Ngài thì chẳng có gì

Bản tiếng Anh của hội Gideons:

I'm the beginning was the Word and the Word was with God and the Word was the God

All things were made through Him, and without Him, nothing was made that was made

(John 1:1 - 3 page 1031)

2) Tác động Cứu Chuộc = Chuộc tội.

Thánh Gio-an viết tiếp:

Từ nguồn sung mãn nơi Người

Cả chúng ta đón nhận hết thấy các ơn...

Nhờ đức Jesus Ki-tô mà có

(Gio-an 1:16 – 17)

Nơi khác thánh Gio-an viết:

Nhờ máu Người đổ ra trên thập giá

Thiên Chúa đã đem lại sự bằng an cho muôn loài

Dưới đất và trên trời

(Thư gửi Cô-lô-xê 1:20)

Kết luận: Ngôi Lời sáng thế, các tinh thần (logos) có tự do nên bị thoái hóa, vậy cần Ngôi Lời cứu chuộc đem lại sự công chính cho các tinh thần. Chỉ có Ngôi Lời mới có khả năng cứu chuộc. Các tinh thần với nhau bất khả.

Vậy: **Jesus** = **Ngôi Lời**

Ngôi Lời = **Thiên Chúa**

Jesus = **Thiên Chúa**

Chính danh đạo Ki-tô (Gia-tô) = đạo Thiên Chúa = đạo công giáo. Chữ công không cần viết hoa vì công giáo như công lý. Công lý và công giáo không từ một ai nếu ta còn chấp nhận chúng như công ước chung của nhân loại trừ kẻ vô thần khước từ công giáo và kẻ lập dị khước từ công lý:

Ngôi Lời đã đến trong thế gian

Nhưng thế gian đã khước từ Ngài

Gio-an 1:9 – 11

Cứu độ ai?

Đối tượng được cứu độ

Dĩ nhiên cứu độ các Tinh thần (Logos). Chỉ có Logos mới có đủ lý trí, tình cảm và ý chí tự do, con vật không có khả năng này hay có chỉ là ảo vì không vượt qua mức độ của Logos. Nhìn con vật không thể tính toán như con người. Sự hoạt động của lý trí là quán tính, ví dụ voi vẽ tranh, làm tính, đá banh hay cá heo làm xiếc... Con vật chỉ biết đủ dữ kiện thì nó hoạt động như thế, phức tạp hơn nó chịu thua. Con người thì khác, có khả năng biến báo khi thay đổi điều kiện. Bản năng sợ chết để tồn tại là của muôn loài: Nhìn con ruồi, con muỗi né tránh các loài vật chụp bắt nhưng nó không biết phải né tránh như thế nào khi cạm bẫy phức tạp hơn. Con vật cũng có tình cảm đầy như lũ chim con bị nguy hiểm, chim mẹ gào thét hoặc liều chết xông vào cứu con. Đây là bản năng tự nhiên, con vật không buồn phiền và quên ngay sau vài ngày. Con người thì khác, vui buồn da diết và hiểu rằng kết quả sẽ khác nếu hành động. Con cò mẹ chui vào bẫy để cứu cò con, kết quả cò mẹ chịu

chung số phận cùng chết với cò con. Con người lao mình xuống biển cứu con khi đứa bé bị rơi xuống nước. Trước khi gieo mình xuống biển, con người nhằm tính nhanh khả năng của mình làm được gì dù sau đó anh ta chịu chung số phận với con là chết đuối ngoài ý muốn của mình.

Xác định các Logos như vậy, dù là các thiên thần thanh khiết hay ma quỷ ô trược và loài người nặng nề vì có xác phàm đều ở trong ‘tù trường’ của một Logos Trung tâm. Logos Trung tâm mặc lấy xác phàm hóa thân thành người là Jesus Nazareth để cứu chuộc tất cả các Logos do mình tạo ra:

1) Cứu chuộc các thiên thần: Chẳng có sử sách nào nói họ bởi đâu mà ra, chỉ có lý trí con người suy nghĩ là họ cần phải có. Ngược lại cũng lý trí con người cho họ là bịa đặt, họ không tồn tại bởi lý trí và ý chí của ta tự do!

Trong Thánh kinh, họ xuất hiện mấy lần và cũng được gọi là chủ, chúa (lords), ví dụ sách Sáng Thế 19:1, Mát-thêu 1:20...).

Lý trí bảo họ là những Logos thanh khiết và có đầy đủ khả năng về lý trí, tình cảm và ý chí như ta. Họ có tự do và nhờ ơn sủng của Chúa, họ không làm điều ác nghĩa là tội tự mình làm ra nhưng họ là tạo vật lại biết lành biết dữ nên họ mang thân phận như kiếp người trừ sự bất tử:

Đây là tội tổ tông của loài người: *“bấy giờ mắt hai người mở ra, họ thấy mình trần truồng. Họ kết lá vả làm khố che thân. (Sáng Thế 3:7)”*

Sự trần truồng là ý thức xấu hổ tức biết lành biết dữ. Ta không biết các thiên thần biết lành biết dữ lúc nào, tại sao, nhưng biết trí khôn họ mở ra như con người đánh giá được mọi sự. Họ cũng ‘mắc tội tổ tông của họ’ và cần Chúa cứu chuộc, có điều chúng ta bất khả tri.

2) ‘Cứu độ ma quỷ’: Ta không thấy sử sách nào nói họ bởi đâu mà ra, lý trí của ta nhận định họ cần phải có như các thiên thần. Giáo lý dậy nguyên thủy họ là các thiên thần nên họ cũng có ý chí tự do và linh thiêng như các thiên thần. Vì có ý chí tự do nên họ muốn là Chúa và từ chối nhận ơn cứu độ nên họ là ma quỷ chuyên làm điều ác. Giả sử họ quỳ gối trước Chúa, nhận ơn cứu độ họ lại là các thiên thần. Điều

này không bao giờ xảy ra, vĩnh viễn họ là ma quỷ. Ôn cứu độ cho họ vẫn có, nhưng họ có tự do từ chối.

3) Cứu độ con người: Trước khi phạm tội, nguyên tổ sống hạnh phúc “ngây thơ” không biết tội là gì. Vì ý chí tự do nguyên tổ muốn ‘đảo chính’ Chúa, muốn mình là Chúa nên “mất họ đã mở ra, họ xấu hổ lấy lá vả che thân”. Từ đó họ có ý thức về thiện ác. Thiên Chúa cứu độ con người về khoản này.

4) Cứu độ ‘con người’ ngoài hành tinh: Đây là khoa học viễn tưởng. Rất có thể ngoài trái đất, các hành tinh khác có sự sống. Chúng ta ở trong Thái dương hệ gồm 9 hành tinh xoay quanh mặt trời. Thái dương hệ nằm trong thiên hà có nhiều ‘Thái dương hệ’ gồm hàng tỷ hành tinh. Vũ trụ cực đại gồm nhiều thiên hà, số hành tinh nhiều như ‘vi trần’. Trong số hành tinh đó, ai biết hành tinh nào có sự sống và nếu trên hành tinh ấy có con người dù hình dáng ba đầu sáu tay, thiên thủ thiên nhãn... Không gian không là ba chiều mà là năm chiều, mười chiều... kiểu như ‘người Hỏa tinh’ có cái bụng ổng đầu to đít teo (hư cấu)... Người ngoài hành tinh nếu họ có lý trí, tình cảm, ý chí tự do, họ vẫn được Chúa cứu chuộc. ‘Tù trường của Logos Trung tâm’ vẫn vươn tới họ:

Nhờ Ngôi Lời vạn vật được tạo thành

Trên trời cùng dưới đất

Hữu hình và vô hình

(Thư gửi Cô-lô-xê 1:16)

Dòng chảy hiện

và dòng chảy ngầm

Đức Jesus là ‘dòng chảy’ ơn sủng, còn gọi là ơn sủng hiện và ơn sủng ngầm.

1. Dòng chảy hiện

Chúa phán ai không tái sinh bằng nước và Thánh Thần thì không được thấy nước Trời. Lời ấy giải nghĩa rằng ai không được rửa tội bằng nước không được thấy nước Trời. Rửa tội là một nghi thức trọng thức gia nhập Hội Thánh. Điều kiện thông thường dễ thực hiện và ai cũng có thể thực hiện được miễn có ý biến người khác thành Ki-tô hữu nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi. Điều kiện căn bản là Thánh Thần. Thần Khí Chúa biến cải vô hình vì nếu đổ nước lên mình kẻ khác, không nhân danh Chúa, kẻ ấy không được cứu độ, không phải là Ki-tô hữu. Người Thái Lan, người Lào... té nước lên mình nhau dịp năm mới, họ không nhận được Thánh Thần, trái lại ta có ý hướng cứu phần hồn gấp khi không có nước, ta lấy nước miếng của ta quẹt lên mình kẻ được rửa tội, kẻ ấy được cứu độ. Chúa buộc con người thông thường phải có ý thức và quý trọng ơn cứu độ nên mới cần nghi thức đổ nước hay ngâm mình vào nước. Người đổ nước phải có ý thức muốn sự cứu độ cho kẻ được đổ nước. Kẻ được đổ nước không cần ý thức như bào thai hay trẻ thơ... Nhưng kẻ được đổ nước đã có ý thức họ phải tỏ ý bằng lòng được rửa tội. Xét nghĩ đây chỉ là nghi thức mang tính xã hội, nhiều Hội Thánh Ki-tô chỉ rửa tội cho người lớn đã trưởng thành.

2. Dòng chảy ngầm

Hàng tỷ người không biết Chúa Jesus là ai, họ vẫn nhận được ơn cứu độ: Các thánh tổ phụ như ông Áp-ra-ham, Mai-sen, E-li-a... ra đời trước Chúa Jesus. Các bậc thánh nhơn như Khổng Tử, Mạnh Tử, tổ tiên chúng ta... không biết Chúa Jesus vì ngăn cách không gian và thời đại, các Ngài sống theo lương tri, các Ngài vẫn nhận được ơn cứu độ. Các vị tốt lành, xả thân vì đồng loại dù được nghe nói về Chúa Jesus, nhưng không bao giờ là Ki-tô hữu như thánh Gandhi, cụ Phan Bội Châu... vẫn nhận được ơn cứu độ. Tất cả như ông 'thánh' Trộm Lành từ trên thập giá mình nhận biết Chúa Jesus nên Thần Khí Chúa đã rửa tội vô hình cho anh. Với các vị tốt lành vì tha nhân đồng dạng với giáo huấn của Chúa Jesus dù không nhân danh Jesus, ơn cứu độ vẫn chảy đến họ.

Cứu Độ cái gì?

Câu trả lời hời hợt và dung tục là Chúa Jesus cứu độ kẻ tội lỗi. Đúng và cũng không đúng vì Chúa Jesus chuộc tội thì tội phải là đối tượng của hành vi chuộc tội. Trả lời như thế hàm hồ vì Chúa Jesus không cứu chuộc trực tiếp các tội ta làm như trộm cắp, giết người, gian dâm... Ai tin Chúa càng mạnh, các tội ta làm không xảy ra hay ít xảy ra: Đức tin tỷ lệ nghịch với tội lỗi. Vậy Chúa Jesus cứu chuộc cái gì?

Tội Nguyên Tổ

Kinh Cựu Ước thuật câu chuyện ông A-đam và bà E-và được Chúa cho sống hạnh phúc trong vườn Địa Đàng, được ăn mọi thứ trừ cây ý thức. Nguyên Tổ trước khi phạm tội có lẽ sống ‘ngây thơ’ và hạnh phúc như trẻ nhỏ, không biết tội lỗi là gì vì đã có ý thức về thiện ác đâu mà đánh giá việc thiện việc ác.

Rắn tượng trưng cho ma quỷ lén vào tâm tư ông bà và vì ông bà có ý chí tự do nên ông bà muốn là Chúa bèn ăn quả cây ý thức. Liên đó “*mắt họ mở ra và họ thấy mình trần truồng nên kết lá vả che thân (Sáng Thế 3:7)*”. Hậu quả của việc bắt phục tùng Chúa, muốn ‘đảo chính’ Chúa là ông bà Nguyên Tổ có ý thức, biết xấu hổ, biết thiện ác, biết sợ hãi... Chúa Jesus cứu chuộc cái ý thức này. Ý thức đó vẫn còn cùng với hậu quả của nó là cái chết. Chúa Jesus chỉ cứu chuộc phần siêu nhiên để ta làm hòa với Thiên Chúa khi tin vào Chúa Jesus (dòng chảy hiện) hoặc sống theo luật tự nhiên của Chúa (dòng chảy ngầm). Phần tự nhiên chỉ trả lại cho ta khi ta bước vào thế giới vô hình (cái chết cho linh hồn bất tử như các thiên thần).

Lão Tử dạy sống **vô vi** tức là chủ trương diệt ý thức. Thích-ca dạy **diệt ngã** nhưng ý muốn diệt ngã và vô vi đều là **ý thức**. Các vị thất bại vì ý thức đeo đẳng kiếp người kể từ khi ông bà Nguyên Tổ phạm tội di truyền cho con cháu muôn đời về sau. Cái ý thức làm cho Nietzsche (1844 – 1900) phát điên lên và ông muốn tự tử để được vô vi và diệt ngã. Vòng luẩn quẩn vì ý muốn tự tử cũng là một ý thức!

Tội ta làm

Vì ta có ý thức nên ta mới phân biệt được việc lành việc dữ do đó mới có tội: **Ý thức là mẹ của tội**. Vậy tội là gì? Định nghĩa đơn giản tội là sự xúc phạm tới Chúa và đồng loại. Hiểu như vậy tội phạm chỉ còn là vi phạm nghĩa vụ đối với

Chúa, vi phạm nghĩa vụ đối với đồng loại. Tội này cũng giống và khác với tội hình sự của xã hội. Với xã hội, ta thò tay lấy trộm của người khác mới thành tội, nhưng với Chúa chỉ cần ý muốn lấy của người đã là tội rồi!

Nghĩa vụ đối với Chúa

Người không được vô thần tin không có Thiên Chúa,

Người phải yêu mến Thiên Chúa hết lòng,

Người phải kính trọng Chúa, không lấy tên Chúa ra mà thề vắn,

Người phải gắn bó với Chúa bằng giữ ngày chủ nhật và cầu nguyện luôn với Chúa.

Nghĩa vụ đối với người

Người không được giết người

Người không được làm hại người: thân thể hay trí tuệ

Người không được lấy tài vật của kẻ khác.

Mười điều răn của Chúa nói rõ về khoản này, xin chép nguyên văn bản tiếng Anh của nhà Gideons:

“You shall not murder

You shall not commit adultery

You shall not steal

You shall not covet your neighbor’s house

You shall not covet your neighbor's wife, nor his male servant, nor his female servant, nor his ox, nor his donkey, nor anything that is your neighbor's

Kinh Mười Điều Răn tóm tắt rất ý nghĩa: “Mười Điều Răn ấy tóm về hai điều mà chú: trước là kính mến một đấng Chúa Trời trên hết mọi sự, sau là yêu người như mình ta vậy”.

Có nghi vấn: Dâm dục có phải là tội không?

Dâm là nhu cầu tự nhiên như ăn uống hoặc xếp sau ăn uống vì không dâm chẳng chết ai, nhưng không ăn thì phải chết. Trong mười giới răn, dâm không bị kết tội vì dâm (sexuality), nhưng dâm làm thiệt hại đến kẻ khác thì bị kết tội, dâm như thủ đắc tài sản (possession): do đó không có tội dâm dục mà chỉ có tội xúc phạm tới anh em đồng loại làm thiệt hại vật chất hay tinh thần của người.

Trong bộ Cựu Ước, dâm thuận tình được khoan dung: Ông Lót và hai cô con gái ăn nằm với nhau, họ vẫn là người lành, vua Đa-vít, vua Sô-lô-môn... có nhiều đàn bà, họ vẫn là các minh quân hoặc là vua thánh. Trái lại dân thành Sô-dôm bị hủy diệt vì toan hiếp dâm hai ‘ông’ thiên thần, chàng Ô-năn ích kỷ vì giao hợp đồ tinh khí ra ngoài... Các qui tắc về dâm có tính cách nghĩa vụ hơn là luân lý. Rất nhiều qui tắc ghi trong sách Lê-vi lạc hậu, chỉ là cảnh ngữ của thời kỳ nhân loại còn hoang sơ như coi việc đàn bà xuất kinh, đàn ông di tinh bị coi là tội phải đi tẩy uế và dâng lễ đền tội. Ngày nay việc đàn bà xuất kinh, đàn ông xuất khí là hiện tượng bình thường. Luân lý và luật học Tây phương đã thay đổi nhiều, các qui tắc của tôn giáo không theo kịp và bị coi là lạc hậu.

Nhà đạo lẫn lộn luân lý với nghĩa vụ. Điều răn thứ 6 và thứ 9 trong kinh Mười Điều Răn hàm hồ và đặt sai cảnh ngữ. *Thực ra dâm không phải là tội trừ khi dâm làm thiệt hại người.*

Kết luận cho chương này:

Ngôi Lời là đức Jesus

Đã sáng tạo ra thế gian

Thế gian hư hỏng,

Chỉ có Ngôi Lời mới cải sửa tức cứu chuộc được thôi.

Ngoài Ngôi Lời ra, con người bất khả.

(Diễn ý Gio-an 1:1 – 8)

Nghi vấn đặt ra cho đạo Thiên Chúa về đấng Cứu Thế

1. Nghi vấn

Chúa Trời, Thiên Mệnh, Ngôi Lời... là công trình của lý trí như Origen dạy có *một Logos hoàn hảo* (Ngôi Lời) và *các Logos bị thoái hóa* (người ta, thiên thần, ma quỷ...). Sự thật chẳng ai thấy Chúa Trời và càng khó tin hơn Chúa Trời là ông Jesus trong Ba Ngôi Thiên Chúa.

Suy nghĩ: Lý trí dạy ta có Chúa Trời. Nhưng Chúa Trời còn quá xa lạ với ta nên có khi ta lầm Chúa Trời là cái “Linga” và “Yoni” hay thần Kali... trong Ấn giáo, vân vân... Do đó *cần Chúa Trời phải đến với ta vén màn bí mật Ngài là gì*. Con chim se sẻ sợ ta nên nó bay đi, nhưng khi nó thấy đồng loại của nó không sợ mặc nhiên đứng mổ thóc thì nó sà đến. Cũng vậy, ông Jesus đóng vai con se sẽ không biết sợ mang tính Người và tính Thiên Chúa đến với ta. Tin được ông Jesus là Chúa đòi hỏi phải có **đức tin** mà đức tin là gì? Giải đáp cuối cùng *đức tin là ơn huệ Chúa ban*. Đến đây là bí rồi chỉ còn biết tin vào Thánh Kinh một cách ‘mù quáng’. Gọi là ơn huệ của Chúa vì thiếu gì kẻ như ta không tin nổi, còn ta tin được nên là ơn huệ. Bí mật lại càng bí mật như có kẻ sáng người ngu không ai giống ai, nhưng nếu không chấp nhận một qui tắc chung như các định đề trong hình học thì sẽ không có môn hình học. Có điều ta phải biết rộng để đánh giá đức tin của mình như:

Ông Jesus có xứng đáng là Chúa? Ông dậy gì?

Cuộc đời ông Jesus đầy những kỳ tích như thần, hãy đánh giá những kỳ tích này?

2. Nghi vấn

Thiên Chúa là toàn năng, tạo vật là công trình sáng tạo của Chúa. Tạo vật có những Logos bị thoái hóa cần Chúa cứu chuộc. Muốn cứu chuộc các Logos thì thiếu gì cách hà tất phải dùng thảm kịch của Chúa Jesus. Phải chăng Jesus chết đi sống lại, Jesus biết rõ trước khi chết nên cái chết của Jesus là chết vờ!

Suy nghĩ: Hiển nhiên Thiên Chúa là toàn năng. Ngài muốn làm gì thì làm trừ điều ác vì trái với bản tính chí thiện của Ngài. Trong Chúa qua Ngôi Lời có hai tác dụng: **Một là sáng thế hai là cứu chuộc.** Ngôi Lời sáng thế thì chỉ có Ngôi Lời mới cứu chuộc được, loài người bất khả. Ông Jesus ra đời được xem là Chúa, Ngài mạc khải về Cha và Thần Khí vì chỉ có Ngài đến từ Cha nên mới biết được. Jesus có thể chết già vẫn cứu chuộc được, nhưng Ngài đã chọn chết ở cái tuổi sung mãn nhất của kiếp người ở độ tuổi 33 để chia xẻ thân phận làm người nhập thể và nhập thế. Ngài tỏ bản tính nhân loại của mình là chịu đau khổ và chịu chết bên cạnh bản tính Thiên Chúa là biết trước mọi sự. **Sống trọn bản tính thì không phải giả mạo.** Lý luận chỉ có thể hiểu phần nào, cái chính vẫn là đức tin mà **đức tin phải ‘mù quáng’ như tin vào định đề trong toán học.**

3. Nghi vấn

Nếu có đảng Cứu Thế sao Ngài lại để ‘con cái trong nhà’ chia rẽ nhau. Người Cộng sản cũng biết vậy nên lấy chủ đề này để phủ nhận Thiên Chúa. Vậy đâu là đức tin, đâu là văn hóa, xã hội, chính trị...

Suy nghĩ: Đức tin Thiên Chúa giáo minh bạch và đơn giản như *công đồng Nicea năm 325 đã phán quyết:*

- ***Tin có Thiên Chúa***
- ***Tin Thiên Chúa có Ba Ngôi***

- ***Tin Ngôi Thứ Hai là Chúa Jesus cứu chuộc***

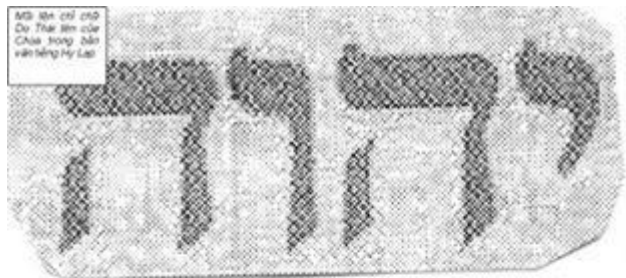
Cái gì khác là do người ta thêm vào mang màu sắc văn hóa, xã hội, chính trị... Vì văn hóa chính trị mà chia rẽ nhau, coi nhau như thù nghịch: Đó là cái tội của các thể hệ đi trước và của các giáo hội thiếu hẳn bản chất của Thiên Chúa giáo là đức yêu thương: Ví dụ các giáo sĩ Công giáo không ban Thánh Thể cho các anh em ở giáo phái khác cùng tin như mình hoặc không ban Thánh Thể cho người đồng tính dục.

Xét cho cùng các giáo hội ra đời do quyền lợi chính trị, màu sắc văn hóa. Kẻ đồng tính dục thường thì tiên thiên như một căn bệnh. Hơn nữa nó mang màu sắc văn hóa xã hội vì là một cách sống (life style) như lối sống của kẻ tu hành ăn chay và không giao hợp

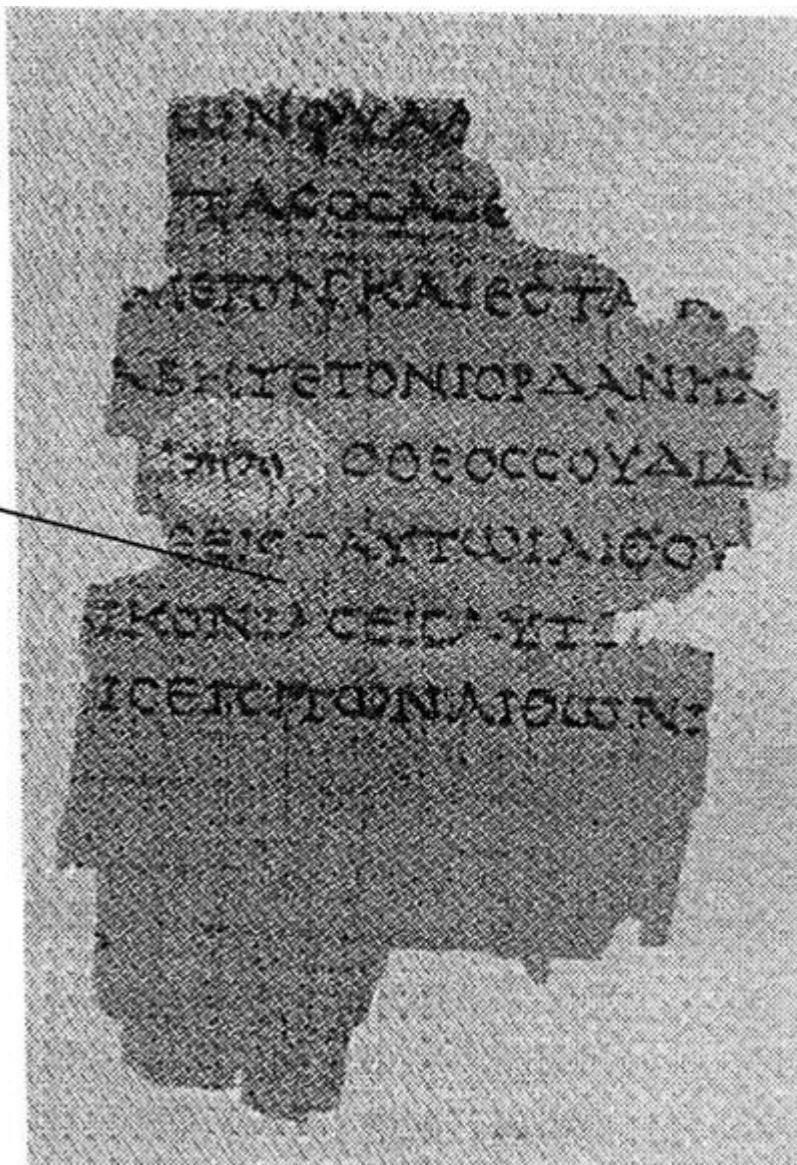
Tất cả những kẻ này đều tin như người Công giáo (trừ phái Jehovah's Witnesses). Thật vô lý và thiếu bác ái khi gạt họ ra khỏi ơn cứu độ của Chúa.

Phải hòa giải với các phái trong gia đình Thiên Chúa giáo. Cái lỗi của người đi trước không thể là gánh nặng cho người đi sau. *Muốn hòa giải phải quên mình đi*, nếu không chỉ là đại kết giả, chẳng giải quyết được gì. Dân Chúa các phái mới có 1/3 còn 2/3 nhân loại không biết hay phủ nhận Chúa. Lỗi tại ai? Đạo Hồi đúng ra chỉ là đạo 'lô-can' hợp với khẩu vị của dân Ả-rập ở bán đảo Ả-rập. Tranh chấp giữa phái Lương Tính của Bizantin với phái Nhất Tính ở Syria khiến phái này cầu cứu tướng Khalid, nhờ đó tướng Khalid tung vãi đạo Hồi ra thế giới. Chưa tồn sao, còn chia rẽ đến bao giờ?

Mũi tên chỉ chỗ
Đo Thái tên của
Chúa trong bản
văn tiếng Hy Lạp



Mũi tên chỉ chỗ
Đo Thái tên của
Chúa trong bản
văn tiếng Hy Lạp



Chương 9

ĐỨC TIN CÒN MỘT CHÚT NÀY

by Phan Thiết



Tôi là người Công giáo, Tin lành, Chính thống? Thưa tôi là tất cả, và trên hết là người Thiên Chúa giáo có đức tin theo công đồng Nicea năm 325 Tây lịch. Công đồng này bắt nguồn từ các Tông đồ đi ngược lên cho tới Chúa Jesus là nền tảng:

Tôi tin một Chúa Ba Ngôi và Ngôi Thứ Hai là Chúa Jesus cứu chuộc vì thế bạn hỏi tôi, tôi đứng ở góc độ nào mà viết tiểu luận này. Tôi trả lời tôi là kẻ hữu thần đi tìm

chúa. Tôi đã ‘gõ cửa’ sàng lọc các thần phật và thấy rằng chúng là đất sét do người ta để chúng lên bàn thờ, trừ đức tin của tôi tin vào Thiên Chúa, ông Trời, Lý Thái Cực... như lý tính đòi hỏi.

So sánh Phật Thích-ca với Chúa Jesus

Phật Thích-ca vô thần, tự mình giải thoát lấy mình, ***Chúa Jesus thì hữu thần*** và phải nhờ ơn cứu độ của Chúa Jesus để giải thoát hay cứu độ.

Hữu thần là luật tự nhiên như *con phải có cha, nước (quốc gia) phải có nguyên thủ*, con người chết đi phải về với thần “sinh ký tử quy” như nhà Nho đã dạy. Con người vô thần “trên không chằng dưới không rề” và khả năng nó làm được gì? Có rất nhiều việc con người không làm được, vậy mà vô thần thổi ta lên đến mây xanh! Cho dù tiến bộ đã làm cho ta thọ hơn, khoa học của thời đại đã làm đảo lộn các định luật cổ hữu như phương pháp 'cloning' chiết sinh vật: âm không cần dương vẫn sinh được. *Tiến bộ như thế con người vẫn phải chết. Ai biết được đằng sau cửa tử và ta cần có thần, cần có đức tin để sống.*

Nhà vô thần Voltaire vẫn phải tạo ra đáng Tối Cao mơ hồ. Người Cộng sản cũng tạo ra lãnh tụ và các điển hình tiến. Người Phật tử tạo ra Phật Thích-ca với những đặc tính siêu tự nhiên để thờ phật như thờ thần. Như thế, *hữu thần hợp với nhân bản hơn đến nỗi người vô thần phải đi tìm hình tượng thần để thay thế.*

So sánh giữa Chúa Jesus và Mô-ha-mét

Tôi bị lạc trong đám hữu thần, như mớ bong bóng. Này đây người ta nắn cái giống của nam và nữ để lên bàn thờ bảo rằng chúa đây. Hoặc Lý Thái Cực, ông Trời ta vẫn thờ thì mơ hồ. Chúa Gia-hô-vê của Do Thái có ngôi vị, có nhân cách thì công thẳng đến độ tàn ác và chỉ là thần của bộ lạc Do Thái. Chúa A-la thần của Ả-rập là tà thần Mặt Trăng thờ trong đám thần của điện Kabah. Nếu dùng lý trí để nhận ra các ưu phẩm của chúa thì Lý Thái Cực của Trung Hoa gần chúa nhất. Ngài là chúa nhưng chúa phiếm thần phải cộng thêm ngôi vị và nhân cách của thần thuộc bộ lạc Do Thái tức Chúa Gia-hô-vê.

Chúa Jesus: nhìn nhận vị thần của Do Thái và rao giảng tình thương khác với tình thương của Do Thái “*răng đèn răng, mắt đèn mắt*”.

Mô-ha-mét: thờ Chúa A-la móc ngoặc với Chúa Gia-hô-vê để chỉ ra rằng Chúa A-la cũng là chúa duy nhất, công thẳng. Chúa A-la theo bản chất của dân tộc Ả-rập quá độc ác. Ai đứng về phe Chúa (kẻ tin) thì để cho sống. Ai không tin (dị giáo) thì giết đi. *Mô-ha-mét có tình thương đấy, nhưng chỉ có tình thương phe đảng!*

Tất cả chỉ là chúa tưởng tượng, sản phẩm của lý trí con người, vì thế nhà vô thần Feuerbach dạy người tạo ra chúa, chứ không phải chúa tạo ra người. Xin ngả nón bái phục nhà vô thần.

Phải đợi đến khi **Thiên Chúa Làm Người** cho viên mãn ước vọng “**Thiên Nhân Tương Dữ**” của nhà Nho ta mới biết được *chúa là cha chung của nhân loại*. Ông Jesus làm được vai trò ấy và ta gọi ông là Chúa, không có ông thì chúa vẫn mơ hồ, tưởng tượng, xa cách con người và con người không cần đến loại chúa đó, có cũng được không có cũng thế, chẳng sao vì là sản phẩm của lý trí phụ thuộc theo văn hóa dân tộc. Do đó người Ấn Độ có thể *nắn cái giống* làm chúa, người Ả-rập gọi là thần Mặt Trăng A-la làm chúa.

Ngoài ra Chúa Jesus còn hơn hẳn Mô-ha-mét về con người thần kỳ, các phép lạ của Chúa nghe được, không giả tạo như của Mô-ha-mét chỉ dụ khi con nít hay người không biết. Giáo thuyết hợp với lòng nhân chung của nhân loại. Lời nói đẹp hợp với những dụ ngôn cụ thể đi thẳng thẳng vào lòng người. *Về đời tư căn cứ vào bốn Phúc Âm không có gì đáng phàn nàn, việc ăn ngủ ỉa đái là bình thường, không dính dấp đến đàn bà con gái khiến ta phải xấu hổ*. Với Mô-ha-mét ăn uống ỉa đái là một vấn đề: Không ăn thịt heo, phải ăn chay cả ngày trong tháng chay (Ramadan) trừ đêm tối. Ỉa đái có quy tắc, không để dính phân và nước tiểu vào người kẻ sa hỏa ngục! Về đàn bà, Mô-ha-mét từng làm quỷ râu xanh, giao cấu với cả trẻ nít chỉ đáng tuổi cháu: Nàng Aisha làm vợ của Mô-ha-mét đã ngoài 50 tuổi, nàng mới có 8, 9 tuổi. Mô-ha-mét đã từng đoạt vợ của con trai nuôi là nàng Zenab và trong đời ông có hàng tá đàn bà đi qua, thượng vàng hạ cám từ nàng nô lệ da đen. Con người của Chúa Jesus cùng có dáng dấp cho ta phục, Chúa biết chữ, đã từng mở kinh Do Thái Talmud ra đọc và giảng giải cho đám đông, còn Mô-ha-mét thì mù chữ, bị rối loạn ở não bộ, mỗi lần lên kinh phong tưởng rằng bị Chúa A-la ộp và sau đó khai thị. Cái gì của Chúa Jesus cũng hơn hẳn Mô-ha-mét, nhưng Mô-ha-mét chết rồi làm

lên đại sự nhờ lưỡi gươm Hồi giáo của các đệ tử. Đó là quy luật chính trị thời nào cũng có, chẳng hạn chúng ta phải phục tùng những thằng ‘*răng đen mã tấu*’ làm quan nhờ đảng phái của chúng nó. Về tri thức, chúng chẳng đáng xách dép cho ta.

Nếu đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi thì hà tất ta phải quay về hướng Mecca lễ một ngày 5 lần. Đó là thủ tục sùng bái đế quốc như ngày nay ta bảo người khác hãy quay về Moscova, Washington lễ ngày 5 lần! Hòn đá đen kia có gì là linh thiêng đáng cho chúng ta đi vòng quanh và hôn kính. Nó là ngẫu tượng của tâm tình man di.

Đáng tiếc hàng tỷ người bị lầm vì ăn “quả lừa” thần thánh. Thằng sáng phục vụ thằng ngu: Ông Phật Thích-ca, Ông Mô-ha-mét như tôi. Các ông có gì cho tôi để lễ các ông. Ông ăn ngủ, ỉa, đái như tôi. Cái mục ‘*ấy*’ làm giỏi hơn tôi, vì các ông có một kho đàn bà: Ông Phật Thích-ca trước 29 tuổi xuất gia có 3 vợ và hàng trăm cung nữ. Mô-ha-mét có ít nhất 22 bà, còn tôi có mấy bà? Xem thế, tôi thua các ông về khoản ‘*ấy*’. Về mặt tri thức, các ông thua tôi. Các ông mù chữ, còn tôi biết cả chuyện trên trời dưới đất, chuyện quá khứ và tiên đoán vị lai “*đem cả thế giới vào phòng ngủ*”. Không, chúng ta không nghe tăng lữ và kẻ lãnh đạo tôn giáo nữa. Lòng nhiệt thành của họ (cuồng tín) cộng với sự ngu dốt thành ra phá hoại xô, đẩy nhiều người vào chuyện chém giết để lên Thiên Đường hay niết bàn “*bánh vẽ*”. Thờ Chúa bằng tâm linh theo sách Cựu Ước hoặc như Chúa Jesus đã dạy cái dơ bẩn là lòng ta, trái tim ta chứ không phải cái ta ăn vào. Bạn hãy như tôi, chúng ta can đảm diệt trừ chủ nghĩa hình thức, xét lại tất cả thánh thần chúng ta tin thờ, loại bỏ tất cả các hình tượng bằng đất sét, từ Phật Thích-ca đến Mô-ha-mét, thần Siva, Visnu, Kali, Quan Thế Âm, A Di Đà... tượng tượng hoặc nhắm nhí nắn cái giống làm thần tượng và thờ các ngẫu tượng kém văn minh ấy. Chỉ có thái độ cương quyết ấy mới giải phóng nhân loại, như nhân loại đã được giải phóng khỏi các thần phật Hy Lạp, La Mã, nay chúng chỉ còn là những chuyện cổ tích. Sự a dua của quần chúng u mê không phải thái độ của kẻ thức giả. Bạn hãy vấn kế lòng mình các cục đất sét kia do tay người nặn lên cứu rồi được ai? Giải phóng được ai?

Đối với ông Jesus, ta tôn ông làm Cứu Chúa, phần lớn cũng không phải vì ông sáng giá hơn các giáo chủ mà vì học lý của ông trọn hảo thỏa mãn ta về quan niệm “*Thiên Nhân Tương Dĩ*” hay nói theo Tây phương là “*Thiên Chúa Làm Người*”, nối trời với đất và từ đất nối tình liên kết với anh em đồng loại, bất kể kẻ đó thua kém ta hay là kẻ thù của ta. Bây giờ chúa không xa lạ hay là nhân vật tượng tượng trong

các tôn giáo ưa lý sự, triết lý vật về thần mà là anh em đồng loại của ta. Ta tôn thờ Jesus vì lẽ đó.

Vì thế ta phải phân biệt cái nào là đức tin, cái nào do lòng nhiệt thành của ta đắp dần vào đức tin làm cho đức tin trở nên rậm rịt và chỉ là văn hóa. Văn hóa là tùy thể, không thể cứu rỗi được ai nên ta ôm tất cả anh em cùng một đức tin khác nhau về văn hóa. Đức tin ấy khởi đi từ công đồng Nicea năm 325 có nguồn gốc từ các Tông đồ của Chúa Jesus. Ta không bỏ Jesus, vì bỏ Ngài ta biết theo ai giữa đám thần phật bằng đất do tay người nắn ra. Thái độ của ta là có hay không và ta cũng chỉ trọng kẻ vô thần hoặc kẻ hữu thần. Kẻ vô thần không tin ai còn kẻ đứng giữa thì lấp lửng có có không không, hay thần thánh hóa các cục đất sét mà xét ra chúng chỉ là những thần linh giả. Đó không phải là thái độ của ta.

Vâng, đức tin của tôi còn một chút này: Tin theo công đồng Nicea năm 325 hay vĩnh viễn là kẻ vô thần không tin gì. Tin theo công đồng Nicea là ơn huệ Chúa ban vì thực sự trước đó chúng ta là kẻ vô thần hơn là tin vào các vị thần câm nín do tay người sáng tạo ra.

Chương tổng luận

CHÚA JESUS

by Phan Thiết

Thưa bạn,

Bạn đã theo tôi đi “gỡ cửa” tất cả các thần phật, xét căn cước của từng vị và nhận ra đa số họ chỉ là những thần tượng bằng đất, mang tính văn hóa do tay con người nắn ra. Trên đường đi tìm Chúa, thỏa mãn ước vọng **“Thiên Nhân Tương Dữ”** tức **“Thiên Chúa Làm Người”** tôi đã gặp chính bạn qua hình tượng Jesus nhập thể và nhập thế, vì thế tôi đã chọn Jesus làm Cứu Chúa của mình để “nhờ Người với Người và trong Người” tôi nối kết với tất cả loài người, bất kể bạn là ai, yêu tôi hay ghét tôi.

Các anh em Hồi giáo chắc ghét tôi lắm và theo luật Hồi giáo các bạn kết án tử hình tôi như đã kết án Salman Rushdie. Bị ghét nhưng tôi không oán các bạn, miễn tôi được nói ra cho thỏa mãn tự do của tôi, thỏa mãn lý trí của tôi rồi tôi phải chết cũng hạnh phúc. Bạn có thể giết thể xác tôi nhưng không giết được tinh thần tôi vì thể tôi phải nói thẳng, nói thật những gì tôi biết. Tôi biết, lời tôi khó nghe đối với ai bảo thủ di sản, nhưng thế hệ tương lai sẽ nghe tôi, vì tôi nói với họ cả trái tim và lý lẽ. Nước chảy từ nguồn, tôi không lo nhưng lo cho chính bạn sẽ bị đời đào thải như đã đào thải các thần thánh của Hy Lạp - La Mã khi chúng trở ra là những cục đất. Vậy những thần tượng bạn đang tôn thờ cũng theo số phận khi nó trở đất ra, tôi không lo và chính bạn đang lo đấy.

Bạn đem lý tưởng bình đẳng tôn giáo ra lòe tôi, dọa tôi. Mặc kệ, đường tôi tôi đi.

Người ta nắn cái giống đẻ lên bàn thờ và bảo chúa đây hãy thờ đi, sinh thực khí tượng trưng cho nguyên lý âm dương hóa sinh muôn vật có khác chi Chúa tạo dựng trời đất. Tôi cười thầm triết lý của bạn, nhưng thờ sinh thực khí thì tôi không thờ. Bữa bói ô uế kia tôi cũng có, thờ chúng có khác gì thờ tôi.

Bạn lại bảo đừng thờ ai, ta giải thoát được ta, hay quên cái ta đi tất đạt được quả Bồ Đề, sư tổ Bồ Đề Lạt-ma phải để ra chín năm diện bích mới biết quả Bồ Đề là quả số không. Triết lý có không không dẫn ta đi đến đâu. Nó là cái boomerang hay là vòng tròn vô cực cả hai đầu. Thế là bất lực và thất vọng. Tôi không cần và không thờ.

Bạn lại bảo, hay thờ Chúa A-la đi, Chúa A-la là Chúa duy nhất và cao cả. Vì Chúa là cao cả thì xa lạ và cao quá đối với tôi, tôi đành “kính nhi viễn chi”. Hơn nữa tôi còn biết Chúa A-la là tà thần và do sự muông muội của con người, người ta đã thờ mặt trăng gọi là A-la làm Chúa của mình. Tôi không thờ. Đã có người đổ bộ lên mặt trăng có thấy chúa nào đâu. Nhân loại u mê nghĩ mặt trăng là quả bưởi tỏa sự mát dịu và cho sự sống muôn loài nên mới thờ. Khi khôn ra ta biết mặt trăng chỉ là hành tinh chết.

Còn ai nữa... còn, bạn bảo tôi hãy thờ tất cả. Tôi không thờ. Vì thực chất nó chỉ là “nồi cháo heo” của nhân loại u mê.

Khát vọng về thần của tôi vẫn còn, nhưng không phải là thần xa lạ, thần phải là thần **“Thiên Nhân Tương Dĩ”**. Bỗng chốc tôi nhìn ra bạn, nhìn ra hàng xóm của tôi, bạn là thần đấy, bạn là hình ảnh của Jesus làm người không còn xa lạ với tôi và tôi thờ Ngài làm thần vì bỏ Ngài, tôi ở với ai? Không còn hàng xóm khi tắt lửa tôi đèn.

Lời nói thật khó nghe vì động đến đức tin của nhiều người như cầm dao giết họ hay cầm súng bắn họ. Bạn có chịu không khi tôi bảo Cự Ước kinh không phải là Thánh Kinh. Nếu bạn là người Công giáo, tôi bảo bạn đừng tôn sùng đức Mẹ quá, đừng thần hóa bà Ma-ri-a vì như thế sẽ rơi vào đa thần. Chắc gì bạn đã chịu vì bạn đã quen lần tràng hạt để kính mến đức Mẹ. Tôi lý luận rằng tâm hồn chúng ta như cái bình thông nhau, bạn kính mến ai thì sẽ giảm lòng kính mến Chúa và như thế ta phạm phải giới răn chỉ kính mến Chúa hết lòng. Bạn là người Tin lành tôi bảo cái giáo hội của bạn là giả mạo, vì nếu để Chúa Thánh Linh hướng dẫn từng người đọc Thánh Kinh thì đâu cần tới ông mục sư hay ông truyền đạo và để làm gì? Luther đúng về học lý đức tin nhưng nếu lập giáo hội thì trật lắc! Nếu bạn là người theo đạo Hồi thì hẳn bạn phải bùng tai bịt mắt khi tôi nói A-la là tà thần, Mô-ha-mét là kẻ nói láo, lợi dụng thần quyền để mê hoặc quần chúng u mê cho mục đích thống nhất các bộ lạc du mục của bán đảo Ả-rập. Việc đã xưa rồi, Hồi giáo nên lui vào quá khứ như các thần của Hy Lạp và La Mã.

“Chiến tuyến” đã vạch, hẳn bạn có thể như tôi theo tinh thần Phúc Âm không có kẻ thù mà chỉ có con người, hoặc bạn thù rõ rệt như các người cộng sản phải tạo ra kẻ thù làm mẫu số chung hay như các người Hồi giáo cầm thanh kiếm đi mở mang “nước Chúa”. Thái độ sau thế giới khó có hoà bình bởi vì ta chỉ có tình thương cho đảng ta, phe ta, đạo ta, giai cấp ta, ngoài ra phải tiêu diệt hết.

Giáo hội Thiên Chúa vì “yếu đuối” có thời xa lìa Phúc Âm, mở các cuộc tàn sát ở trong hay ngoài gia đình Thiên Chúa giáo, như tàn sát phái Arius, phái Nestorius, phái Albigenses... Chuyện ấy đã lui vào quá khứ, ngày nay các phái sống thanh thoi như phái Jehovah's Witnesses ai làm gì được. Chuyện đức tin là ơn huệ của Chúa, ai muốn bào chế thế nào nhân tâm tùy thích, không ai có quyền cấm cản như thời Trung cổ hoặc Thượng cổ. Nhưng chính thái độ be bờ tự cô lập mình của các cây cỏ thụ trong giáo quyền làm cho Phúc Âm không được rao giảng đến tận cùng trái đất. Nước Chúa còn đó, chênh lệch tỷ số 1 tỷ 999.566.000 dân Thiên Chúa trên 6 tỷ 0055.049.000 người tính đến năm 2000 hay cụ thể hơn gia đình Ky-tô giáo (Thiên Chúa giáo) chiếm 36,6% dân số thế giới trong đó có 17,5% là Công giáo La-mã, 5,6% Tin-lành, 3,6% Chính-thống, 1,3% Anh-giáo, 6,8% thuộc các giáo hội Ky-tô địa phương và 1,8% không thuộc giáo hội nào. Các giáo hội này chia rẽ, bất cộng tác với nhau tuy cùng một đức tin tin vào Chúa Ba-ngôi và Chúa Giêsu cứu chuộc. Lỗi tại ai và như thế Tin Mừng của Chúa Jesus còn bên lề xã hội. Dominus Jesus phải được toàn cầu hóa thay cho các thần phật bát nháo.



Không giới thiệu về mình, cuốn sách được xem là thư nặc danh. Giới thiệu về mình có kẻ đánh dấu hỏi (?).
Khó quá! Thôi thì tôi chỉ là tôi.

Source:

<https://www.facebook.com/notes/phan-thi%E1%BA%BFt/t%C3%A1c-ph%E1%BA%A9m-h%C3%A0nh-h%C6%B0%C6%A1ng-%C4%91%E1%BA%A5t-ch%C3%BAA-c%E1%BB%A7a-phan-thi%E1%BA%BFt-quy%E1%BB%83n-1/1625459704390289>

Vài dòng về tác giả

PHAN THIẾT nguyên là Thẩm phán của Việt Nam Cộng Hòa. Các tác phẩm của Phan Thiết đi sâu phân tích những xung đột tín ngưỡng tâm linh của người Việt trong tương quan với Phật giáo, Công giáo và tình dục.

Đối diện với sự thống trị của cộng sản trên đất Việt, tác giả Phan Thiết cho rằng phải xây dựng ĐẠO VIỆT.

Đạo Việt không là một khái niệm mới, vì trước Phan Thiết đã có nhiều người bàn đến, trong đó Kim Định là một học giả chuyên về lãnh vực này đã được nhiều nhà nghiên cứu tìm đến.

PHAN THIẾT



NGUYEN KIM KHANH

Các Bút hiệu:

- Phan Thiết
- Nguyễn An
- Anthony K. Nguyen

Tên thật: NGUYEN KIM KHANH
Bút hiệu: Phan Thiết - Nguyễn An - Anthony K. Nguyen

Tuổi tác: 72 tuổi vào năm 2015
Sinh quán: Hưng Yên, Bắc Việt Nam
Trú quán: Melbourne, Australia
Xuất thân: Đại học Luật khoa Sài Gòn
Gia cảnh: Có vợ 2 con
Nghề nghiệp: Công nhân đã hưu dưỡng
Lý tưởng: Tự do, nhân ái
Phương châm: Sự thật, lễ công, tình thương
Sở thích: Du lịch, đọc sách

TÁC PHẨM ĐÃ PHÁT HÀNH

- Đất Việt, Người Việt, Đạo Việt
- Hành Hương Đất Mẹ
- Hành Hương Đất Phật
- Hành Hương Đất Chúa
- Một Bông Hồng Cho Em...
- Kama Sutra (dịch và bình)